

VŨ MINH

中国玉器

NGỌC KHÍ

Trung Quốc



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

VU MINH

NGỌC KHÍ Trung Quốc

Người dịch:

TS. PHẠM TRUNG HIẾU

(Khoa Địa Chất, Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQG TP.HCM)

ThS. TRƯƠNG PHAN CHÂU TÂM

(Khoa Ngữ văn Trung Quốc - ĐHKHXH&NV - ĐHQG TP.HCM)

Người giới thiệu và hiệu đính:

PGS. TS. LÊ TIẾN DŨNG

(Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Hà Nội)



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGỌC KHÍ TRUNG QUỐC

Vu Minh

ISBN: 978-604-58-0481-0

Copyright © 2011 China Intercontinental Press.

Bất kỳ phần nào trong xuất bản phẩm này đều không được phép sao chép, lưu giữ, đưa vào hệ thống truy cập hoặc sử dụng bất kỳ hình thức, phương tiện nào để truyền tải: điện tử, cơ học, ghi âm, sao chụp, thu hình, phát tán qua mạng hoặc dưới bất kỳ hình thức nào khác nếu chưa được sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản.

Ấn bản này được xuất bản tại Việt Nam theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa Nhà xuất bản Truyền bá Ngũ Châu, Trung Quốc và Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vu Minh

Ngọc khí Trung Quốc / Vu Minh ; Phạm Trung Hiếu, Trương Phan Châu
Tâm dịch ; Lê Tiến Dũng hiệu đính. - T.P. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp T.P.
Hồ Chí Minh, 2013.

128 tr. : minh họa ; 15.5x23 cm.

ISBN 978-604-58-0481-0.

1. Ngọc -- Trung Quốc. 2. Đá quý -- Trung Quốc. 3. Nghệ thuật khắc --
Trung Quốc. I. Phạm Trung Hiếu. II. Trương Phan Châu Tâm. III. Lê Tiến
Dũng.

736.20951 -- dc 22

V986-M66

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU.....	5
LỜI MỞ ĐẦU.....	7
Khái quát vài nét về Ngọc khí qua tấm màn thần bí của nó	9
- Ngọc là tinh hoa của trời đất.....	10
- Ngọc khí là vật kế thừa văn minh.....	13
- Văn hóa Ngọc là kết tinh của văn minh Trung Hoa.....	22
Ngọc khí trong các nghi thức tế tự - Thời đại Thần Ngọc	29
- Ngọc khí nền văn hóa Hưng Long Ông	30
- Ngọc khí nền văn hóa Hồng Sơn	33
- Ngọc khí nền văn hóa Lăng Gia Than.....	38
- Ngọc khí nền văn hóa Lương Chử	42
- Ngọc khí nền văn hóa Long Sơn	45
Năm tháng bên cạnh đế vương - Thời đại Vương Ngọc	49
- Ngọc khí đời Thương.....	50
- Ngọc khí thời Tây Chu	54
- Ngọc khí thời Xuân Thu.....	59
- Ngọc khí thời Chiến Quốc.....	63
- Ngọc khí đời Hán	68
- Ngọc khí thời Ngụy Tần, Nam Bắc triều.....	74



Lịch trình Ngọc đi vào dân gian -	
Thời đại Dân Ngọc.....	77
- Ngọc khí đời Đường.....	79
- Ngọc khí đời Tống.....	85
- Ngọc khí đời Liêu.....	89
- Ngọc khí đời Kim.....	92
- Ngọc khí đời Nguyên.....	96
- Ngọc khí đời Minh.....	98
- Ngọc khí đời Thanh.....	105
Ngũ sắc ảo diệu	
của Ngọc khí hiện đại	117
PHỤ LỤC	126



Lời giới thiệu

Trong lịch sử văn minh Trung Quốc, Ngọc khí chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng. Có thể nói ngoa rằng: "Ngọc khí đồng hành cùng với văn minh Trung Hoa, nó là sự gửi gắm khát vọng vươn tới cái Chân, Thiện, Mĩ" của con người. Đồng thời nó là biểu tượng của trí tuệ, tài năng, sự khéo léo của người lao động. Đúng như tác giả Vu Minh nhận xét: "Ngọc khí là kết tinh trí tuệ của dân tộc Trung Hoa, là ngôi sao lấp lánh trong bầu trời đầy sao của nền văn hóa truyền thống Trung Quốc".

Cuốn sách "Ngọc khí Trung Quốc" của tác giả Vu Minh là câu chuyện thú vị về lịch sử Ngọc khí tám ngàn năm ở Trung Quốc từ giai đoạn Ngọc dùng trong các nghi thức tế tự, giai đoạn Ngọc dùng trong cung đình, giai đoạn Ngọc được sử dụng rộng rãi trong dân gian cho tới Ngọc khí hiện đại. Đó cũng là câu chuyện về đời sống văn hóa của xã hội Trung Hoa được thể hiện qua sự vận động, biến đổi của các hình thái Ngọc khí đa dạng và ẩn sâu trong chúng là những giá trị phổ quát của các lĩnh vực tôn giáo, chính trị, đạo đức, văn học cũng như đời sống dân dã. Cuối cùng là những lời tâm tình, ước vọng từ chủ thể chính của văn hóa Ngọc Trung Quốc – người lao động khéo léo, tài năng và trí tuệ.

Tác giả cuốn sách cũng mô tả cho bạn đọc thấu hiểu vẻ đẹp của Ngọc khí khi thể hiện sự kết nối tâm linh, vẻ mạnh mẽ uy nghi của quyền lực, phẩm hạnh đạo đức, nhân cách và sự sang trọng giàu có của nó.

Bản dịch tiếng Việt của TS. Phạm Trung Hiếu và ThS. Trương Phan Châu Tâm đã cố gắng chuyển dịch sát với ý tưởng, lời văn trong nguyên tác từ những thuật ngữ chuyên môn sâu đến tri thức về văn hóa Ngọc khí Trung Quốc. Tác phẩm là thể loại khó trong dịch thuật, nên dù đã rất tâm huyết, rất

thận trọng, xong chắc chắn vẫn còn có những hạn chế, khiếm khuyết. Rất mong độc giả lượng thứ và chỉ bảo.

Xin trân trọng giới thiệu tới bạn đọc cuốn sách "Ngọc khí Trung Quốc" do Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2012

PGS.TS. Lê Tiến Dũng

(Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Hà Nội)

Lời mở đầu

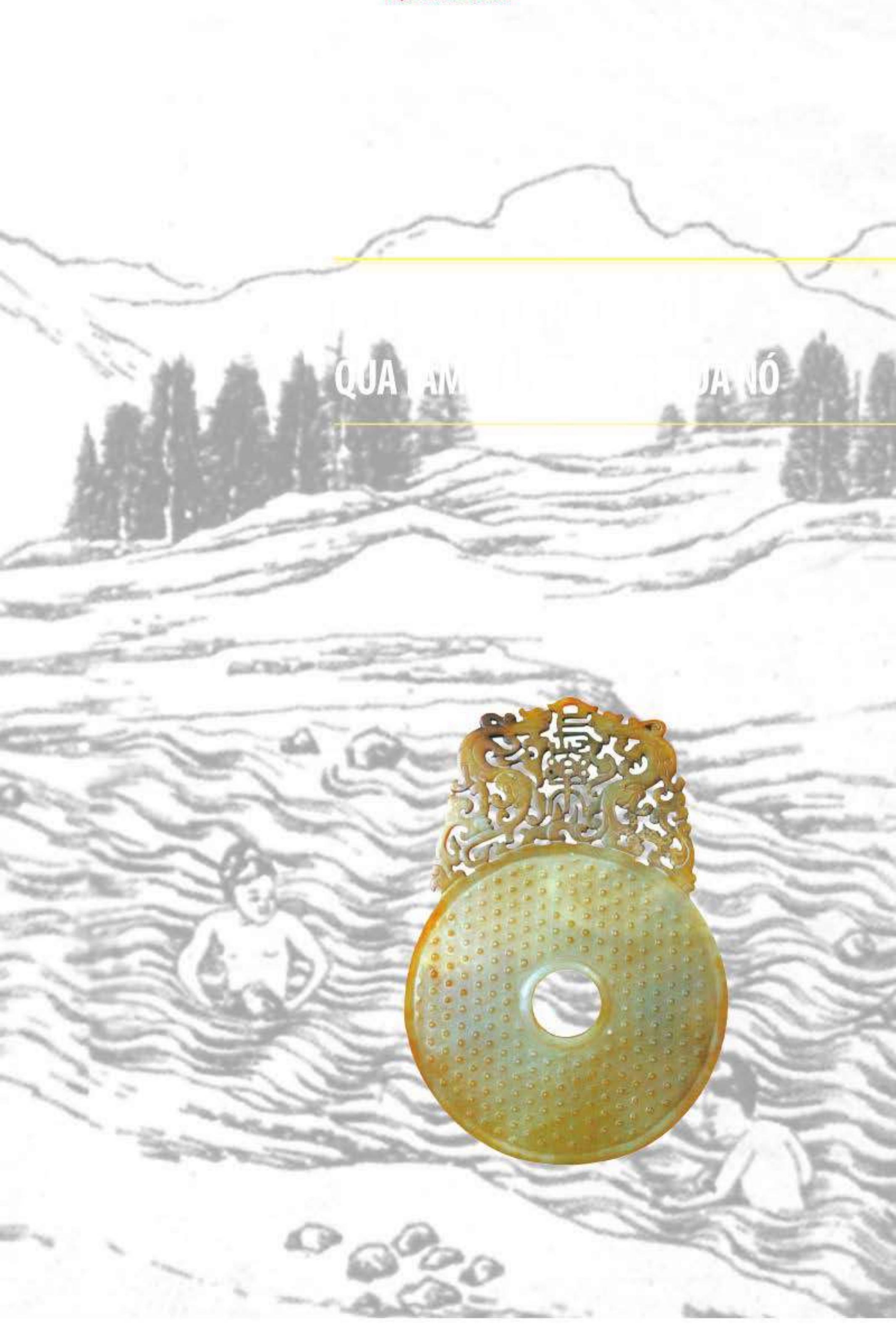
Trung Quốc là nơi có lịch sử văn hóa lâu đời trên thế giới, là "ngọc khí chi bang" của một dân tộc đa sắc tộc. Dân tộc Trung Hoa là dân tộc tôn sùng Ngọc, yêu Ngọc, họ có lịch sử Văn hóa Ngọc tầm ngàn năm mà các dân tộc khác trên thế giới không thể so sánh được. Trong những năm tháng lâu đời ấy, con người phủ lên Ngọc khí một màu sắc thần bí, biến nó thành chỗ dựa tinh thần cho mình. Từ đó, Văn hóa Ngọc khí ăn sâu vào gốc rễ văn hóa truyền thống Trung Quốc, đồng thời có tác dụng đặc biệt trong nhiều phương diện của cuộc sống mà các tác phẩm nghệ thuật khác không thể thay thế được.

Tám ngàn năm trước, người nguyên thủy đã biết dùng Ngọc để chế tạo công cụ và đồ trang sức. Đến thời kỳ đồ đá mới, cùng với sự xuất hiện của tôn giáo nguyên thủy, Ngọc khí trở thành tín vật của thần linh. Phát triển đến thời Thương Chu (1600 TCN – 256 TCN), sự hoàn chỉnh về lễ nghi, tế tự làm Ngọc khí trở thành vật tượng trưng cho thân phận và cấp bậc trong xã hội. Vào thời Hán (206 TCN – 220 TCN), cùng với sự hưng thịnh của tư tưởng thần linh, và sự hình thành quan niệm "sự tử như sự sinh" (chết đi vẫn phải được đối đãi như khi còn sống), mà Ngọc khí trở thành chỗ dựa cho mong ước trường sinh bất tử, ngàn năm bất hủ của con người. Tuy thời kỳ Tam Quốc, lưỡng Tấn, Nam Bắc triều (220 - 589) xã hội rối ren, việc chế tác Ngọc khí rơi vào hoàn cảnh khó khăn, nhưng khi xã hội ổn định, từ thời Đường, Tống (618 - 1279) đến thời Minh, Thanh (1368 - 1911), nghệ thuật chế tác Ngọc khí lại bừng lên, hòa nhập vào dân gian, chúng trở thành bài thơ ca ngợi cuộc sống cũng như chỗ dựa để con người bày tỏ tình cảm của mình. Những tác phẩm Ngọc khí làm từ chất liệu thiên nhiên, được chọn lựa kỹ càng và gia công

khéo léo, là kết tinh trí tuệ của dân tộc Trung Hoa, là ngôi sao lấp lánh trong bầu trời ngàn sao của nền văn hóa truyền thống Trung Quốc, đồng thời cũng là viên Ngọc quý trong kho tàng di sản văn hóa thế giới. Trong dòng lịch sử tám ngàn năm, Văn hóa Ngọc Trung Quốc đã sớm hình thành một hiện tượng văn hóa độc đáo, những bậc quân tử trong lịch sử Trung Quốc không ai là không tôn sùng Ngọc, và biến nó thành tiêu chuẩn của việc đối nhân xử thế và khuôn mẫu làm người, do đó có câu thành ngữ "thủ thân như Ngọc" (giữ thân và phẩm chất như Ngọc). Tình cảm đối với Ngọc đã thấm sâu vào gốc rễ của dân tộc Trung Hoa. Văn hóa Ngọc có lịch sử lâu dài, nội dung phong phú và hàm súc, là một bộ phận quan trọng của văn minh Trung Hoa, đồng thời có vị trí đặc biệt trong lịch sử văn hóa thế giới.



Hình "Tim Ngọc ở sông Bạch Ngọc" trong sách "Thiên Công Khai Vật" của nhà khoa học đời Thanh, Tống Ứng Tinh (1587 - 1661).





NGỌC LÀ TINH HOA CỦA TRỜI ĐẤT

Ngọc, nói đơn giản là những loại khoáng thạch đặc biệt. Trong mắt người Trung Quốc cổ, Ngọc là viên đá đẹp óng ánh và bóng, những khoáng thạch này thông qua quá trình mài giũa sẽ tạo ra Ngọc khí. Do những Ngọc khí này được chế tác từ các thời đại khác nhau, nên chúng mang những bối cảnh lịch sử khác nhau, đồng thời truyền tải những sứ mệnh lịch sử không giống nhau; cho nên Ngọc có thuộc tính của hai phương diện tự nhiên và xã hội. Người Trung Quốc thường nói về Ngọc là "thạch chi mỹ, hữu ngũ đức giả" (là viên đá đẹp thì có năm phẩm chất tốt). Gọi là "thạch chi mỹ", ý chỉ thuộc tính tự nhiên của Ngọc; "hữu ngũ đức giả" chỉ những đặc điểm được con người nhân cách hóa cho Ngọc. Năm thuộc tính như ánh sáng óng ánh, trong ngoài như một, âm thanh thanh thoát, tư chất rắn rỏi, trong nhu có cương của Ngọc được ví với năm phẩm chất đạo đức nhân, nghĩa, trí, dũng, khiết của con người, đây cũng chính là thuộc tính xã hội của Ngọc.

Ngọc sở dĩ trở thành viên đá đẹp trong mắt của người Trung Quốc xưa, vì nó phù hợp với tiêu chuẩn thẩm mĩ của con người.

Từ thời kỳ đồ đá, tổ tiên dân tộc Trung Hoa đã có một thời gian dài tiếp xúc với đá, sau khi tiến hành so sánh kiểm định đá và Ngọc rất nhiều



Khánh Ngọc bích mạ vàng đời Thanh

Khánh là loại nhạc cụ quan trọng của cung đình đời Thanh. Một bộ có 16 mảnh, hình dạng bên ngoài và kích thước trung bình giống nhau. Độ dày mỏng khác nhau của những mảnh Khánh này sẽ đem lại những hiệu quả âm thanh khác nhau, khánh càng mỏng âm thanh càng thấp.

lần, họ đã có những nhận thức nhất định về đặc trưng của Ngọc, cuối cùng họ chọn lọc được từ đá những chất liệu có chất lượng hơn đá.

Vậy thì Ngọc đẹp ở những điểm nào?

Ngọc đẹp từ chất. Ngọc ở dạng thô cứng và mịn, người Trung Quốc xưa cho rằng Ngọc có vẻ đẹp "kiểu chấn tể nhị" (tinh tế rắn rỏi). Ngọc còn có màu sáng mát dịu, theo người xưa cho rằng đó là vẻ đẹp "ôn nhuận nhi trạch" (ôn hòa thuần khiết) của ngọc. Ngọc ở dạng thô ít tạp chất, được cho là có vẻ đẹp "vô hà" (không khuyết điểm). Nó đẹp ở độ ngưng tụ, ôn hòa, thuần khiết, khiến người mê ngọc không thể rời tay.

Ngọc đẹp từ tính. Độ cứng, độ dẻo và độ ma sát của Ngọc cao, có thể bảo tồn lâu dài và khó vỡ. Ngọc thô ôn hòa sáng bóng, đại bộ phận ở dạng bán trong suốt, lộ lên vẻ đẹp mông lung huyền diệu. Tính chất vật lý của Ngọc đặc biệt, sức dẫn nhiệt thấp, không thay đổi nhiều trong môi trường nóng lạnh, thích hợp để làm đồ trang sức hoặc đồ thủ công mĩ nghệ. Tính chất hóa học của Ngọc ổn định, không dễ bị ăn mòn bởi axít kiềm, có thể chôn sâu dưới lòng đất ngàn năm vẫn tồn tại.

Ngọc đẹp từ màu sắc. Do chứa nhiều nguyên tố khác nhau, nên Ngọc thường có những màu sắc lung linh, đây cũng chính là biểu hiện trực quan của Ngọc. Người Trung Quốc cổ miêu tả về màu sắc của Ngọc: "Hoàng như chưng li, bạch như tiệt chi, hắc như thuần tất" (vàng như hạt dẻ, trắng trong như mờ, đen như sơn đặc). Lớp vỏ ngoài của Ngọc có nhiều màu sắc đẹp như: màu vỏ quả lê, da hổ v.v... Ngọc khí với những màu sắc khác nhau thể hiện những cảm nhận khác nhau, đồng thời có những cách sử dụng riêng biệt.

Ngọc đẹp từ âm thanh. Ngọc ở dạng thô mịn, khi va chạm có thể phát ra âm thanh vang xa. Âm thanh của Khánh ngọc ngân vang vui tai, ngân nga, "Ngọc chấn kim thanh" tiếng của vàng, âm rung của ngọc (Ngọc vang tiếng vàng) là lời bình cao nhất cho âm thanh phát ra từ Ngọc.

Ngọc có những đặc điểm nổi bật như vậy, thế những loại đá nào được cho là Ngọc.

Do tiêu chuẩn về Ngọc của các thời đại khác nhau, dẫn đến phạm vi chủng loại của Ngọc qua các thời kỳ cũng không đồng nhất. Trong đó, Ngọc Hòa Điển, Ngọc Tụ Nham, Ngọc Độc Sơn và đá Lục Tùng được xem là tứ đại danh Ngọc của Trung Quốc. Ngoài ra, Ngọc ở dạng thô qua các thời kỳ lịch sử còn có: Phi Thúy, đá Thanh Kim, đá Khổng Tước, Mã Não, Hổ Phách, San Hô v.v.. Chủ yếu nhất vẫn là loại Ngọc Hòa Điển thuộc vùng Tân Cương và ngọc Phi Thúy.

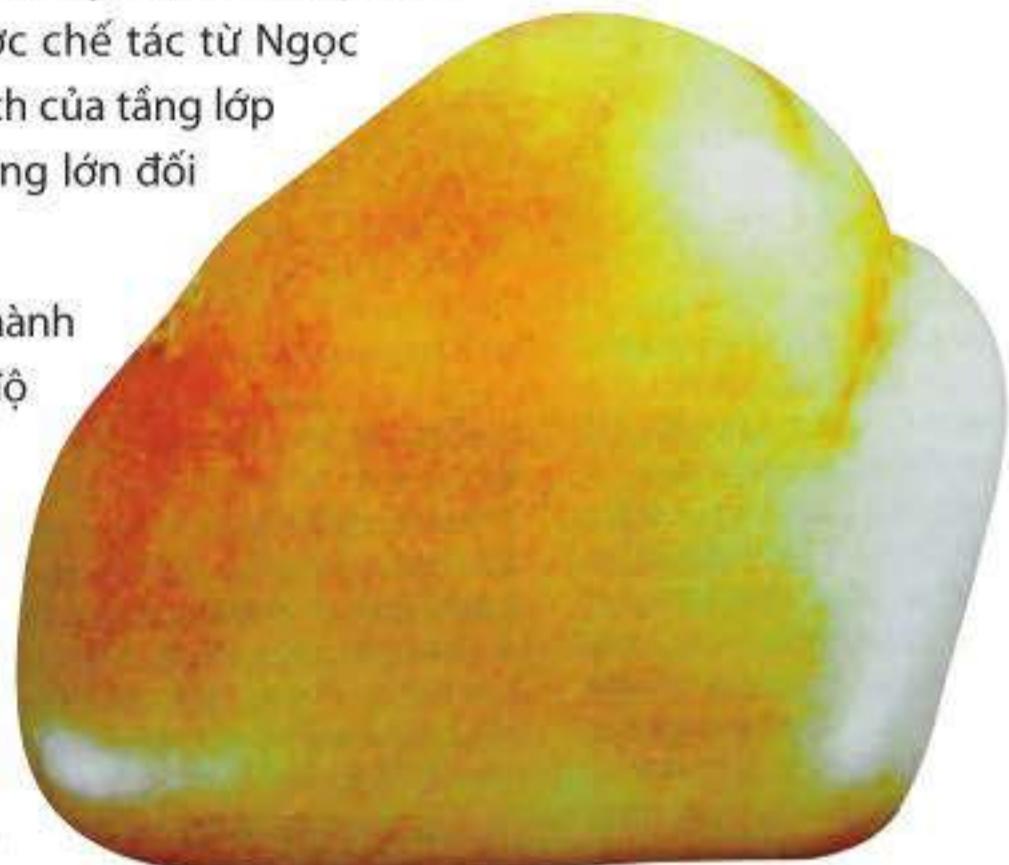




Ngọc Hòa Điển Tân Cương do được tìm thấy ở khu vực Hòa Điển thuộc Tân Cương nên được đặt tên này, thuộc loại đá amphibol, độ cứng là 6 - 6.5, phân biệt bởi hai loại Sơn liệu và Tử liệu. Sơn liệu (Ngọc ở núi) dạng khối, được hình thành ở khu vực núi Côn Lôn, Tử liệu là loại chất liệu Ngọc có hình trứng ngỗng, được bao bọc bởi lớp vỏ có màu sắc, hình thành tự nhiên ở sông Bạch Ngọc, Hòa Điển. Trong tất cả các chất liệu Ngọc Trung Quốc cổ đại thì Ngọc Hòa Điển được cho là tốt nhất. Loại Ngọc này có các màu chủ yếu sau: Bạch Ngọc (màu trắng), Hoàng Ngọc (màu vàng), Thanh Ngọc (màu xanh da trời), Bích Ngọc (màu xanh biếc), Mắt Ngọc (màu đen) v.v... Trong đó, Bạch Ngọc được cho là quý nhất, trong Bạch Ngọc, tốt nhất là loại "Dương chi bạch ngọc" (ngọc có màu trắng như mờ dê) đặc điểm của nó là trắng, trong suốt, láng mịn và sáng bóng, số lượng của nó ít, giá cả lại cao. Từ thời đại đồ đá mới đến nay, các triều đại đều có nhiều tác phẩm điêu khắc được chế tác từ Ngọc Hòa Điển, nó nhận được sự yêu thích của tầng lớp quý tộc, đồng thời có sức ảnh hưởng lớn đối với văn hóa Ngọc Trung Quốc.

Phỉ Thúy, thuộc loại đá pyroxen, thành phần chủ yếu gồm Si, Na, Al v.v.. độ cứng 6.5 - 7, các màu chủ yếu gồm: xanh lá cây, trắng, đỏ v.v.. trong suốt đến bán trong suốt, sáng bóng như thủy tinh. Tương truyền, Phỉ Thúy là tên hai loài chim, Phỉ là loài chim đỏ và Thúy là loài chim xanh. Cũng có nơi cho rằng Phỉ Thúy là loài chim có bộ lông với màu đỏ và xanh lá cây đan xen nhau, vì loại Ngọc

này giống màu lông chim ấy nên được gọi là Phỉ Thúy. Ngọc Phỉ Thúy có chất liệu mịn không khuyết điểm, độ trong cao, có màu xanh lá cây đậm là loại có chất liệu tốt nhất. Do khó đoán được chất lượng qua bề mặt bên ngoài của Phỉ Thúy, nên mới có câu "thần tiên nan đoán thốn Ngọc" (thần thánh cũng khó mà đoán được Ngọc). Từ cổ chí kim, không biết bao nhiêu người nhờ đoán chất lượng qua màu sắc của Phỉ Thúy mà trở nên giàu có, cũng không ít người vì đó mà khuynh gia bại sản. Nguyên liệu chủ yếu của Phỉ Thúy vốn xuất xứ từ Myanmar, các tác phẩm chế tác từ Phỉ Thúy thịnh hành vào giữa đời Thanh Trung Quốc (1616 - 1911), phát triển nhất vào cuối đời Thanh.



Ngọc Hòa Điển màu vàng. (Ảnh Tư liệu)



Phí Thúy ở dạng thô.

NGỌC KHÍ LÀ VẬT KẾ THỪA VĂN MINH

Ngọc ở dạng thô là một dạng đá tự nhiên, tuy đẹp nhưng vẫn rất thô sơ, như Đường Thái Tông nói: "Ngọc đẹp nhưng nếu không qua mài giữa thì chẳng khác nào gạch vụn". Chỉ có thể căn cứ vào nhu cầu thẩm mĩ và ý nghĩa văn hóa của con người chế tác Ngọc thành vật dụng, nó mới thể hiện được tính nhân văn sâu sắc và trở thành vật truyền tải của văn hóa. Ngọc đẹp còn bởi nó thể hiện tâm hồn con người. Do đó, cổ nhân Trung Quốc nói: "Ngọc bất trác, bất thành khí" (Ngọc không mài, thì không có giá trị). Ngọc khí được chế tác từ đá quý, qua phương pháp, công nghệ và một quá trình mài giũa nhất định mới tạo thành.

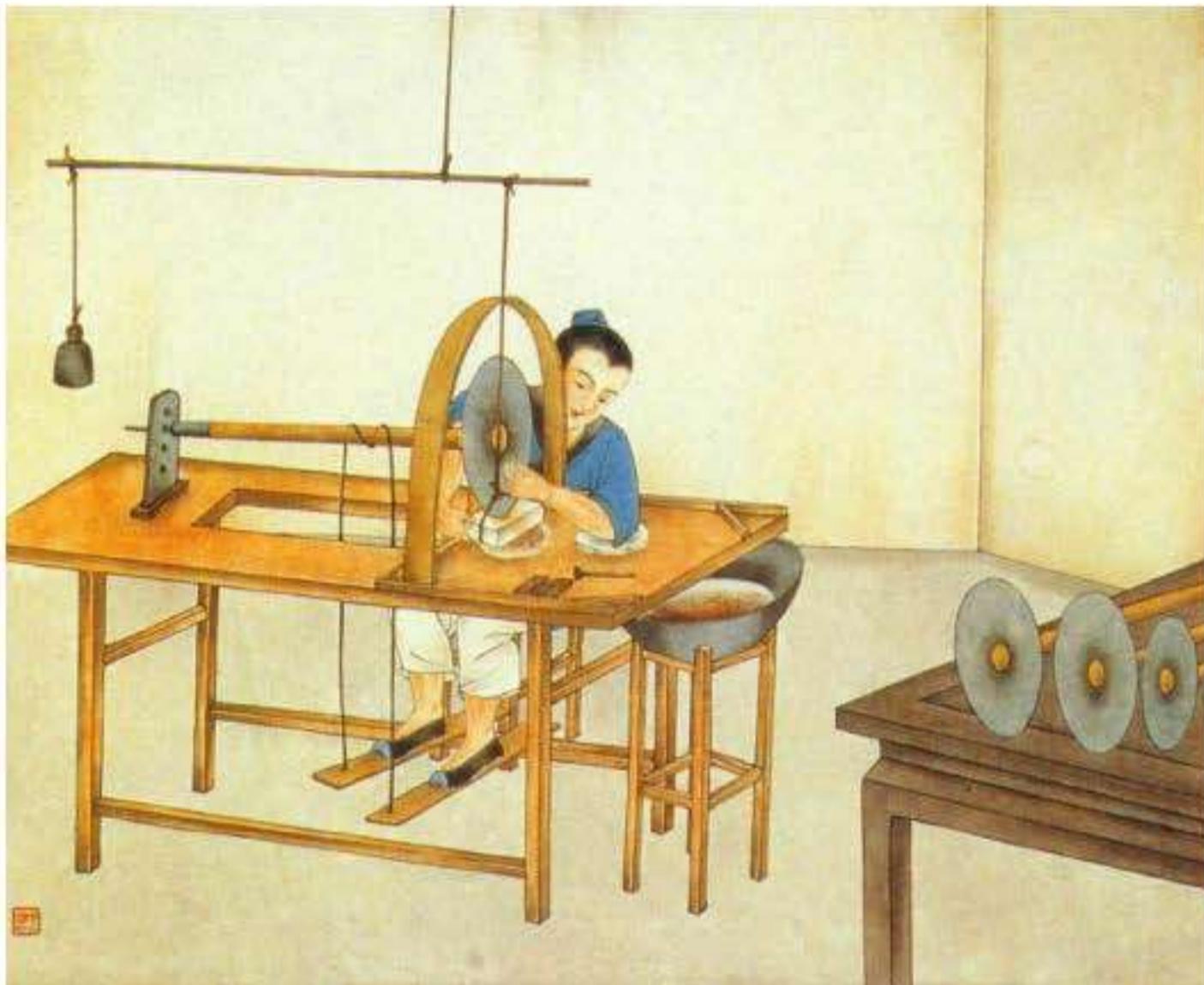
Công cụ và phương thức chế tác Ngọc

Ngọc khí được tạo thành như thế nào? Trước tiên, chúng ta tìm hiểu các công cụ chế tác rồi tìm hiểu đến quá trình chế tác Ngọc khí.

Qua các thời kỳ lịch sử Trung Quốc, công cụ chế tác Ngọc khí không thay đổi quá nhiều, công cụ chế tác chủ yếu vẫn là sử dụng máy mài Ngọc.

Máy mài (còn gọi là thủy đằng) là công cụ cơ bản để chế tác Ngọc. Thực chất, nó là một loại máy mài có động lực được phát ra từ bàn đạp, trên trực chính có thể gắn các loại lưỡi mài với các kích thước khác nhau gọi là lưỡi đá mài. Khi hai chân đạp lên bàn gỗ, lưỡi mài ở trực chính sẽ chuyển động, cho thêm cát giải Ngọc (loại cát chuyên dùng trong việc chế tác Ngọc) và nước vào giữa lưỡi mài với chất liệu Ngọc là có thể tiến hành





Dùng dao mài chế tác Ngọc.

gia công mài giũa Ngọc. Phương pháp chế tác Ngọc này được Tống Ứng Tinh đời Minh trong cuốn sách *Thiên Công Khai Vật* viết: "Khi cắt Ngọc, dùng đĩa thép tròn, cùng với nước và cát, đạp bàn đạp để đĩa thép quay tròn, thêm cát giải Ngọc, sau đó tiến hành cắt". Ở đây, ta cần tìm hiểu rõ hơn hai loại công cụ sau: dao mài và cát giải Ngọc. Trong máy mài, dao mài có tác dụng như lưỡi cưa trong công nghiệp hiện nay, làm bằng thép, độ cứng của nó ở mức 5, trong khi đó độ cứng của Ngọc từ 6 tới 7. Do vậy, dao mài thép không thể cắt được Ngọc, phải thêm chất phụ gia vào giữa chúng mới có thể tiến hành mài giũa chất liệu Ngọc, chất phụ gia ấy là cát giải Ngọc. Thành phần chủ yếu của cát giải Ngọc là thạch anh, độ cứng 7 trở lên.

Tác dụng của dao mài là ép sát cát giải Ngọc, gia công chất liệu Ngọc thành Ngọc khí, cũng có thể nói cách chế tác Ngọc khí thời cổ đại dựa vào cát giải Ngọc mài Ngọc mà hoàn thành. Trung Quốc có câu: "Tha sơn chi thạch, khả dĩ công Ngọc" (đá ở

Thiên Công Khai Vật

Là một quyển sách về khoa học kỹ thuật có tính tổng hợp của Trung Quốc cổ đại. Tác giả là Tống Ứng Tinh, nhà khoa học đời Minh. Sách ghi chép các loại kỹ thuật từ giữa đời Minh trở về trước của Trung Quốc cổ đại, tất cả có ba tập thượng, trung, hạ. Trong đó gồm mười tám quyển nhỏ và một trăm hai mươi mốt hình đi kèm. Sách mô tả các công đoạn, hình dạng và tên gọi của hơn một trăm ba mươi công cụ cũng như kỹ thuật khoa học. Nó được các học giả nước ngoài đánh giá là cuốn sách công nghệ bách khoa toàn thư của Trung Quốc thế kỷ mười bảy.



Làm cát giải Ngọc đó chính là “*Tha sơn chi thạch*”.

núi khác có thể dùng để gia công Ngọc)¹¹. Sự tinh xảo của Ngọc khí không chỉ dựa vào việc điêu khắc mà còn dựa vào công cụ mài, nó cứng hơn chất liệu Ngọc, thêm sự hỗ trợ của nước là có thể mài được Ngọc. Cũng vì vậy mà người Trung Quốc cổ gọi việc chế tác Ngọc là trì Ngọc.

Cùng với sự phát triển của thời đại và sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, việc gia công Ngọc khí hiện nay đã có rất nhiều thay đổi. Công cụ chế tạo mà hiện nay dùng là các loại máy chạy điện có đĩa cắt bên ngoài phủ bằng bột kim cương và bằng kim cương, cát giải Ngọc cắt, độ cứng trên 7, có thể trực tiếp gia công chất liệu Ngọc.

Nắm được nguyên lý và công cụ chế tác Ngọc khí, ta sẽ tìm hiểu về các công đoạn chế tác Ngọc. Trình tự các công đoạn chủ yếu của việc chế tác Ngọc khí gồm: tuyển chọn nguyên liệu, thiết kế, khắc sơ lược, khắc chi tiết, đánh bóng.

1 Ở đây ý nói dùng thêm những yếu tố bên ngoài để hỗ trợ trong quá trình mài giũa ngọc.





Nguyên liệu Ngọc sau khi chọn lọc xong, tiến hành cắt, thiết kế và khắc sơ bộ.

Chế tác Ngọc khí phải chọn đúng nguyên liệu, một khối nguyên liệu Ngọc thích hợp để tạo ra loại Ngọc khí nào, cẩn cẩn cứ vào hình dạng, màu sắc và vết nứt của nguyên liệu Ngọc. Thường thì chất liệu Ngọc có thể tích lớn và hoàn chỉnh thì thích hợp làm đồ gia dụng. Thể tích nhỏ và không hoàn chỉnh thì có thể làm các vật nhỏ gọn. Đối với loại nguyên liệu Ngọc có màu sắc còn có thể dùng để **Tiêu điêu**. Chất liệu Ngọc sau khi được chọn lọc sẽ tiến hành thiết kế.

Thiết kế là bước quan trọng nhất của việc chế tác Ngọc khí, thông thường thì người thiết kế căn cứ vào màu sắc, thể tích, hoa văn và hình dạng của chất liệu Ngọc để xây dựng chủ đề điêu khắc, không lâng phí. Sau đó, dựa vào màu sắc đẹp vốn có của nó, gia công để vẽ đẹp đó đạt đến hiệu quả tốt nhất. Tiếp theo, dùng ưu điểm để che đi khuyết điểm của chính nó, che đi các vết rạn nứt trầy xước. Ban đầu bắn vẽ thiết kế của Ngọc khí có thể vẽ trước ra giấy hoặc vẽ trực tiếp lên nguyên liệu Ngọc. Nguyên liệu Ngọc sau khi thiết kế hoàn tất sẽ được tiến hành khắc sơ bộ.

Tiêu điêu

Sử dụng các đường vân và màu sắc tự nhiên của đá quý, chọn cách điêu khắc phù hợp với nó, làm cho sự tạo hình và màu sắc của tác phẩm đạt đến hiệu quả nghệ thuật hoàn mỹ nhất. Đây cũng là một loại hình độc đáo của nghệ thuật gia công đá quý. Những tác phẩm này có hình dạng đặc biệt, màu sắc đẹp, tập hợp đầy đủ nghệ thuật cùng như kỹ thuật điêu khắc Ngọc của Trung Quốc cổ đại.

Khắc sơ bộ là bước đầu căn cứ vào bản thiết kế khắc lên hình dáng khái quát cho nguyên liệu Ngọc. Công việc chủ yếu là cắt nguyên liệu Ngọc, bỏ đi những nơi thừa ra không thuộc bản thiết kế, tạo thành những đường nét khái quát. Trong quá trình này cần cố gắng tránh các vết nứt bên trong nguyên liệu Ngọc, sử dụng tất cả các ưu điểm của nó. Bước khắc sơ bộ này rất quan trọng, nó quyết định việc khắc Ngọc này có thành công hay không.

Trong giai đoạn khắc sơ bộ, phải vận dụng cách điêu khắc chuyên dùng cho Ngọc khí. Phương thức điêu khắc của Ngọc khí gồm các dạng: lũ điêu, thấu điêu, phù điêu và viên điêu. Lũ điêu là kiểu khắc cao và thấp đan xen vào nhau trên bề mặt Ngọc khí, khắc tương đối sâu nhưng không xuyên qua Ngọc. Thấu điêu là phương pháp điêu khắc xuyên qua bề mặt Ngọc, khắc ra hình mà trông như trong suốt, không tìm được vết khắc bắt đầu từ đâu. Phù điêu là kiểu khắc các dạng hình thể trên bề mặt Ngọc, có thể phân biệt bởi phù điêu sâu và nông. Viên điêu chủ yếu khắc các hình dạng lập thể hoàn chỉnh như con người, động vật, hoa lá, các loại bình, lọ. Ngọc khí thông qua bước khắc sơ lược, thì có thể tiến hành khắc chi tiết.

Khắc chi tiết, tiến hành mài giũa tỉ mỉ, bao gồm hai giai đoạn mài giũa và chỉnh sửa Ngọc. Ngọc sau khi đã được khắc sơ bộ sẽ có hình dạng khái quát, cần tỉ mỉ mài giũa để định hình cho nó. Quá trình khắc chi tiết là thêm



Mài giũa, điêu khắc tỉ mỉ.





một bước nữa khắc họa chi tiết hơn hình dạng khái quát của Ngọc khí, làm cho những hình ảnh hoa lá, chim chóc, thú vật, con người lộ ra rõ nét, sinh động và có sức biểu hiện tình cảm tinh tế hơn. Trong bước khắc sơ bộ, ta dùng công cụ cắt lớn, khi bước vào giai đoạn khắc chi tiết nhất định phải dùng công cụ gọt giữa nhỏ. Hoàn thành xong bước khắc chi tiết vẫn cần phải chỉnh sửa, những phần dễ vỡ và khó điêu khắc thường được hoàn thành trong giai đoạn này.

Sau bước khắc chi tiết hoàn tất, bước tiếp là tiến hành đánh bóng.

Đánh bóng thực chất là công đoạn mài giũa đơn giản, dùng công cụ đánh bóng kết hợp với bột đánh bóng li ti, mài lén bề mặt Ngọc khí, đạt đến mức sáng bóng.

Đánh bóng là bước quan trọng trong quá trình chế tác Ngọc khí. Dù Ngọc khí có được điêu khắc tinh xảo đến mức nào đi chăng nữa thì bề mặt của nó cũng không tránh khỏi những phần không bằng phẳng và thô ráp. Thông qua quá trình đánh bóng, sự sáng bóng và nét quý phái thoát tục của Ngọc khí mới thể hiện ra, từ đó toát lên phẩm chất cao quý của nó.

Đến đây, một viên Ngọc thông qua mấy bước gia công, đã trở thành một món Ngọc khí hoàn chỉnh. Nó không chỉ chứa đựng cảm hứng nghệ thuật của người thiết kế và kỹ thuật gia công của người thợ điêu khắc, mà còn bao hàm thông điệp văn hóa của xã hội đương thời, cũng như đánh dấu bước chân của thời đại.

Chủng loại phong phú, sử dụng rộng rãi

Trong lịch sử phát triển lâu dài của Ngọc khí, tình cảm yêu Ngọc đặc biệt của dân tộc Trung Quốc đã giúp họ tạo ra vô số tác phẩm Ngọc khí. Chủng loại của chúng đa dạng,



Ngọc hình miếng thịt (đời Thanh)

Hiện đang trưng bày ở viện bảo tàng Đài Bắc. Món Tiêu điêu này được điêu khắc tinh xảo, hình dạng sinh động, thể hiện vẻ đẹp của gia công mỹ nghệ.

Bích là một loại Ngọc khí hình bắn tròn có khoan lỗ ở giữa. **Tông** là một dạng Ngọc khí trục rỗng, bên trong hình tròn, bên ngoài hình vuông. **Khuê** là Ngọc khí dạng phiến dài, thân dưới bằng phẳng, đầu hình tam giác hoặc bằng phẳng. **Chương** được cho là "bán Khuê viết Chương" (một nửa Khuê là Chương), hình dạng của nó giống một nửa của Khuê, là loại Ngọc khí dài có phần thân dưới bằng phẳng, phần đầu vát hình lưỡi dao. **Hổ** là một dạng Ngọc khí lập thể tròn hình hổ nằm hoặc dạng phiến hình hổ. **Hoàng** còn được cho là "bán Bích viết Hoàng" (một nửa của Bích là Hoàng), hình dạng của nó giống một bộ phận của Bích, là loại Ngọc khí hình cung.



Ngọc khí thời Chiến Quốc.

Khai quật ở mộ Tăng Hầu Ất, thành phố Tùy Châu, tỉnh Hồ Bắc, tổng cộng có hai mươi mốt món Ngọc. Chúng nhỏ gọn, có hình trâu, dê, heo, chó, vịt v.v.. thuộc loại Ngọc dùng trong tang lễ, được chôn cùng người chết.

Ngọc tắc còn được gọi là Cửu khiếu tắc, "Cửu khiếu" chỉ hai mắt, hai tai, hai lỗ mũi, miệng, bộ phận sinh dục và hậu môn. "Cửu khiếu tắc" chỉ chín món Ngọc khí đặt ở chín vị trí. Người Hán cho rằng, Cửu khiếu là nơi có thể thoát tinh khí, nếu tinh khí thoát đi, thi thể sẽ mục nát. Do đó, để lưu giữ tinh khí, họ dùng Ngọc làm chín Ngọc Tắc.

Ngọc Hàm, chỉ loại Ngọc đặt trong miệng người chết, nhưng không giống với loại Ngọc "Cửu khiếu tắc" nhét ở miệng, đa số là Ngọc hình con ve.

Ngọc Ác là loại Ngọc khí đặt trong lòng bàn tay người chết, thể hiện quan niệm không nỡ để người chết "trắng tay ra đi" của người Trung Quốc cổ xưa.

hình dạng phong phú và được sử dụng một cách rộng rãi khiến ta kinh ngạc. Những Ngọc khí này có thể phân ra thành các dạng sau:

Ngọc Lễ nghi (Ngọc dùng trong nghi lễ), là loại Ngọc khí người Trung Quốc cổ xưa dùng trong các nghi lễ lớn như tế tự v.v.. Trung Quốc là đất nước của lễ nghi, một trong những hoạt động nghi lễ quan trọng của họ là tế tự trời đất và tổ tiên. Những Ngọc khí được dùng trong những nghi lễ ấy chủ yếu có: Bích, Tông, Khuê, Chương, Hổ, Hoàng v.v..

Ngọc thể hiện cho cấp bậc. Đây là loại Ngọc khí mà tầng lớp thống trị trong các thời đại dùng để phân biệt với các tầng lớp khác trong xã hội. Ngọc khí Trung Quốc từ khi bắt đầu xuất hiện đã được khoác lên dấu ấn của quyền lực. Chủ yếu có Ngọc dải khóa, chuỗi hạt v.v..

Ngọc dùng trong tang lễ. Người Trung Quốc cổ chế tác Ngọc khí để bảo tồn thi thể. Trong lịch sử Trung Quốc, người ta tin rằng dùng Ngọc liệm người chết có thể giữ thi thể không bị thối rữa, đồng thời giúp linh hồn trở nên vĩnh cửu. Trên cơ sở ấy, Ngọc còn dẫn linh hồn thăng thiên, được





chuyển kiếp. Ngọc dùng trong tang lễ chủ yếu có Ngọc Y (quần áo Ngọc), Ngọc Tắc, Ngọc Hàm và Ngọc Ác.

Ngọc dùng làm trang sức, là loại Ngọc khí mang theo trên người, cũng là loại ngọc khí mà người Trung Quốc từ xưa đến nay đều sử dụng. Ngọc khí Trung Quốc đầu tiên cũng do mục đích làm trang sức mà ra đời. Chủ yếu có trâm Ngọc, hoa tai, dây chuyền, thắt lưng v.v..

Ngọc dùng trong đời thường có chức năng sử dụng như công cụ. Những người giàu có và tầng lớp quý tộc trong lịch sử Trung Quốc thường dùng Ngọc làm những vật dụng dùng để hưởng thụ một cuộc sống chất lượng cao. Tuy nhiên, những Ngọc khí này là vật dụng trang trí thì đúng nghĩa hơn là vật dụng gia đình, ví dụ như các công cụ sản xuất như rìu, dao, xẻng v.v.; các vật dụng văn phòng như: ống bút, hộp đựng giấy, hộp đựng con dấu; các công cụ trong đời sống như bếp lò, bình, chén bát, ấm tách v.v..

Ngọc dùng để trang trí, là dạng Ngọc mang tính chất đồ mĩ nghệ dùng để thưởng thức. Giai cấp vương công quý tộc và văn nhân mặc khách của Trung Quốc cổ đại dùng loại Ngọc khí này trưng bày trên tủ kệ hoặc trên bàn làm việc, vừa thể hiện sự giàu có, vừa trang nhã đẹp mắt. Thường là những món Ngọc khí như: Ngọc Sơn Tử, Ngọc Như Ý, Ngọc khí điêu khắc hình động thực vật và người, v.v..

Ngoài ra, còn có những Ngọc khí dùng trong tôn giáo, ngọc khí, giả cổ ngọc khí ngoại lai, v.v.. Chủng loại Ngọc của Trung Quốc rất nhiều, có quan hệ tới nhiều phương diện như chính trị, tôn giáo, đạo đức, cuộc sống, nghệ thuật, v.v..



Bát Ngọc tám khúc hoa văn Nhẫn Đông (loại hoa văn khắc họa một loại thực vật, thường gọi là "hoa Kim Ngân"), đời Đường. Sắc Ngọc trắng bóng, hình bầu dục cong tám khúc. Thân ngoài có hoa văn hình lá cuộn, thuộc hoa văn Nhẫn Đông.



Khay Ngọc có hoa văn Song Li (hai con Li), đời Minh.

Hoa văn đa dạng, trang trí phong phú

Hoa văn là những hình thù được khắc trên bề mặt Ngọc khí. Con người trong quá trình lao động, đã sáng tạo nên những quan niệm thẩm mĩ cũng như các loại nhu cầu về mặt tinh thần như hộ thân, trừ tà v.v.. Họ thông qua hình thức trang trí để thỏa mãn những nhu cầu ấy. Họ thể hiện mơ ước, nguyện vọng của mình qua các hoa văn trên Ngọc khí, nguồn gốc của các hoa văn họa tiết nếu không liên quan đến tự nhiên thì cũng liên quan đến thần linh. Hoa văn có liên quan đến cuộc sống của con người như hoa văn có hình dạng các hạt ngũ cốc, hạt giống đang nảy mầm; hoa văn nhũ đinh có dạng hình tròn nổi và lồi lên; hoa văn bồ, hình dạng giống tấm chiếu, được tạo thành bởi ba đường thẳng từ ba hướng khác nhau, đan xen vào nhau.

Ngoài ra còn có những hoa văn liên quan đến các hiện tượng tự nhiên như hoa văn mô phỏng mây bay, chim chóc. Đặc biệt có dạng hoa văn khắc họa những động vật thần kỳ do con người tưởng tượng ra như: hoa văn rồng, rồng là loại động vật tổ hợp của phần đầu hình thú và phần thân hình rắn, sau đó nó được thêm vào những chi tiết như đầu





trâu, sừng hươu, mắt tôm, thân rắn, vảy cá, móng vuốt chim ưng, hợp thành hình tượng thần thánh điển hình; hoa văn Thao Thiết, khắc họa một quái vật tham lam độc ác trong truyền thuyết, là một trong chín đứa con của loài rồng; hoa văn hình Li, khắc họa một quái vật hại người sống trong núi, hình dạng giống con Thạch Sùng v.v.. Những hoa văn khắc họa các loại động vật này phản ánh nhận thức của người Trung Quốc cổ đối với việc sùng bái quỷ thần.

Hình thù mang những ý nghĩa may mắn

Người Trung Quốc vốn có tình cảm đặc biệt đối với Ngọc, họ thường muốn nhân cách hóa Ngọc, biến nó trở thành vật tượng trưng của phẩm đức, lẽ nghĩa, quyền lực, cát tường. Hình thù Ngọc khí Trung Quốc đại bộ phận thường “đỗ tất hữu ý, ý tất cát tường” (hình thù nhất định phải mang theo những quan niệm may mắn), để tài phong phú, đồng thời hình thành những hình tượng ví von cố định.

Lấy rồng, phụng, voi, dê v.v.. để biểu hiện điềm lành, thể hiện qua các hình ảnh: “Long Phụng Sum Vầy”, “Thái Bình Hữu Tượng”, “Tam Dương Khai Thái” v.v.. lấy hoa Mẫu Đơn, Phù Dung, Hải Đường, quả táo, quả hồng v.v.. để biểu hiện phú quý, được thể hiện qua các hình ảnh như: “Mãn Đường Phú Quý”, “Phú Quý Bình An”, “Nhất Lộ Vinh Hoa” v.v.. Con Dơi, quả Phật thủ, hình cái bình v.v.. để biểu hiện phúc đức, thể hiện qua các hình ảnh như: “Phúc Tùng Thiên Giáng”, “Ngũ Phúc Lâm Môn”, “Hồng Phúc Tề Thiên” v.v.. Các động vật như khỉ, cá, gà trống, vịt thường là biểu hiện cho lợi lộc, được thể hiện qua những hình ảnh như: “Mã Thượng Phong Hầu”, “Ngư Vượt Long Môn”, “Ngũ Tử Đặng Khoa” v.v.. Cây Tùng, Bách, Đào, con rùa, hạc v.v.. biểu hiện cho sự trường thọ, thể hiện qua các hình ảnh như: “Quy Hạc Tề Linh”, “Tùng Hạc Trường Xuân”, “Bàn Đào Hiến Thọ” v.v.. Con Hoan, chim khách, nhện v.v.. biểu hiện chuyện vui, thể hiện qua các hình ảnh như: “Hoan Thiên Hỉ Địa”, “Hỉ Thượng Mi Sao”, “Hỉ Tòng Thiên Giáng” v.v..

Từ đời này sang đời khác, con người thông qua các hình ảnh, văn tự, từ đồng âm như ở trên để thổ lộ tình cảm của mình, gửi gắm hy vọng của mình.

VĂN HÓA NGỌC LÀ KẾT TỊNH CỦA VĂN MINH TRUNG HOA

Ngọc là phương tiện truyền tải của văn hóa Ngọc Trung Quốc, phản ánh văn hóa vật chất xã hội và văn hóa tinh thần của con người. Văn hóa Ngọc xuyên suốt lịch sử văn minh Trung Quốc, manh nha vào



Bích Ngọc "Trường Lạc" thời Đông Hán

Vật này được vua Càn Long vô cùng yêu thích, nó trở thành vật trang trí cung đình. Hiện đang lưu giữ ở Viện bảo tàng Cố Cung. Phần trên có khắc hai chữ "Trường Lạc" và hình hai con Li.

thần kỲ.

Thời cổ đại Trung Quốc, khi mà con người bất lực trước sự thay đổi bất thường của tự nhiên và họa phúc trong tương lai, họ chỉ có thể cầu xin sự bảo hộ của thần linh. Lúc này, con người dùng Ngọc khí là vật kết nối với thần linh, trừ tà diệt ác và cầu xin may mắn. Con người biểu đạt lời cầu nguyện của mình bằng cách khắc lên Ngọc những hình thù, từ ngữ mang lại may mắn, như viên Bích Hòa Ngọc tên "Trường Lạc" (luôn luôn vui vẻ) thời Đông Hán và Ngọc bội "Phúc Thọ Song Toàn" thời Minh Thanh. Cùng lúc đó, con người đặt trách nhiệm trừ tà tránh ác lên Ngọc khí, "Áp Thắng Bội" (Ngọc Bội Áp Thắng) (Áp Thắng: một loại nghi thức tế tự trừ tà của tôn giáo nguyên thủy) vì lý do đó mà ra đời.

đầu thời kỳ đồ đá mới, và ra đời vào cuối thời kỳ đồ đá mới phát triển vào thời kỳ chiếm hữu nô lệ, phong kiến đế quốc. Nó thâm sâu vào từng phương diện cuộc sống, bám rẽ vào đời sống tâm linh của dân tộc Hoa Hạ (dân tộc Trung Quốc), chiếm vị trí quan trọng trong lịch sử văn minh Trung Hoa.

Ngọc là vật kết nối với tâm linh

Vào thời đại sùng bái tự nhiên cổ xưa, con người e sợ trước vẻ đẹp quý giá và thần kì của Ngọc, nhưng không cách nào hiểu được nguồn gốc của nó từ đâu, nên cho rằng nó là một vật thần kỳ từ trời đất và do thần sông thần núi cô đọng mà thành. Khổng Tử từng nói: "Sơn chi tinh vi Ngọc" (Ngọc là tinh hoa của núi).

Người Trung Quốc cổ quan niệm rằng, nếu Ngọc là vật thần thánh ban phát, thì nó sẽ có những công dụng khác thường. Do đó họ phủ lên Ngọc những công năng





Ngọc tượng trưng cho quyền lực

Vào giai đoạn cuối thời kỳ đồ đá mới, Ngọc thể hiện cho quyền lực, địa vị đã xuất hiện. Điều đó chứng minh xã hội đương thời có sự phân hóa và tập đoàn thống trị đã hình thành; đồng thời sử dụng quyền thống trị trên mọi phương diện như: chính trị, quân sự, tôn giáo v.v.. Sau đời Chu (1046 – 256 TCN), để bảo hộ chế độ phong kiến, giai cấp thống trị cho chế tác hàng loạt Ngọc khí dùng trong nghi lễ và cho đó là vật tượng trưng cho quyền lực và cấp bậc. Trong những tư liệu lịch sử như cuốn "Chu Lễ" đã ghi chép rất tỉ mỉ tên gọi, hình dạng, quy tắc và cách dùng của những Ngọc khí thể hiện cấp bậc thời Tây Chu. Qua đó có thể thấy được chế độ sử dụng Ngọc được quản lý vô cùng nghiêm ngặt.

Sau đó, để tránh việc hỗn loạn và vượt cấp, các vương triều tiếp theo đều đặt ra quy định nghiêm khắc về việc sử dụng trang sức và Ngọc khí tượng trưng cho cấp bậc. Ví dụ từ sau đời Đường (618 - 907) sử dụng "Ngọc dài khóa" (một loại Ngọc khí trang sức của tầng lớp trí thức nhà Thanh) và đời Thanh (1616 - 1911) sử dụng linh quản (vật dùng để gắn lông công treo trên mũ) và chuỗi ngọc. Ngoài ra, chỉ Thiên Tử mới được dùng Ngọc khí được chế tác hoàn toàn từ Ngọc Hòa Điển, các cấp bậc khác chỉ có thể dùng loại thấp hơn, phù hợp với tầng lớp của mình, không được dùng Ngọc khí chế tác hoàn toàn bằng Ngọc.

Ngọc tượng trưng cho phẩm chất đạo đức

Người Trung Quốc cổ ví những tính chất tự nhiên của Ngọc với những quan niệm thiện ác, thị phi, vinh nhục, xấu đẹp của con người, đồng thời thêm vào những giải thích nhân cách hóa. Nó trở thành tiêu chuẩn đánh giá và phán đoán hành vi của con người, hình thành quan niệm "quân tử tì



Chuỗi Ngọc bội thời Tây Chu

Được khai quật ở mộ Tấn Hầu, huyện Khúc Óc, tỉnh Sơn Tây. Đây là Ngọc bội của chủ nhân ngôi mộ dùng khi còn sống, gồm 282 Ngọc khí hình dạng khác nhau hợp thành.



Thời cổ đại Trung Quốc, Ngọc bội tượng trưng cho người quân tử có đạo đức.

đức vu Ngọc" (phẩm chất đạo đức của quân tử như Ngọc), từ đó sinh ra học thuyết "Ngọc đức". Học thuyết này đã được lưu truyền rộng rãi và có sức ảnh hưởng lâu dài trong lịch sử Văn hóa Ngọc Trung Quốc. Nó giúp Ngọc từ chỗ "Ngọc tinh mĩ" (Cái đẹp của chất Ngọc), thăng hoa thành "Nhân tinh mĩ" (Cái đẹp của hồn người).

Biểu hiện về mặt hình thức của lí luận "Ngọc đức" là chế độ sử dụng Ngọc bội, "Cổ chi quân tử tất bội Ngọc" (quân tử thời cổ đại nhất định phải đeo Ngọc), "Quân tử vô cổ, Ngọc bất khứ thân" (quân tử còn sống thì không rời Ngọc). Ngọc được phủ lên những hàm ý đạo đức phong phú, trở thành sự thể hiện tốt nhất cho việc giữ gìn nhân phẩm của con người. Ngọc bội trở thành vật tượng trưng cho đạo đức của quân tử, do đó là quân tử thì nhất định phải đeo Ngọc. Vì khi con người bước đi, Ngọc bội sẽ phát ra âm thanh, chỉ có thể bước đi khoan thai, đĩnh đạc thì âm thanh từ Ngọc phát ra mới nhịp nhàng,





vui tai.

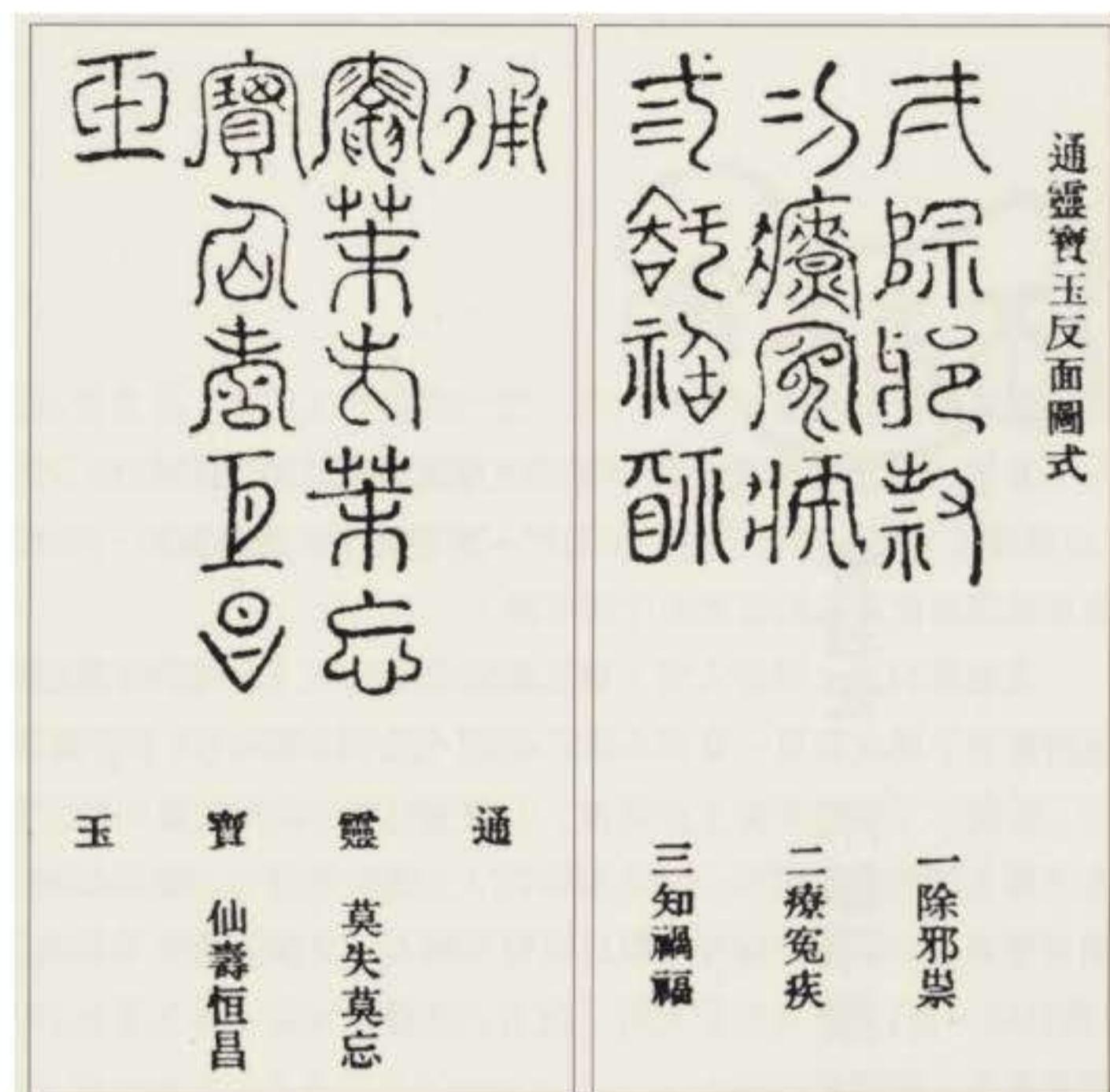
Điều đó đòi hỏi người quân tử phải đi lại đĩnh đạc, quang minh chính đại. Từ đó, Ngọc trở thành vật tượng trưng cho những hành động quang minh lỗi lạc của người quân tử.

Ngọc thể hiện sự giàu có

Ngọc vừa là cái đẹp trong thiên hạ, vừa là vật kết nối với thần linh. Đặc biệt nó còn là tấm gương cho phẩm hạnh và hành vi của con người. Vậy thì có lý do gì mà không khiến nó trở thành bảo vật của con người? Từ xưa đến nay, Ngọc vẫn là quốc bảo của đất nước và là vật gia truyền cho đời sau. Từ xưa có truyền thuyết rằng thời nhà Tần dùng ngọc quý "Hòa Thị Bích" khắc làm ngọc tỉ - vật truyền quốc, từ đó các đời vua chúa sau đều dùng ngọc để khắc ngọc tỉ. Khi người Trung Quốc diễn tả sự giàu có của một gia đình, họ thường dùng "Kim Ngọc Mãn Đường" (Vàng Ngọc đầy nhà) để ví von. Một trong bốn tác phẩm văn học kinh điển của Trung Quốc là Hồng Lâu Mộng, có nói đến sự giàu có của nhà họ Giả như sau: "Giả bất giả, Bạch Ngọc vi đường, kim tác mā" (Nhà họ Giả nhưng không giả, lấy Ngọc làm phòng, lấy vàng tạc ngựa).



Trong Hồng Lâu Mộng, sự giàu có của nhà họ Giả được ví von "Bạch Ngọc vi đường, kim tác mā".



Mặt trước và sau của viên Ngọc Thông Linh trong Hồng Lâu Mộng.

Quan niệm giàu có của Ngọc khí phát triển đến đỉnh điểm vào đời Thanh. Triệu Nhữ Trân thời cận đại trong cuốn sách “Cổ Ngoạn Chỉ Nam” có miêu tả rằng: “Phàm là nhân vật thượng lưu trong xã hội, không ai là không đeo những vật leng keng bên hông, ở nhà thì dùng Ngọc làm thứ tiêu khiển, đi ra ngoài dùng Ngọc để thể hiện sự giàu có, gặp bạn, chắc chắn sẽ khen ngợi Ngọc của nhau sẽ đem sở đắc về ngọc mà khoa trương với nhau, lúc đàm đạo với nhau, chắc chắn sẽ đề cập đến Ngọc. Nhà không có Ngọc thì không phải nhà của tầng lớp trí thức, quần áo không có Ngọc thì không phải quần áo hoàn chỉnh, không đeo Ngọc bên người thì không tiện đi gặp bạn bè, không có kiến thức về Ngọc thì không thể tham gia cuộc bàn luận với bạn bè. Ngọc quan trọng như thế, cho nên những văn nhân mặc khách không ai là không cần nó”. Thế mới hiểu giá trị vật chất của Ngọc đã trở thành mức đo lường sự giàu có của một gia đình trong xã hội và là tiêu chuẩn nhận thức của con người.





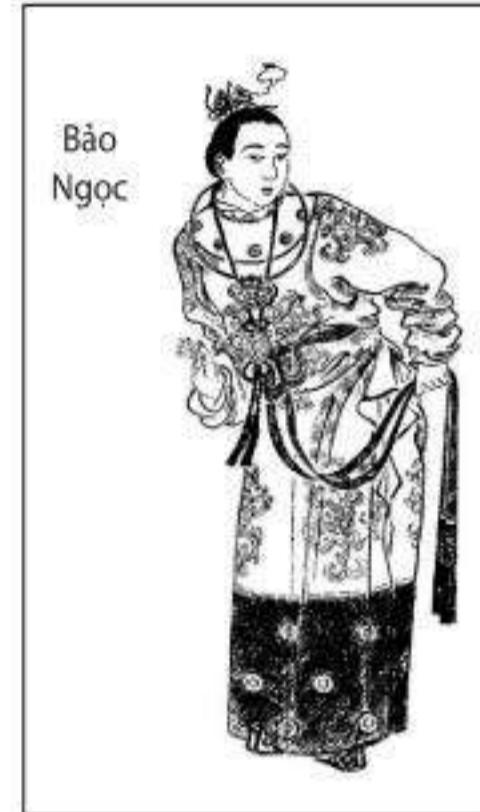
Tiểu thuyết kinh điển Hồng Lâu Mộng thể hiện tổng quát Văn hóa Ngọc Trung Quốc

Hồng Lâu Mộng, vốn có tên là Thạch Đầu Ký, là một trong Tứ Đại Danh Tác (bốn tác phẩm tiểu thuyết nổi tiếng) của Trung Quốc.

Trong tiểu thuyết này, Giả Bảo Ngọc khi chào đời, miệng ngậm Ngọc, đây cũng là sợi dây xuyên suốt câu chuyện, mở ra một chuyện tình yêu trắc trở mà cảm động lòng người. Viên "Thông Linh Bảo Ngọc" xuyên suốt câu chuyện cũng như mối quan hệ mật thiết của nó với cả cuộc đời của Bảo Ngọc, nó được xem như hình ảnh thu nhỏ cho sự hưng vong của Đại Quan Viên (nơi ở của nhà họ Giả). Ngọc còn người còn, Ngọc mất người mất, Ngọc đã trở thành vật tượng trưng cho vinh nhục, hưng vong của Giả Bảo Ngọc và gia đình họ Giả. Mặt chính của viên Ngọc này trừ bốn chữ "Thông Linh Bảo Ngọc" ra, còn khắc tám chữ "Mạc thất mạc vong, Tiên thọ hằng xương" (đừng làm mất, chớ làm quên, thần linh sẽ bảo hộ sức khỏe và may mắn); mặt trái khắc mười hai chữ "Nhất Trù Tà Túy, Nhị Liệu Miễn Tật, Tam Tri Họa Phúc" (một là trừ tà ma, hai là trị tật bệnh, ba là biết được họa phúc). Từ hai mặt trước sau của viên Ngọc Không linh cho thấy nó là hợp thể của Ngọc bội Áp thắng và Ngọc bội Cát ngũ (những lời may mắn). Trong Hồng Lâu Mộng, câu chuyện "Nữ Ôa vá trời" là lời báo trước cho sự xuất hiện của Thông Linh Bảo Ngọc, trước sau ứng hợp, làm cho Văn hóa Ngọc Trung Quốc khéo léo thấm sâu vào từng tình tiết câu chuyện.

Hồng Lâu Mộng thể hiện kiến thức sâu rộng của tác giả đối với Văn hóa Ngọc, phản ánh rõ nét việc sử dụng và hiểu biết về Văn hóa Ngọc của người Trung Quốc cổ, đây cũng là tác phẩm văn học tiêu biểu thể hiện Văn hóa Ngọc của Trung Quốc.

Từ đầu thời kỳ đồ đá mới đến nay, Văn hóa Ngọc đã trải qua những giai đoạn phát triển rực rỡ, cùng với dòng chảy của văn hóa, văn hóa Ngọc vẫn không ngừng vươn xa. Tổng quan quá trình phát triển của Ngọc khí Trung Quốc có thể chia làm bốn giai đoạn. Đó là: thời đại "Thần Ngọc" (Ngọc là vật thông linh với thánh thần) thuộc thời kỳ đồ đá mới, thời "Vương Ngọc" (Ngọc khí dành cho vương công quý tộc) thuộc thời Hạ Thương đến thời Hán, thời "Dân Ngọc" (Ngọc khí đi vào đời sống nhân dân) thuộc đời Tùy Đường đến đời Minh Thanh, và cuối cùng là thời Ngọc khí hiện đại kế thừa và phát huy Văn hóa Ngọc cổ đại.





HỘ ĐẤT THÀN

T



Thời đại đồ đá mới cách đây vào khoảng 10.000 đến 4.000 năm. Giữa và cuối thời kỳ đồ đá mới, Ngọc khí thực chất là loại Ngọc được dùng trong các lễ nghi. Người nguyên thủy sống cuộc sống đấu tranh trong một thời gian dài, xuất phát từ việc không hiểu biết rõ các hiện tượng xã hội và tự nhiên, do đó xuất hiện sự sùng bái thần linh nguyên thủy, Ngọc phát triển thành công cụ đặc biệt chuyên dụng để con người tiến hành các hoạt động tế tự. Ở thời kỳ đồ đá mới, Ngọc là công cụ tế tự quan trọng của nghi thức tế tự "thông thần" (liên lạc với thần linh), do đó thời kỳ này được gọi là "thời đại thần Ngọc" của Ngọc khí.

Cho đến ngày nay, món Ngọc khí đầu tiên của người nguyên thủy Trung Quốc được tìm thấy là Ngọc khí của nền văn hóa Hưng Long Oa ở khu vực Đông Bắc, minh chứng cho sự ra đời và hình thành của Ngọc khí và Văn hóa Ngọc Trung Quốc tại giai đoạn đồ đá mới. Sau đó, trên vùng đất Trung Hoa rộng lớn này từ Bắc đến Nam, từ Đông sang Tây hình thành một khu vực Văn hóa Ngọc rộng lớn toàn diện, mở ra một khung cảnh hưng thịnh rực rỡ của Ngọc khí. Ngọc khí của thời đại đồ đá mới, bắt đầu từ nền văn hóa Hưng Long Oa, kết thúc vào nền văn hóa Long Sơn. Trong đó, những đại diện xuất sắc nhất gồm Ngọc khí của các nền văn hóa như: nền văn hóa Hưng Long Oa, Hồng Sơn khu vực Liêu Hà, vùng Đông Bắc; văn hóa Lăng Gia Than khu vực Trường Giang Hoài Giang; văn hóa Tế Gia khu vực Tây Bắc thượng nguồn Hoàng Hà; văn hóa Thạch Gia Hà và văn hóa Lương Chử khu vực Trung Hạ du Trường Giang; và nền văn hóa Long Sơn trải khắp toàn quốc.



Sọ người có mắt trái được khâm Ngọc của nền văn hóa Hưng Long Oa. Được khai quật ở ngôi mộ số 4 khu di tích Hưng Long Oa, Ngao Hán kỳ, khu tự trị Nội Mông Cổ. Mắt trái của chủ nhân ngôi mộ được khâm Ngọc, ý thể hiện mắt sáng như Ngọc.

NGỌC KHÍ NỀN VĂN HÓA HƯNG LONG OA

Nền văn hóa Hưng Long Oa thuộc khu vực Liêu Hà, Đông Bắc Trung Quốc cách đây khoảng 8.000 năm, được gọi tên theo vùng di chỉ Hưng Long Oa, Ngao Hán kỳ thuộc thành phố Xích Phong của khu vực Nội Mông.

Ngọc khí nền văn hóa Hưng Long Oa là Ngọc khí có niên đại lâu nhất mà Trung Quốc tìm được, nó được cho là cội nguồn Văn hóa Ngọc khí Trung Quốc.



Ngọc quyết thuộc nền văn hóa Hưng Long Oa.

Ngọc quyết này là một đôi, màu vàng xanh, kích thước và hình dạng khuyên tròn như nhau, một bên có rãnh nhỏ hơn, là ngọc tể tự của văn hóa Hưng Long Oa.

Vì sao có thể cho rằng Ngọc khí văn hóa Hưng Long Oa là cội nguồn của Văn hóa Ngọc khí Trung Quốc? Về mặt khách quan, vùng này có nguồn Ngọc phong phú, con người ở thời đó đã biết phân biệt đá thường và đá Ngọc để chọn lọc. Đồng thời, con người lúc đó đã có những kỹ thuật gia công đá phát triển và có khả năng khéo léo vận dụng những kỹ thuật đó vào việc gia công Ngọc. Đây là những cơ sở chính cho việc sản sinh Văn hóa Ngọc. Ngọc khí thời đại đó nhỏ gọn, chủng loại ít, chủ yếu là Ngọc Quyết.

Ngoài ra, chế độ sử dụng Ngọc và quan niệm thẩm mĩ của thời kỳ Hưng Long Oa là những cội nguồn của Văn hóa Ngọc. Khi đó, việc sử dụng Ngọc khí đã mang sắc thái văn hóa xã hội. Trước đó, ở khu vực di tích thời kỳ đồ đá cũ, người ta khai quật được những công cụ sản xuất bằng Ngọc, đồng thời có dấu vết sử dụng rất rõ rệt. Tuy nhiên những công cụ này không khác gì so với công cụ chế tạo từ đá. Cũng có thể do lúc ấy con người chưa phân biệt được Ngọc và đá, chế tác Ngọc khí chỉ là một hiện tượng ngẫu nhiên, chưa thể hiện tính xã hội và mang những đặc trưng nhân văn. Do đó không xem như căn cứ của cội nguồn Văn hóa Ngọc. Ngọc khí Hưng Long Oa lại hoàn toàn khác, việc sử dụng nó đã thoát khỏi phạm vi của Ngọc khí sử dụng trong lao động, con người đã có khái niệm dùng Ngọc thành thực, hình thành chế độ sử dụng Ngọc theo quy phạm. Ví dụ





như Ngọc Quyết, dạng khuyên tròn, một bên có rãnh nhỏ, cách dùng của nó là hướng phần có cái rãnh nhỏ lên trên, kẹp vào tai của phụ nữ. Vật này lúc đầu có thể là trang sức của phụ nữ, tuy nhiên về sau nó được sử dụng như một công cụ chuyên dụng cho việc "Thông thần".

Ở nơi hội tụ giai đoạn trung kỳ văn hóa Hưng Long Ông, tại khu di tích khe Hưng Long, thành phố Xích Phong, Nội Mông Cổ khai quật được một đôi Ngọc Quyết. Khi khai quật lên, đôi Ngọc Quyết nằm ở vị trí hai bên tai của chủ nhân ngôi mộ, minh chứng cho cách sử dụng của Ngọc Quyết đeo dùng ở tai. Hình thái xã hội của thời kỳ văn hóa Hưng Long Ông thuộc chế độ xã hội mẫu hệ, nữ giới là người cầm quyền cũng là người truyền tải lời nói của thần linh, đôi Ngọc Quyết kẹp ở tai là công cụ giúp họ có thể kết nối với thần linh. Khi bộ lạc phát sinh những việc quan trọng cần có quyết sách để giải quyết, họ cho rằng có thể thông qua đôi Ngọc Quyết này sẽ nghe được lời của thần linh, từ đó vạch ra đối sách cho bộ lạc mình. Có thể thấy được, Ngọc khí của văn hóa Hưng Long Ông, tuy được dùng với hình thức như đôi bông tai nhưng nó không đơn thuần là một món đồ trang sức mà được phủ lên những hàm ý nhân văn xã hội, trở thành vật kết nối con người với trời đất. Con người chủ động tìm và phân biệt Ngọc ra khỏi quần thể đá, sau đó chế tác Ngọc khí, để nó trở thành điểm tựa tinh thần và là nơi truyền tải quan niệm văn hóa của xã hội, thể hiện một khái niệm hoàn toàn mới về việc dùng Ngọc, từ đó hình thành tính chất văn hóa xã hội của Ngọc khí Trung Quốc.

Ngọc khí Hưng Long Ông mở ra một trang mới đầy huy hoàng của Ngọc khí Trung Quốc, là cơ sở vững chắc cho trung tâm Ngọc khí đại diện cho phương Bắc thời tiền sử - Ngọc khí văn hóa Hồng Sơn.



Ngọc hình mặt người của nền văn hóa Hưng Long Ông.

Món Ngọc khí này màu vàng đất, hình bầu dục. Phía trên mặt chính có hai đường cong lõm, đại diện hai mắt. Hai bên trái phải có hai đường đối xứng hơi lõm, được khảm bằng vỏ sò hình tam giác, đại diện miệng và răng. Đây có thể là hình tượng thần linh trong mắt người Hưng Long Ông.

NGỌC KHÍ NỀN VĂN HÓA HỒNG SƠN

Văn hóa Hồng Sơn là nền văn hóa thuộc thời kỳ đồ đá mới ở khu vực Liêu Hà, Đông Sơn, được đặt tên là văn hóa Hồng Sơn do nằm ở vị trí khu di tích sau núi Hồng Sơn, thành phố Xích Phong, Nội Mông Cổ, cách đây 6.000 đến 5.000 năm. Trong thời kỳ văn hóa Hồng Sơn, hoạt động tôn giáo diễn ra mạnh mẽ. Ngọc khí văn hóa Hồng Sơn là một dạng nghệ thuật tạo hình lấy việc trạm khắc hình các con thú làm trọng tâm, chủ yếu dùng trong các hoạt động tôn giáo.

Ngọc khí văn hóa Hồng Sơn có tác dụng quan trọng trong tiến trình văn minh Trung Hoa. Thời kỳ văn hóa Hồng Sơn, là thời kỳ con người sống trong giai đoạn quá độ từ mông muội chuyển sang văn minh. Thời kỳ này, cùng với sự gia tăng số lượng của các thị tộc, bộ lạc, nhu cầu tập hợp lực lượng của họ ngày càng cấp thiết, mà sự tập hợp này chủ yếu thông qua các hoạt động tế tự trời đất và tổ tiên. Ngọc khí của văn hóa Hồng Sơn trong hoạt động tế tự lúc đó có tác dụng kết nối con người với trời và tổ tiên, kết hợp với sự sùng bái vật tổ. Những Ngọc khí tạo hình động vật như: chim, heo, rồng, rùa v.v., được may vào áo làm phép của pháp sư. Khi bộ lạc gặp nạn lớn, như bị tấn công bởi bộ tộc khác, thiên tai bất ngờ v.v.. pháp sư liền dùng áo làm phép có may Ngọc khí để làm phép, kết nối với trời và tổ tiên, lắng nghe lời dạy của họ. Những Ngọc khí được may trên áo làm phép này là nút giao kết giữa trời, tổ tiên và con người. Do đó, ai có Ngọc khí, người đó sẽ có đặc quyền "Thông Thiên" (kết nối với trời), đồng thời có quyền truyền đạt ý của trời và quyết định vận mệnh của bộ lạc. Người Hồng Sơn xem Ngọc như thần thánh, trên phương diện chế tác và sử dụng họ đều dốc hết tâm huyết vào Ngọc. Cũng vì có Ngọc khí, bộ lạc thời đó khi gặp phải thiên tai, chiến tranh đều can đảm đưa ra



Người Ngọc, văn hóa Hồng Sơn.

Ngọc có màu xanh nhạt, hai chân dính liền, trước trán có tóc, khuôn mặt tròn, ngũ quan (tai, mắt, miệng, mũi, thân mình) rõ ràng, hai tay gập đặt trước ngực. Đường nét rộng, ngắn và sơ lược, sống lưng gồ lên. Đây có thể là hình tượng tổ tiên, thần thánh của người Hồng Sơn.





Trú Long Ngoc của văn hóa Hồng Sơn

Ngọc màu xanh nhạt có xen lẫn những vết màu đất. Phần đầu khá lớn, phần thân co lại hình vòng tròn. Hai mắt hình tròn, hơi lồi, phần cổ có lỗ.



Ngọc khí dài 28.6 cm, rộng 9.5 cm, dày nhất khoảng 0.6 cm. Đây là loại Ngọc khí lớn nhất từ trước đến nay mà con người tìm được của nền văn hóa Hồng Sơn. Từ thể tích đến cách tạo hình, cho ta cảm giác uy nghiêm thần bí, là vật để tế tự trong tôn giáo.

quyết sách, có tác dụng kết hợp các bộ lạc với nhau, thúc đẩy nhân loại từng bước đi đến văn minh.

Có thể nói, Ngọc khí của văn hóa Hồng Sơn hỗ trợ và thúc đẩy nền văn minh nhân loại phát triển.

Đá Ngọc ở dạng thô của Ngọc khí văn hóa Hồng Sơn, đại bộ phận là đá Thấu Thiểm, chủ yếu có nguồn gốc ở mỏ Ngọc tại khu vực khe Tí Ngọc, Tụ Nham, Liêu Ninh. Khoáng vật Ngọc vùng này đại bộ phận phân bố ở đỉnh núi và thường lộ ra ngoài, tuy nhiên đối với điều kiện khai thác thời đó, việc khai thác được Ngọc không hề dễ dàng, cần phải có kỹ thuật khai thác cao mới có thể khai thác tốt được. Người Hồng Sơn tìm những khe nứt trên mỏ Ngọc, sau đó chèn gỗ vào trong những khe nứt ấy và đốt lên đến nhiệt độ nhất định, rồi đổ nước vào để hạ nhiệt, thông qua quá trình giãn nở nóng lạnh, đá Ngọc sẽ nứt ra. Phương pháp khai thác này tuy còn thô sơ nhưng rất hữu dụng.

Trong vùng văn hóa Hồng Sơn khai quật được rất nhiều Ngọc khí như Long Ngọc, Trư Long Ngọc, Điểu Ngọc, Ngọc bội hình đám mây v.v.. phong cách và nét tạo hình của chúng làm ta ngạc nhiên. Lấy Trư Long Ngọc làm ví dụ, tính đến nay đã khai quật được hơn mươi cái. Điểu khiến chúng ta ngạc nhiên là những địa điểm khai quật này cách nhau hơn 1.000 km, nhưng chúng được tạo hình độc đáo như nhau, đều là hình đầu to, hình đầu heo, tai to, mắt tròn, thân co lại hình vòng tròn, trên lưng có lỗ xuyên qua được, chỉ khác nhau về mặt kích cỡ. Đại đa số những đồ ngọc khác cũng như vậy.

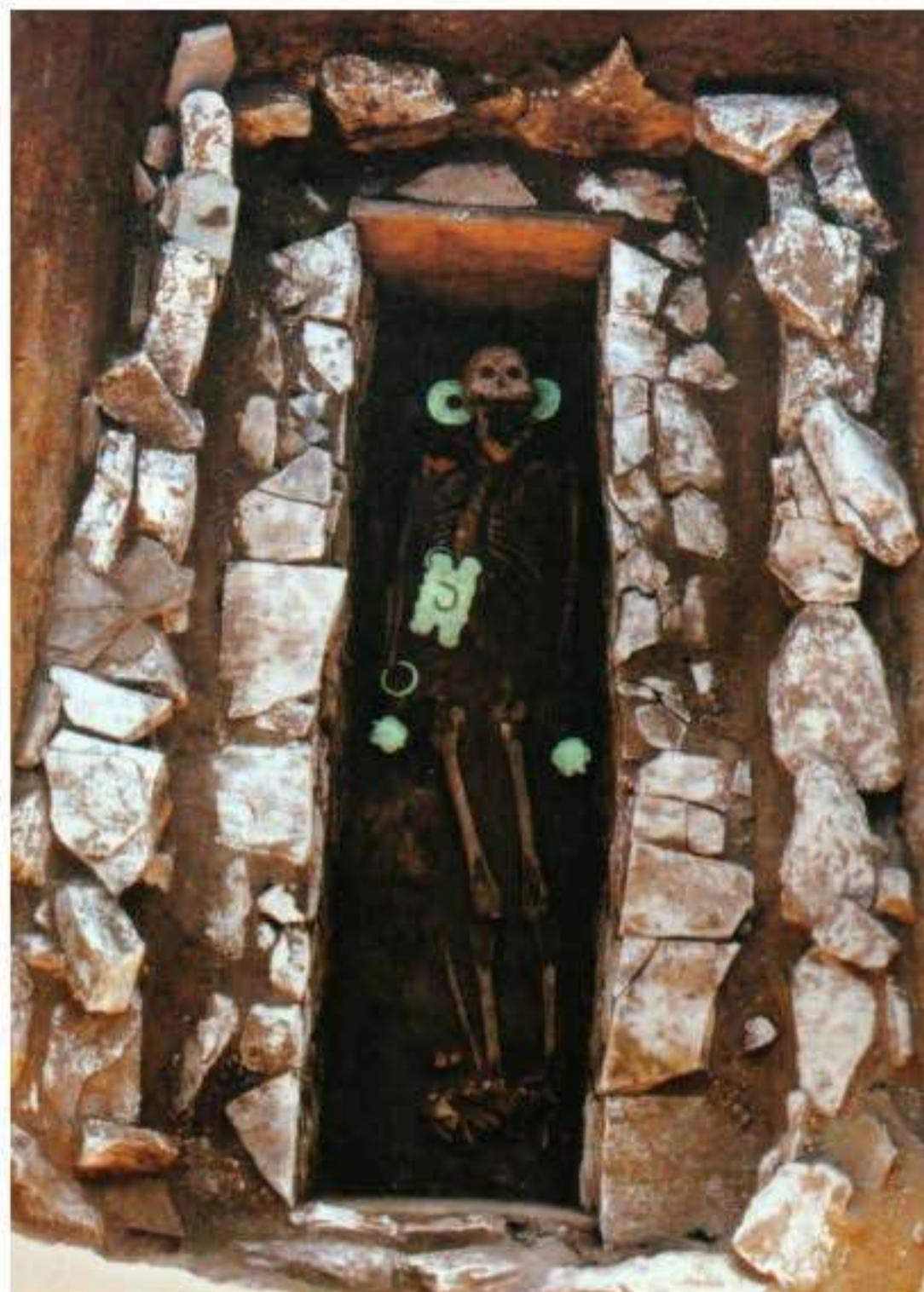
Đá Thấu Thiểm là một loại đá biến chất do hỗn hợp đá bạch vân (dolomit) và thạch anh kết hợp sau quá trình trầm tích mà hình thành nên. Tinh thể thường có dạng chùm hoặc hình trụ xếp thẳng hàng.



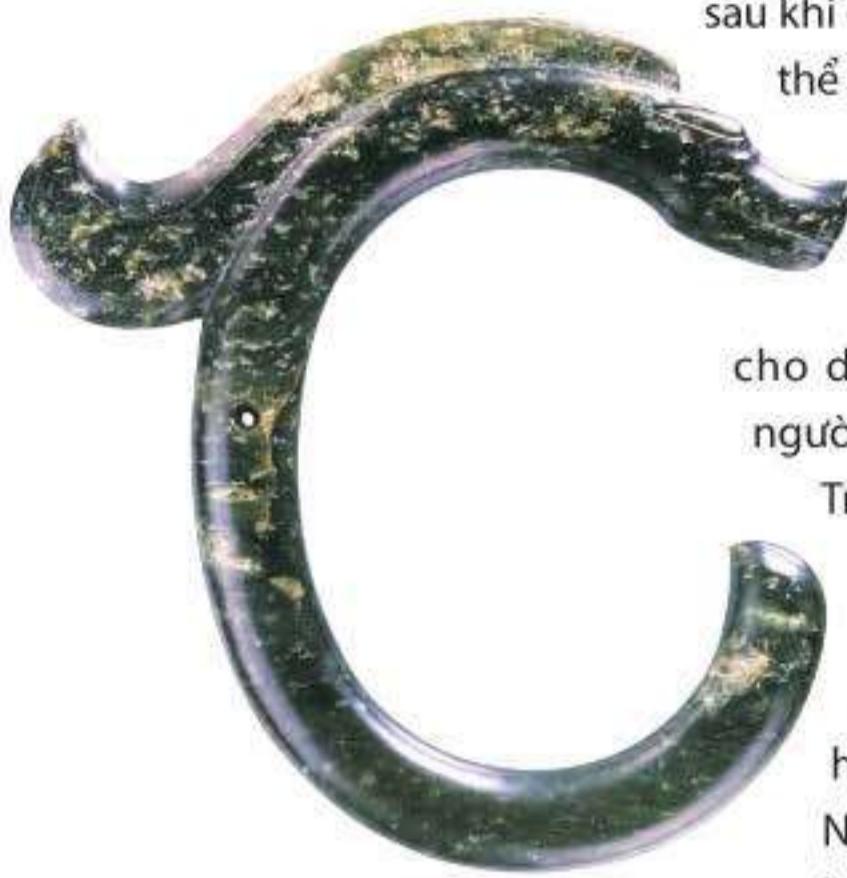


Điều này chứng tỏ thiết kế của Ngọc khí thời kỳ này tuân thủ theo những quy tắc nhất định. Cũng có thể do, tạo hình hoa văn trên Ngọc khí dùng để kết nối với thần linh của thời kỳ văn hóa Hồng Sơn được tuân thủ theo những yêu cầu, quy định nghiêm ngặt. Còn về hình thức Ngọc khí vì sao lại tương tự nhau? Có hai khả năng: một là Ngọc khí chúng ta có được là do một bộ lạc thống nhất chế tác ra, thông qua hình thức trao đổi nào đó mà đến với bộ lạc khác; hai là những kỹ thuật chế tác Ngọc của các bộ lạc có sự giao lưu trao đổi với nhau.

Do Ngọc khí thời đó rất quý giá, nên hình thức đai ngộ cao nhất cho con người sau khi chết là được chôn cùng Ngọc, những vật dụng khác không đáng chôn theo, từ đó hình thành hiện tượng “duy Ngọc vi táng” (chỉ dùng Ngọc làm đồ chôn theo) độc đáo của văn hóa Hồng Sơn. Số lượng Ngọc khí được chôn theo nói lên địa vị cao thấp của chủ nhân ngôi mộ. Ngôi mộ số 5 ở khu di chỉ cầu Ngưu Hà, huyện Kiến Bình, tỉnh Liêu Ninh là ngôi mộ “duy Ngọc vi táng” đại diện cho văn hóa Hồng Sơn. Chủ nhân ngôi mộ là một người đàn ông, hai bên đầu ông ta có hai miếng Ngọc Bích lớn, trước ngực có Ngọc Bội hình đám mây và Ngọc khí hình thẻ tre đáy bằng miệng xéo, cổ tay trái đeo vòng Ngọc, hai tay cầm Quy Ngọc. Những Ngọc khí này chắc chắn là Ngọc khí tế tự ông ta dùng khi còn sống và khi làm phép. Có thể ông ta là thủ lĩnh bộ lạc hoặc đại pháp sư quyền cao chức trọng khi sống,



Mộ “duy Ngọc vi táng” đại diện cho khu di chỉ cầu Ngưu Hà, huyện Kiến Bình, tỉnh Liêu Ninh.



Long Ngọc, văn hóa Hồng Sơn khai quật ở khu di chỉ thôn Tam Tinh Tha Lạp, Ông Ngưu Đặc Kỳ, khu vực tự trị Nội Mông.

sau khi chết được chọn hình thức chôn cất Ngọc, thể hiện mức độ quan trọng của Ngọc.

Ngọc khí văn hóa Hồng Sơn lưu lại cho thế hệ sau một di vật vô cùng quý giá, đó là Long Ngọc. Rồng tượng trưng cho dân tộc Trung Hoa, là hình tượng được người Trung Quốc tôn sùng mấy ngàn năm nay.

Trong truyền thuyết cổ xưa, Rồng là vị thần cai quản việc gọi mây làm mưa, là một trong những linh vật thần thông quảng đại; là một trong những linh vật có ảnh hưởng sâu đậm trong văn hóa Trung Quốc. Người Trung Quốc cổ mong mưa thuận gió hòa, mùa mưa bội thu, nên luôn luôn dâng cúng long thần.

Việc phát hiện ra Long Ngọc của văn hóa Hồng Sơn rất ngẫu nhiên. Tại thành phố Xích Phong, Nội Mông Cổ khu Ông Ngưu Đặc Kỳ có một thôn tên là Tam Tinh Tha Lạp, phía bắc của thôn này là một quần thể núi, trong đó mặt phía nam của một ngọn núi có ngọn đồi giữa vùng đất rộng lớn. Một ngày mùa xuân năm 1971, khi người dân đang trồng rừng, thì có một nông dân trong lúc đào đất, cuốc thấy một vật cứng, và khi đào lên mới biết đó là Ngọc khí. Lúc ấy mọi người không quan tâm đến nó, họ cho bọn trẻ làm đồ chơi. Sau khi Bộ phận Quản lý Văn vật biết được, liền đem nó về Phòng Văn vật Quốc gia, nghiên cứu và phát hiện ra đó là Long Ngọc đầu tiên được phát hiện. Long Ngọc này cao 26cm, được khắc từ một khối Ngọc Tụ Nham màu xanh biếc. Thân nó uốn cong hình chữ "C", mạnh mẽ có lực, phần đầu dài, miệng ngậm chặt, hơi hướng về phía trước, phần trước mũi có hai lỗ mũi tròn đối xứng, hai mắt hình thoi xếch lên, trán và hàm dưới có hoa văn hình lưới chằng chít, phần lưng có bờm dài, rất sinh động. Long Ngọc nhìn tổng quát rất cân đối, có khí chất hiên ngang thoát tục. Việc phát hiện ra Long Ngọc phản ánh người dân thời văn hóa Hồng Sơn đã tồn tại sự sùng bái rồng, việc tạo hình Long ngọc với kỹ thuật điêu khắc đơn giản là tài liệu rất có giá trị đối với việc tìm hiểu hình tượng rồng thời kỳ đầu Trung Quốc. Nó được xem là "Hoa hạ đệ nhất Long" của dân tộc Trung Hoa.





Ngọc khí của văn hóa Hồng Sơn có nội dung sâu sắc, phản ánh hiện tượng tinh thần của xã hội đương thời. Văn hóa Hồng Sơn là thời đại rực rỡ của Văn hóa Ngọc Trung Quốc, và là cơ sở của Văn hóa Ngọc Trung Quốc.

NGỌC KHÍ NÊN VĂN HÓA LĂNG GIA THAN

Văn hóa Lăng Gia Than cách đây 5.500 đến 5.300 năm là nền văn hóa thuộc thời kỳ đồ đá mới, tại khu vực Hoài Giang phía Nam Trung Quốc. Được đặt tên theo di chỉ thôn Lăng Gia Than, thị trấn Đồng Sập, huyện Hàm Sơn, tỉnh An Huy, gần như diễn ra cùng thời gian với văn hóa Hồng Sơn ở phía Bắc. Nền văn hóa này lại là một phát hiện quan trọng nữa của Văn hóa Ngọc khí thời kỳ đồ đá mới.

Trong tất cả các nền Văn hóa Ngọc thời tiền sử, hình dạng Ngọc khí của văn hóa Lăng Gia Than là phong phú nhất, tiêu biểu nhất với: Người Ngọc, Long Ngọc, Quy Ngọc, Phiến Ngọc hình chữ nhật, dạng Ngọc hình



Người Ngọc đứng thẳng của văn hóa Lăng Gia Than Ngọc màu xám trắng. Người Ngọc có thể là hình tượng thần thánh, tổ tiên mà người Lăng Gia Than sùng bái.



Ngọc bội hình chim ưng của văn hóa Lăng Gia Than

Ngọc có màu xám trắng, có hình dạng đang tung cánh bay cao, đầu nghiêng một phía, mắt được thể hiện bởi một lỗ tròn xuyên suốt. Hai cánh mỗi bên tạc hình đầu heo, phần bụng hoàn chỉnh, có khắc hình tròn, bên trong lại khắc hình sao tám cánh, phần đuôi tạc hình quạt.

kèn làm đại diện, hình thể hoàn chỉnh, gia công tỉ mỉ, lỗ nhỏ nhất có thể đạt đến 0.1cm gần sát viền Ngọc khí, rất tinh tế.

Hình dạng Ngọc khí của văn hóa Lăng Gia Than rất phong phú, phong cách đa dạng, do đó những nội hàm văn hóa được thể hiện qua nó cũng đa sắc. So với văn hóa Hồng Sơn, Ngọc khí văn hóa Lăng Gia Than cũng mang đậm nét văn hóa huyền bí nguyên thủy. Yếu tố huyền bí ma thuật nguyên thủy rất thịnh hành thời kỳ đồ đá mới, bói toán trong đời sống hàng ngày được diễn ra rộng rãi. Năm 2007, tại khu di chỉ Lăng Gia Than khai quật được dụng cụ Ngọc khí dùng cho việc bói toán, Ngọc khí dạng ống đáy bằng miệng xéo. Khi được khai quật, bên trong vẫn còn cầm quẻ Ngọc.

Hình dáng khắc trên các Ngọc khí như: phiến Ngọc hình chữ nhật, Quy Ngọc, Ưng Ngọc, Long Ngọc và Người Ngọc rất mới lạ, ngụ ý thần bí,

ống, đáy bằng miệng xéo, Ngọc dạng loa kèn. Hình dạng Ngọc khí phong phú, góp phần phát triển kỹ thuật tạo hình Ngọc khí Trung Quốc. Trong đó, Trư Ngọc nặng 76 kg là Ngọc khí lớn nhất trong các Ngọc khí tiền sử.

Các công cụ chế tác Ngọc khí của nền văn hóa Lăng Gia Than thời ấy đã rất tiên tiến. Họ vừa có công cụ mài cao cấp, dùng để chế tác những vật có tính chất cứng như Mã Náo v.v., vừa có công cụ cắt sợi mỏng, nhọn và cứng, dùng để khắc họa đường vân. Lúc này, các phương pháp chế tác như âm khắc, phù điêu, viên điêu, thấu điêu v.v.. và các kỹ thuật như cắt, khoan, mài giũa v.v.. đều đã đạt đến một trình độ rất cao. Nét đẹp của Ngọc khí Lăng Gia Than chủ yếu biểu hiện qua Ngọc khí có kích thước nhỏ, lấy Ngọc khí dạng loa kèn làm đại diện, hình thể hoàn chỉnh, gia công tỉ mỉ, lỗ nhỏ nhất có thể đạt đến 0.1cm gần sát viền Ngọc khí, rất tinh tế.





ẩn chứa những nội dung phong phú về bát quái nguyên thủy, sùng bái mặt trời, thiên văn học nguyên thủy, lễ nghi nguyên thủy, ma thuật nguyên thủy và cội nguồn văn minh v.v.. Chúng mô tả một cách cụ thể sinh động về cuộc sống thời đó. Ngọc khí của văn hóa Lăng Gia Than là đỉnh cao của việc sử dụng Ngọc trong giai đoạn tiền sử Trung Quốc.

Ngọc khí hình ống đáy bằng, miệng xéo là tác phẩm tiêu biểu mà văn hóa Lăng Gia Than lưu lại cho đời sau. Trong các tác phẩm Ngọc khí của văn hóa Hồng Sơn, cũng có xuất hiện một vài Ngọc khí dạng ống đáy bằng, miệng xéo. Người ta không hiểu nó dùng trong việc gì, luôn cho rằng nó là trang sức của nón mũ. Ngọc khí được khai quật ở khu di chỉ văn hóa Lăng Gia Than, phần miệng xéo, phần đáy bằng, toàn thể dạng ống, bên trong rỗng. Khi nó được khai quật, quả Ngọc vẫn cầm bên trong, chứng tỏ đây là công cụ dùng để bói toán của pháp sư. Văn minh Trung Quốc tiếp diễn năm ngàn năm, trước kia chưa tìm thấy đồ Ngọc khí nào được sử dụng liên tiếp năm ngàn năm. Thế nhưng, sau khi Ngọc khí dạng ống đáy bằng miệng xéo được tìm ra, đã chứng minh được đây là một quá trình liên tiếp không ngừng mấy ngàn năm. Đến nay, chúng ta vẫn tìm thấy được hình ảnh của nó trong các chùa chiền, con người cầu xin bình an, vẫn dùng nó để gieo quẻ. Cảnh tượng này thật giống với năm ngàn năm trước. Con người ngày nay với tâm lý gieo quẻ chỉ dừng lại ở việc dự đoán tương lai, đôi khi với mục đích chỉ là để giải trí. Nhưng đối với con người của năm ngàn năm về trước, trong không khí lễ bái trời đất, pháp sư mặc trên người áo phép, bốc ra một quả mang tính quyết định vận mệnh của cả bộ lạc. Đã qua bao phen “nương dâu bái bể, vật đổi sao dời”, sự truyền thừa của văn hóa dân tộc Trung Hoa vẫn diễn ra như vậy.



Ngọc khí hình ống đáy bằng, miệng xéo của văn hóa Lăng Gia Than.



Ngọc phiến hình chữ nhật của nền văn hóa Lăng Gia Than.

Một loại Ngọc khí tiêu biểu nữa của nền văn hóa Lăng Gia Than, phiến Ngọc hình chữ nhật, nó có ý nghĩa thiên văn học. Bốn cạnh mặt chính của phiến Ngọc có khoan những lỗ tròn nhỏ, chính giữa có khắc chìm hai vòng tròn lớn nhỏ đồng tâm, bên trong vòng tròn nhỏ ấy lại có một hình vuông nhỏ hơn với một hình bát giác viền chung quanh. Giữa hai vòng tròn có hình tia đang phóng ra, giữa vòng tròn lớn và bốn cạnh có khắc bốn đầu mũi tên. Trong thiên văn học, vòng tròn lớn ấy đại diện cho vũ trụ và sự thay đổi của các mùa. Sách "Chu Dịch" có ghi chép: "Dịch hữu thái cực, thị sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quát". Ở đây, cái gọi là "Thái Cực", còn gọi là "Thiên Nhất", trong quan niệm thiên văn vốn chỉ cực bắc, người Trung Quốc cổ đặt nó ở một vị trí rất cao. "Lưỡng Nghi" chỉ trời và đất, còn gọi là âm dương, trời thuộc dương, đất thuộc âm. Trong những tài liệu cổ, ta tìm thấy thuyết "Thiên Viên Địa Phương" (trời hình tròn, đất hình vuông). Do đó, vòng tròn trong phiến Ngọc này có thể là tượng trưng cho trời, hình vuông tượng trưng cho đất; các hình ở bốn phía, tám góc và các tia xung quanh trong trọng tâm của phiến Ngọc, rất ăn khớp với quan niệm tứ tượng, bát quái trong sách "Chu Dịch" và khái niệm "Thiên Viên Địa Phương" mà các tài liệu cổ ghi chép.





Mà những khái niệm từ tượng và bát quái trong quan niệm về mùa của Trung Quốc, tương đương với bốn mùa tám tiết âm lịch. Từ đó suy ra, hình khắc trên phiến Ngọc rất có thể là sự phác họa trực quan về thiên văn, địa lý của người Lăng Gia Than, nó minh chứng lịch pháp Trung Quốc đã xuất hiện từ năm ngàn năm trước.

Ngọc là bài thơ hoa mĩ đặc sắc của văn hóa Lăng Gia Than. Vẻ sáng bóng của Ngọc không chỉ làm vui lòng thần linh mà còn làm phong phú cuộc sống của con người, trở thành khát vọng của mọi tầng lớp trong xã hội. Số lượng Ngọc chôn cùng với những người quyền chức lên đến mấy trăm loại. Điều đó, cho thấy thời kỳ văn hóa Lăng Gia Than, cả xã hội đều xem trọng Ngọc khí. Thời đại thần Ngọc Trung Quốc bắt đầu bước đến đỉnh cao của lịch sử Ngọc khí thời kỳ đồ đá mới.

NGỌC KHÍ NỀN VĂN HÓA LƯƠNG CHỦ

Văn hóa Lương Chủ cách đây 5.000 năm đến 4.500 năm là nền văn hóa thuộc khu vực Thái Hồ, hạ nguồn Trường Giang thuộc thời kỳ đồ đá mới. Tên "Lương Chủ" là do nơi ấy thuộc khu di chỉ thị trấn Lương Chủ, thành phố Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang. Ngọc của nền văn hóa Lương Chủ là một loại hình nghệ thuật tạo hình lấy hình thức "kỷ hà hình" làm chủ đạo. Nó là bước đột phá trong nghệ thuật trang trí còn nhiều thiếu sót của Ngọc. Ngọc khí Lương Chủ, bề mặt được trang trí nhiều hoa văn, từ đó nâng cao khả năng thể hiện của văn hóa Ngọc. Đặc biệt là hoa văn rực rỡ và tỉ mỉ "Thần Huy" (một mẫu vẽ đặc trưng của văn hóa Lương Chủ), đã đẩy mạnh sức biểu hiện nghệ thuật và tác động mạnh tới thị giác con người của những tác phẩm Ngọc khí này. Nó viết lên một trang sách mới đầy huy hoàng cho Ngọc Trung Quốc thời kỳ đồ đá mới.

Đến nay, số lượng Ngọc khí văn hóa Lương Chủ được khai quật hơn mươi ngàn cổ vật, thêm khoảng mươi ngàn cổ vật hiện diện trong các viện bảo tàng nước ngoài và trong tay những nhà sưu tầm đồ cổ. Tính ra trên phạm vi toàn cầu thì Ngọc khí văn hóa Lương Chủ có khoảng trên dưới hai mươi ngàn cổ vật khác nhau. Với số lượng cổ vật lớn như vậy, những món Ngọc khí của các nền văn hóa khác thật khó lòng bì kịp, điều đó cho thấy sự huy hoàng của việc chế tác và quy mô sử dụng Ngọc thời ấy, nó có ảnh hưởng rộng rãi và sâu sắc đối với xã hội đương thời.

Trình độ chế tác Ngọc khí văn hóa Lương Chủ đạt đến đỉnh cao của trình độ chế tác Ngọc khí thời kỳ tiền sử, đồng thời còn là đại diện cho trình

độ kỹ thuật chế tác Ngọc khí phía nam Trung Quốc lúc bấy giờ. Đối với việc dùng khối Ngọc lớn để chế tác Tông Ngọc và Bích Ngọc thì giai đoạn khai thác và cắt Ngọc có những yêu cầu rất cao. Nhờ hấp thụ những kỹ thuật điêu khắc của Ngọc khí văn hóa Lăng Gia Than v.v.. kỹ thuật chế tác Ngọc khí của văn hóa Lương Chử đã tương đối thành thục, đường nét mỏng như sợi tóc, với mật độ dày đặc và rất quy phạm. Với Ngọc khí có độ dày khoảng 3cm, rộng khoảng 4cm, mà có thể khắc thành Thần Huy hoàn chỉnh với hàng trăm nét khắc hợp thành, việc này đòi hỏi kỹ thuật điêu khắc phải đạt tới một trình độ nhất định. Với điều kiện của công cụ điêu khắc hiện đại, con người cũng khó mà phục hồi nguyên vẹn những đường nét đầy nghệ thuật ấy của Ngọc khí văn hóa Lương Chử.

Người dân của văn hóa Lương Chử có sự nghiên cứu hoàn chỉnh về công nghệ chế tác Ngọc, không chỉ để điêu khắc ra những hoa văn thần bí phức tạp, mà còn sử dụng nó như một nghệ thuật ngôn từ đặc biệt để kết nối con người với thế giới của thần linh. Trong tất cả Ngọc khí của văn hóa Lương Chử, có sắc thái thần bí nhất là hình hoa văn người thần mặt thú. Kết cấu cơ bản của nó đều rất giống nhau, với hình người mặt thú, đầu đội



Thần Huy người thần mặt thú, văn hóa Lương Chử
Hình này biểu đạt quan niệm thần linh nửa người nửa thú.





mũ hoa lệ, cười trên lưng linh vật bay lên trời cùng giao lưu với thần thánh và tổ tiên. Điều đó minh chứng cho quan niệm thông qua Ngọc khí để kết nối với thế giới thần linh của con người ở thời kỳ đồ đá mới, đó cũng là sự giải thích hợp lý nhất cho khái niệm "thần Ngọc".

Kiểu hoa văn "Thần Huy" trùu tượng này xuất hiện phổ biến trên Tông Ngọc, Trùy Ngọc, trở thành hoa văn độc đáo của Ngọc khí văn hóa Lương Chử, là linh hồn của Văn hóa Ngọc. Người Trung Quốc cổ đặt tất cả sự tôn kính đối với thần linh và tổ tiên lên món Ngọc khí mà họ chế tác. Trên nguyên liệu Ngọc thần kỳ ấy, con người thông qua tổ hợp người thần mặt thú biểu đạt nguyện vọng kết nối với thần linh cũng như thể hiện những tình cảm sâu đậm của mình đối với thế giới thần linh. Họ hy vọng khi tế tự, thần linh và tổ tiên sẽ nghe lời cầu khẩn và đáp ứng những mong muốn của họ.

Năm 1986, tại ngôi mộ số 12 khu văn hóa Lương Chử, núi Phản, huyện Dư Hàng, tỉnh Chiết Giang khai quật lên một món Tông Ngọc nổi tiếng, được gọi là "Tông Ngọc Vương". Ngọc khí này cao 8.8cm, đường kính 4.9cm. Tông Ngọc có tổng thể là hình vuông, hai đầu trên dưới hình Bích tròn, chính giữa có lỗ tròn xuyên suốt trên dưới. Các mặt ở bốn phía, mỗi mặt có hai tổ hợp người thần, mặt thú, tổ hợp của mỗi hình này đều giống nhau: phần trên là hình tượng người thần, mặt người thần có hình thang ngược, mắt to, mũi rộng, miệng lớn, đầu đội nón có hoa văn lông vũ xòe rộng và hoa văn hình mây cuốn, mặt và nón đều dùng kỹ thuật phù điêu làm cho đường nét có phần nổi lên; phần dưới là hình ảnh của thú, mắt to, giữa hai mắt có một đường ngắn nối tiếp, miệng rộng, có hai răng nanh, chân co lại. Bàn chân có ba móng vuốt. Bốn góc của Tông Ngọc có khắc một số nét đơn giản của hoa văn hình người thần mặt thú.



Tông Ngọc của nền văn hóa Lương Chử.



Ngọc khí hình nia của văn hóa Lương Chử

Chất Ngọc vàng trắng, bằng phẳng ngay ngắn, đáy tròn, trên mũi giữa có lỗ thông suốt.

Kiểu tạo hình này ẩn chứa quan niệm dùng Ngọc của người xưa. Trong thời kỳ tiền sử Trung Quốc, học thuyết "Thiên viên Địa phương" (trời tròn đất vuông) được lưu truyền rộng rãi. Người Trung Quốc cổ dùng Bích khí hình tròn để tế trời, "Bích viên Tượng thiên" (Bích tròn tượng trưng cho trời); họ dùng Tông tế đất vì món Ngọc khí này hình vuông, chính giữa mỗi mặt có chỗ lõm vào, chia Ngọc khí làm tám tổ hợp, có ý "Bát phương Tượng địa" (Tám phương tượng trưng cho đất).

Món Ngọc khí Tông Ngọc này dạng trụ hình vuông tượng trưng cho vùng đất rộng lớn, hai đầu tròn đại diện cho trời. Lỗ Tông thông suốt hình tròn, có thể đây là biểu hiện của quan niệm thiên (trời) của người dân nền văn hóa Lương Chử, đồng thời cũng khắc họa một cách chân thật nhất về thế giới quan và quan niệm sống của họ.

Với số lượng lớn Ngọc khí được phát hiện, chúng ta có thể cảm nhận được một cách sâu sắc về Ngọc khí của nền văn hóa Lương Chử bởi vẻ đẹp nghệ thuật của Ngọc khí tôn giáo nguyên thủy khiến rung động lòng người. Kết cấu (tinh xảo) của Ngọc khí văn hóa Lương Chử giúp cho đời sau có những kiến thức quan trọng về Ngọc khí thời tiền sử Trung Quốc.

NGỌC KHÍ NỀN VĂN HÓA LONG SƠN

Văn hóa Long Sơn được phát hiện lần đầu vào năm 1928, ở dốc Thành Tử, thị trấn Long Sơn, huyện Chương Khâu, tỉnh Sơn Đông; thuộc khu vực hạ lưu Hoàng Hà, cách đây 4.000 đến 3.500 năm, thời kỳ này đã bước vào





Rìu Ngọc có hoa văn mặt thú của nền văn hóa Long Sơn.

giai đoạn xã hội văn minh sơ cấp. Đây cũng là thời kỳ xã hội cổ đại Trung Quốc phát sinh những biến đổi cơ bản, sức sản xuất của xã hội cũng tăng hơn trước nhiều lần.

Do người Long Sơn đã nắm được kỹ thuật đúc đồng, đồng thời vận dụng kỹ thuật đúc đồng vào việc chế tác Ngọc, nên Ngọc khí thời kỳ này vô cùng tinh xảo, gần đạt đến trình độ kỹ thuật công nghệ sau này.

Đầu tiên xuất hiện kỹ thuật khảm nạm, ví dụ như Việt Ngọc (một loại binh khí thời xưa) được khai quật ở Sơn Đông, trong khoảng trống phần trên được khảm đá Lục Tùng. Đây là Ngọc khí đầu tiên sử dụng kỹ thuật khảm nạm trong nghệ thuật chế tác Ngọc khí.

Trung nguyên là vùng đất thuộc phạm vi của truyền thuyết Hoàng đế và Viêm đế. Thời kỳ văn hóa Long Sơn trung nguyên là thời kỳ diễn ra những cuộc chiến tranh giữa các vùng để phân bang lập quốc. Đa số các thành cổ thời đó không chỉ là một trại quân có tường thành bao quanh mà đó còn là trung tâm kinh tế, chính trị quân sự, tôn giáo. Chúng giống như một đô thành của một vương quốc thời sơ khai. Ngọc khí dùng trong nghi lễ của văn hóa Long Sơn như Rìu, Việt, v.v.. là loại Ngọc khí mang tính chính trị và sắc thái tín ngưỡng tôn giáo nguyên thuỷ. Những công cụ tế tự trở thành vật tượng trưng cho quyền lực và đẳng cấp. Tuy hình dạng của Ngọc khí thời này không khác gì mấy so với công cụ bằng đá, nhưng đại bộ phận không có các dấu vết sử dụng, những Ngọc khí dùng trong nghi lễ này hoàn toàn thoát khỏi phạm vi của các công cụ lao động. Việc này cho thấy lúc ấy trong lĩnh vực quân sự và sản xuất đã xuất hiện một tầng lớp có

quyền lực đặc biệt. Những công cụ, vũ khí được chế tác từ Ngọc trở thành vật tượng trưng cho quyền uy của họ. Những món Ngọc khí này thường được khắc những hoa văn phức tạp, biểu đạt ý nguyện của con người. Điều này đánh dấu thời đại Ngọc khí bắt đầu tiếp cận con người, từ đàm tế bước xuống trở thành vật chuyên dụng của công tôn quý tộc.

Phong cách và tạo hình của Ngọc khí văn hóa Long Sơn, nhìn tổng thể thì nó thuộc hình thức kết hợp giữa hai vùng văn hóa Ngọc lớn là Đông Bắc và Giang Nam. Đồng thời còn xuất hiện những kiểu dạng Ngọc khí hoàn toàn mới tiêu biểu nhất là Khuê Ngọc. Nó là Ngọc khí dùng trong nghi lễ tế tự trời đất và tổ tiên. Khuê Ngọc được xem là vật có thể thông thiên, tế tổ an dân, có tác dụng quan trọng trong việc kết nối con người với trời đất, thần linh.

Năm 1963, những người phụ trách công tác bảo vệ văn vật đã thu nhận từ nhà dân ở thị trấn thuộc vùng Nhật Chiểu tỉnh Sơn Đông được

một Khuê Ngọc, hình dài, phía trên hình lưỡi dao hơi cong, hình dạng giống rìu đá; cao 18cm, rộng 4,9cm, dày 0,85cm. Ngọc khí này được mài từ đá Ngọc rất đẹp, phần dưới khắc hoa văn gương mặt trừu tượng của thần thánh, tổ tiên. Trong phần hoa văn ấy có khắc đôi mắt rất rõ. Hình hoa văn này thể hiện hy vọng của người Long Sơn, luôn nhận được phúc đức từ trời và tổ tiên ban phát, cũng như nguyện vọng bảo hộ thị tộc của họ hưng thịnh, phát triển.

Trong Viện bảo tàng Cố Cung, cất giữ một món Ngọc khí danh tiếng lẫy lừng của văn hóa Long Sơn, Ngọc bội Ưng quắp đầu người. Ngọc bội này dài 9,1cm, rộng 5,2cm, được thau điêu từ chất liệu Ngọc màu xanh. Phần đầu có một mắt tròn, mỏ cong, mào dài, nhìn nghiêng, hình một chú chim Ưng đang tung cánh; hai chân của chim Ưng quắp một đầu người mặt nghiêng, mắt mũi đầy đủ, tóc dài chấm vai. Món Ngọc khí này rất có khả năng là vật phản ánh cảnh người Long Sơn dùng đầu người tế tự.

Căn cứ vào các tư liệu văn hóa, trong thời kỳ tiền sử Trung Quốc, nhiều nơi như tỉnh Sơn Đông thịnh hành



Ngọc bội Ưng quắp đầu người
của văn hóa Long Sơn.





phong tục thời đa vật tổ. Trong khu vực di tích văn hóa Long Sơn, những nơi như tỉnh Hà Bắc, Thiểm Tây v.v.. phát hiện ra nhiều giếng bỏ hoang, động huyệt chứa những thân người không đầu. Những nơi chôn đầu người, có thể chính là chỗ tiến hành nghi thức dùng đầu người tế tự ấy, đến nay vẫn chưa rõ những cái đầu người đó là người của bộ lạc hay là những nô lệ bị bắt trong chiến tranh.

Ngọc khí thời tiền sử rất thần kì, là ngôn ngữ của một giai đoạn lịch sử chưa có chữ viết, một món Ngọc khí nhỏ gọn với hoa văn thần bí viễn cổ, cũng đủ để nói lên tín ngưỡng, sự tôn sùng của con người đối với trời đất, thần linh. Ngọc khí thời kỳ đồ đá mới thoát khỏi giai đoạn Ngọc khí chỉ mang ý nghĩa trang sức, thẩm mĩ giản đơn, nó phải gánh vác một sứ mệnh quan trọng của việc kết nối với thần linh và tổ tiên, phải khoác lên tấm áo của thần bí để trở thành vật gián tiếp gắn kết con người và thần linh mà ta gọi là Thần Ngọc. Nó là tảng đá đầu tiên cấu thành nên văn hóa truyền thống Trung Hoa, trở thành vật minh chứng cho nền văn minh Trung Hoa, và là nhân vật quan trọng trên sân khấu lịch sử Trung Quốc.

100 DAY





Từ đời Thương đến thời kì Ngụy Tấn Nam Bắc triều, Ngọc khí đã bước khỏi thần đàm, xâm nhập vào cuộc sống xã hội. Tuy nhiên, không phải ai cũng có thể sử dụng Ngọc, chỉ có hoàng thân quốc thích, công tôn quý tộc mới có quyền dùng. Cũng từ đây Ngọc khí Trung Quốc bước vào thời đại vương ngọc. Giai đoạn này, xã hội Trung Quốc đang chuyển từ xã hội nô lệ sang xã hội phong kiến, khiến cho cuộc sống xã hội cũng thay đổi dần. Ngọc khí Trung Quốc không ngừng mở ra những viễn cảnh mới đẹp đẽ, làm phong phú hơn Văn hóa Ngọc Trung Quốc.

NGỌC KHÍ ĐỜI THƯƠNG

Thế kỷ XVI trước Công nguyên, dân tộc Thương đánh bại vương triều của nhà Hạ, lập ra nhà Thương (1600 - 1046 TCN). Do thời kì đầu, nhà Thương dời đô nhiều lần, không những vậy họ còn không ngừng chinh phục các bộ tộc xung quanh. Cứ mỗi một nơi đặt chân đến, họ đều học tập những nét văn hóa và kỹ thuật tiên tiến của nơi ấy. Do đó, văn hóa đời Thương vô cùng phong phú, đặc sắc, đa dạng, là kết tinh của việc kế thừa và phát huy tinh hoa Ngọc khí thời kỳ đầu.

Vào đời Thương, Ngọc khí và đồ đồng vô cùng phát triển, và có ảnh hưởng lẫn nhau, đây cũng là một trong những điểm mốc quan trọng của nền văn minh đời Thương. Ngọc khí đời Thương đặc sắc như vậy, nguyên nhân chủ yếu là do nhà Thương vừa bước vào xã hội văn minh không lâu, nhưng đã hoàn thành sự phân công xã hội về mặt thủ công nghiệp và nông nghiệp. Ngành chế tác Ngọc đã trở thành nghề sản xuất thủ công nghiệp độc đáo, đồng thời xuất hiện số lượng lớn thợ làm Ngọc có tay nghề cao. Người đời Thương rất chú trọng trong việc học tập, kế thừa kinh nghiệm chế tác và cách thức sử dụng Ngọc của người đi trước. Trên cơ sở đó, họ thêm vào sự sáng tạo của mình. Ngoài ra, quốc gia lúc bấy giờ xem trọng và tạo điều kiện hướng dẫn, lưu truyền nghề làm Ngọc, giúp Ngọc khí đời Thương phát triển lên đến cao trào.

Văn hóa thờ thần là nội dung trọng tâm của hình thức nhận thức đời Thương. Người đời Thương có rất nhiều hoạt động tế tự, kết hợp Ngọc khí và thần linh là nét đặc sắc nhất của họ trong việc dùng Ngọc. Người đời Thương cho rằng thông qua việc tế tự tổ tiên có thể được bảo hộ, và nhận được hạnh phúc. Những món Ngọc khí có hình người và các hoa văn mây, sấm sét, mặt thú v.v.. là hình ảnh thần linh và tổ tiên trong mắt họ; mà những món Ngọc khí này đều có hình dạng hoàn toàn mới do người lao



Ngọc khí hình người ngồi quỳ, đời Thương.

đóng đời Thương sản xuất, đồng thời là Ngọc khí chuyên dùng cho hoạt động tế tự của đời Thương

Tại ngôi mộ của Phụ Hảo ở Ân Khư thành phố An Dương, tỉnh Hà Nam khai quật được rất nhiều Ngọc, trong đó thu hút sự chú ý của mọi người nhất là Ngọc khí Người Ngọc, Người Ngọc được khắc quần áo đẹp đẽ, bên hông có chuôi rộng. Món Ngọc khí này cao 7cm, làm từ chất liệu Ngọc Điển Thanh. Người Ngọc thần thái đĩnh đạc, ngồi quỳ, hai tay đặt lên đầu gối, một bím tóc dài quấn quanh đỉnh đầu, mặt dài cầm nhẹn, chân mày nhỏ cong, mũi cao miệng ngậm. Quần áo của Người Ngọc dài qua đầu gối, có hoa văn hình mây, thắt lưng cầm một cái chuôi lớn. Từ kiểu tóc hoa lệ, khí chất cao quý và phần Ngọc khí thần bí cầm ở thắt lưng, ta thấy được hình ảnh tổ tiên của người đời Thương, hoặc giả đó là hóa thân của thần linh trong mắt người đời Thương. Hai tay của Người Ngọc ở trạng thái đặt





Thiép Ngoc của đời Thương

Được khai quật ở mộ của Phụ Hảo, thành phố An Dương, tỉnh Hà Nam. Màu xanh nhạt, một vài phần nhỏ màu đất. Bên trong rỗng, có thể đeo vào ngón tay cái của người lớn, mặt chính khắc hoa văn hình thú vật. Đây có thể là vật dụng khi còn sống của chủ nhân ngôi mộ.

Cách sử dụng Thiếp Ngọc

ở đầu gối, ngồi quỳ, điều này cho thấy, đây chính là tư thế ngồi phổ biến của người thời đó. Người Ngọc có quần áo đẹp đẽ, thần thái uy nghiêm, kỹ thuật điêu khắc tinh xảo, những điểm này làm người Ngọc trở thành một vật đặc biệt khác thường.

Hình dáng Ngọc khí đời Thương phong phú, Ngọc khí đáng để nhắc đến nhất là Thiếp Ngọc, công dụng của nó là bảo vệ ngón tay khi bắn cung, có thể xem đây là tiền thân của nhẫn ngón tay cái ở đời Thanh. Loại Ngọc khí có liên quan với đời sống thường ngày này từ đời Thương lần đầu tiên bước lên Ngọc đài, trở thành thủy tổ của loại Ngọc chuyên dụng cho giai cấp thống trị, là bước mở đầu cho việc thế tục hóa Ngọc khí và việc chuộng dùng Ngọc của người đời sau.

Vào đời Thương, đồng thau đã trở thành công cụ chế tác Ngọc xâm nhập vào lĩnh vực gia công Ngọc khí, điều này làm công nghệ chế tác Ngọc tiến thêm một bước lớn. Người thợ làm Ngọc đã có thể thuần thục kết hợp các kỹ năng Phù điêu, Viên điêu, Thấu điêu lại với nhau, làm tăng cảm giác lập thể cho thị giác. Những tượng người và các loại động vật lập thể được Viên điêu với vẻ thần bí và đẹp đẽ này, là cơ sở cho việc Ngọc khí cổ đại Trung Quốc từ mặt phẳng phát triển thành lập thể, từ những trang sức đơn giản trở thành vật trang trí phức tạp.



Người vũ Ngọc đời Thương

Ngọc màu nâu hồng, dạng co gối mặt nghiêng, hai bên đối xứng. Đây là tác phẩm mắt xích sớm nhất của Trung Quốc.

Sự tinh tế của công nghệ Ngọc khí đời Thương còn thể hiện ở sự sáng tạo của người thợ làm Ngọc. Người thợ làm Ngọc đời Thương có thể chế tác Ngọc khí dạng móc xích. Nhân Vũ Ngọc được khai quật ở một ngôi mộ đời Thương, Tân Can, Giang Tây, phía sau đầu có một sợi xích do ba móc xích tổ hợp lại, là tác phẩm móc xích đầu tiên của Trung Quốc. Tuy chỉ là một vài cái móc xích đơn giản, nhưng đó là một sự sáng tạo vĩ đại trong phương diện chế tác Ngọc. Trước đó, con người chỉ có thể sử dụng một chất liệu Ngọc để khắc ra một món Ngọc khí có thể tích nhỏ hơn. Sự xuất hiện của nghệ thuật làm mắt xích Ngọc đánh dấu nhân loại có thể khắc ra những món Ngọc khí rộng hơn hoặc dài hơn thể tích của nguyên liệu Ngọc ban đầu, điều này mở ra chân trời mới cho công cuộc chế tác Ngọc. Đồng thời, đời Thương còn xuất hiện tác phẩm *tiểu sắc* đầu tiên của lịch sử chế tác Ngọc khí Trung Quốc, đó là cách lợi dụng những màu sắc khác nhau của nguyên liệu Ngọc để thể hiện những nội dung và các bộ phận khác nhau. Con Ba Ba Ngọc được khai quật ở Ân Khu, tỉnh Hà nam vô cùng tinh xảo, tiểu sắc khéo léo, mai của nó đen bóng, các bộ phận khác màu cám trắng. Món Ngọc khí này có màu sắc phân biệt rõ ràng, hình dáng sinh động, những nơi được tiểu sắc rất giống màu sắc Ba Ba thật. Ba Ba là loại động vật sống lâu trong thế giới tự nhiên, do thời gian dài, thêm vào hình



Ba Ba Ngọc tiểu sắc, đời Thương.

dạng của nó lưng tròn đáy vuông, vừa hợp với quan niệm trời tròn đất vuông của người Trung Quốc cổ, do đó được xem là vật thần linh. Người đời Thương còn khắc chữ *tự* thần thánh lên mai Rùa, từ đó mà ta hiểu được giá trị của Rùa, Ba Ba vào thời Thương. Món Ngọc khí Ba Ba Ngọc này được dùng kỹ thuật tiên tiến nhất thời ấy để chế tác, điều đó bao hàm cả sự sùng bái của người Trung Quốc cổ đối với nó.





Trong những chữ Giáp cốt đời Thương, chữ “Bảo” (宝), có ý nghĩa trong nhà có cát giấu tiền bạc và Ngọc ngà.

Điều này nói lên giai cấp thống trị đời Thương xem Ngọc là bảo vật và tài sản. Bắt đầu từ đời Thương, các triều đại tiếp theo đều xem Ngọc như là bảo vật. Truyền thống xem Ngọc như của cải này, được một người phụ nữ tên là “Phụ Hảo” thể hiện rất rõ nét. Phụ Hảo là một trong sáu mươi tư người thiếp của vua Võ vương nhà Ân. Bà được Võ vương sủng ái nhất, tên bà xuất hiện 170 lần trong số chữ giáp cốt tim được. Võ Đinh đăng cơ 59 năm, chinh chiến khắp nơi, tung hoành thiên hạ, Phụ Hảo luôn giúp chồng ra trận. Căn cứ vào những ghi chép của chữ Giáp cốt, khi Võ Đinh đánh nước Khương, Phụ Hảo đã từng dẫn 13.000 quân lính đến trợ giúp, bà thậm chí còn viễn chinh đến nước Thổ Phương vùng Tây Bắc. Khi bà qua đời trước Võ Đinh, vị vua này đã vô cùng đau khổ, buồn bã, thường xuyên nằm mơ thấy bà. Vì được sự sủng ái của vua, Phụ Hảo được chôn cất rất long trọng, Võ Đinh dùng rất nhiều Ngọc khí chôn cùng Phụ Hảo, ngụ ý để bà đem theo tài sản ra đi. Mộ của Phụ Hảo tuy từng bị đào trộm, nhưng khi được khai quật chính thức vẫn tìm ra được hơn 750 món Ngọc khí. Mộ của Phụ Hảo là ví dụ điển hình của tư tưởng cho rằng Ngọc là tài sản vào đời Thương.

Ngọc khí đời Thương bảo tồn những quan niệm sùng bái nguyên thủy, thêm vào những yếu tố đời sống của con người, nhân cách hóa thế giới tự nhiên. Từ đây về sau, Ngọc khí bao hàm nhận thức tôn giáo nguyên thủy ngày một mờ nhạt, thay vào đó là những quan niệm nhân tính tăng nhanh, giúp Ngọc khí Trung Quốc bước vào thời đại mới.

NGỌC KHÍ THỜI TÂY CHU

Chu là một bộ lạc cổ xưa ở khu vực Tây Bắc Trung Quốc. Tây Chu (1046 – 771, TCN) là thời đại mà chế độ lễ nghi phát triển lên đến đỉnh điểm của lịch sử Trung Quốc, nó được Khổng Tử (551 – 479 TCN) cho là thời kỳ mẫu mực



Tượng Phụ Hảo

nhất, đồng thời lấy nó làm cơ sở lý luận, mở ra nền Nho học giữ vai trò quan trọng ở Trung Quốc mấy ngàn năm.

Rất nhiều tư liệu khảo cổ và văn tự ghi chép chứng minh Tây Chu là một thời kỳ ban đầu hoàn thiện và tiến hành phát triển chế độ sử dụng Ngọc của Trung Quốc cổ đại. Đồng thời là thời đại đầu tiên phủ lên Ngọc những sắc thái nhân văn, nội hàm đạo đức, có sức ảnh hưởng lớn đối với đời sau.

Thời Tây Chu có những quy định nghiêm ngặt về cấp bậc đối với phẩm chất và màu sắc của Ngọc, xuất hiện thế giới đá quý muôn màu, gồm các màu sắc như trắng, xanh, đen, Ngọc bích. Thời Tây Chu chuộng Ngọc màu trắng, đặc biệt yêu thích Ngọc Hòa Điển. Ngoài ra, còn nhiều loại đá quý khác được sử dụng như: Mã Não, Thạch anh tự nhiên, đá Lục Tùng. Những Ngọc khí quý giá mà giai cấp thống trị thường dùng, đại bộ phận được chế tác từ Ngọc Hòa Điển trắng, cấp thấp hơn thì dùng những Ngọc khí bình thường chế tác từ các loại Ngọc khác. Tính chất đa dạng của đá quý Tây Chu vừa là nhu cầu phân biệt cấp bậc của chế độ phong kiến, vừa là sự thể hiện mức phát triển của công nghệ chế tác Ngọc Tây Chu.

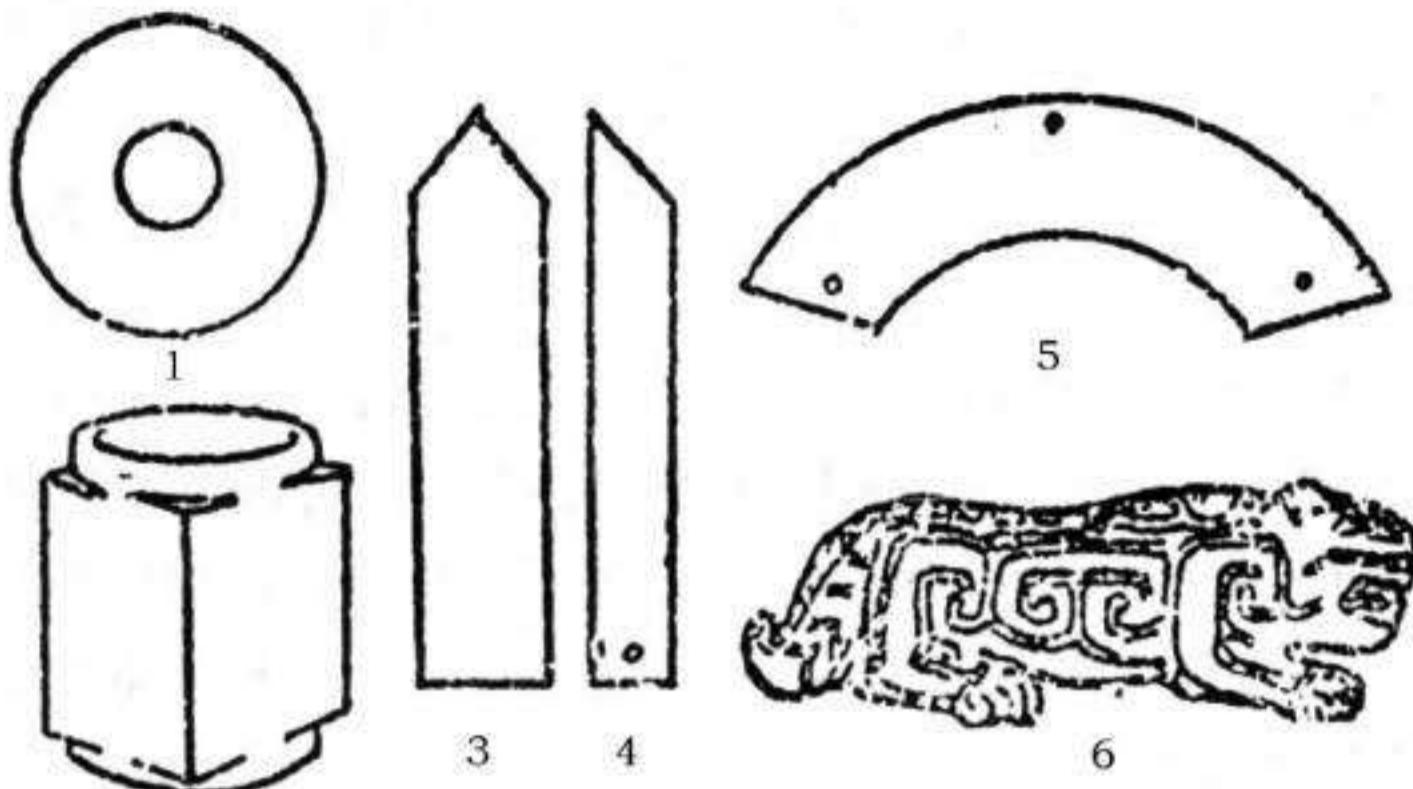


Khuê Ngọc đời Chu

Lễ nghi là chế độ quan trọng trong xã hội nô lệ Trung Quốc, đặc biệt là thời Tây Chu. Thực chất, "Lễ" là một hình thức tế tự của thị tộc thời viễn cổ. Người đời Chu phát triển "Lễ" trở thành chế độ phân cấp, lấy mối quan hệ huyết thống làm cơ sở. Ngọc khí lúc đó tự nhiên cũng trở thành công cụ phục vụ chế độ phân cấp xã hội của giai cấp thống trị. Ví dụ điển hình nhất là Lục Thụy, Lục Khí và Tổ hợp Ngọc bội.

Lục Thụy là loại vật dụng gồm nhiều loại, "Thụy" là chứng nhận cho tước vị của các cao quan được triều đình ban phát. Vương, Công, Hầu, Bá, Tử, Nam là sáu cấp tước vị, được dùng Khuê và Bích.





2 1. Bích; 2. Tông; 3. Khuê; 4. Chương; 5. Hoàng; 6. Hổ

Lục khí được ghi chép trong “Chu Lễ”.

“Chu Lễ” có ghi chép: “Dĩ Ngọc tác Lục Thụy, dĩ đẳng bang quốc, Vương chấp Trần Khuê, Công chấp Hoàn khuê, Hầu chấp Tín Khuê, Bá chấp Cung Khuê, Tử chấp Cốc Bích, Nam chấp Bồ Bích” (dùng Ngọc chế tác Lục Thụy, căn cứ vào cấp bậc để phân, Vương cầm Trần Khuê, Công cầm Hoàn Khuê, Hầu cầm Tín Khuê, Bá cầm Cung Khuê, Tử cầm Cốc Bích, Nam cầm Bồ Bích). Ở đây trực tiếp phản ảnh xã hội thời ấy, đẳng cấp khác nhau thì dùng những loại Ngọc khí khác nhau.

“Lục Khí” cũng được tìm thấy trong “Chu Lễ”: “Dĩ Ngọc tác Lục Khí, dĩ lễ thiên địa tứ phương. Dĩ thương Bích lễ thiên, dĩ hoàng Tông lễ địa, dĩ thanh Khuê lễ đông phương, dĩ xích Chương lễ nam phương, dĩ bạch Hổ lễ tây phương, dĩ huyền Hoàng lễ bắc phương” (dùng Ngọc làm Lục Khí, để cúng tế tứ phương. Lễ trời dùng thương Bích (thương: màu xanh nhạt), lễ đất dùng hoàng Tông (hoàng: màu vàng), lễ phía đông dùng thanh Khuê (thanh: màu xanh), lễ phía nam dùng xích Chương (xích: màu đỏ), lễ phía tây dùng bạch Hổ (Bạch: màu trắng), lễ phía bắc dùng huyền Hoàng (huyền: màu đen). Điều này nói lên việc tế tự đất trời thời ấy cũng đòi hỏi sáu vật màu sắc khác nhau như trên đã nhắc tới, mặt khác minh chứng Ngọc khí dùng trong nghi lễ của đời Tây Chu đã phát triển thành một dạng phục vụ tế tự thần linh tự nhiên. Ngọc khí thời này đã trở thành công cụ tốt nhất thể hiện được mối quan hệ lễ nghi thông qua biểu hiện bề ngoài của nó.



Tổ Ngọc Bội thời Tây Chu

Được khai quật ở ngôi mộ số 63 khu mộ Tấn Hầu, huyện Khúc Óc, tỉnh Sơn Tây, được tổ hợp bởi Hoàng, đá Lục Tùng, Mã não, v.v., tổng cộng 204 món.

Trong loại Ngọc khí dùng cho nghi lễ của thời Tây Chu, đặc sắc nhất là loại trang sức có tính chất nghi lễ đặc biệt, lấy Hoàng (một loại Ngọc khí hình vòng cung) làm chủ thể và được tổ hợp theo một quy định nhất định, gọi là Tổ Ngọc Bội. Thời Tây Chu trong các ngôi mộ của vua chúa và phu nhân cũng như con cái họ, thường xuyên tìm được Tổ Ngọc Bội ở đó, chế độ sử dụng Tổ Ngọc Bội vô cùng nghiêm ngặt.

Từ những hiện vật khai quật được, Tổ Ngọc Bội có hai đặc điểm: một là mỗi Tổ Ngọc có số lượng Hoàng khác nhau, đây có thể là một trong những điểm phân biệt thân phận cao thấp của người sử dụng; hai là Ngọc được kết hợp với các loại nguyên liệu Ngọc khác như Mã Não, Thạch Châu, Lưu Ly, đá Lục Tùng, điều này phù hợp với quy định chế độ lễ nghi được ghi chép trong "Chu Lễ", thần dân không được dùng Ngọc khí được chế tác hoàn toàn từ Ngọc. Phạm vi sử dụng Ngọc bội có thể không hạn chế cấp bậc người đứng đầu các nước chư hầu như Công, Hầu và phu nhân của họ hoặc tầng lớp quý tộc tương ứng.

Một Tổ Ngọc Bội được khai quật từ mộ của Tấn Hầu, huyện Khúc Óc, tỉnh Sơn Tây, gồm 204 món Ngọc khí tổ hợp thành, phân thành ba hàng trái, giữa, phải, gồm 45 Hoàng, có trang trí hoa văn rồng. Phần dưới của nó có hai con nhạn Ngọc, đầu ngược lên vô cùng sinh động. Tổ Ngọc Bội to lớn này, đủ để nói lên thân thế cao quý của chủ nhân ngôi mộ.

Người đời Chu rất xem trọng đạo đức, Ngọc khí được trừu tượng hóa thành công cụ truyền tải của quan niệm đạo đức, nó có tác dụng cung cố tông pháp về các mối quan hệ Nhân Luân. Lục Thụy, Lục Khí và Tổ Ngọc Bội là vật chứng có bao hàm sắc thái phân cấp rõ rệt nhất cho chế độ này. Sự phát triển của Văn hóa Ngọc Tây Chu, làm cho Ngọc khí của các nền Văn hóa Ngọc về sau quy nạp vào phạm trù đạo đức, chuẩn bị đầy đủ để hòa mình vào tư tưởng "Quân tử ti đức vu Ngọc" (phẩm chất đạo đức của người quân tử được sánh như Ngọc quý).





Ngọc trang sức hình người và rồng hợp thể thời Tây Chu

Màu nâu đất, hoa văn hai mặt tương đồng, được tạo hình bởi sự kết hợp giữa hình tượng người vũ và rồng.

Thời Tây Chu còn xuất hiện một loại Ngọc khí được tạo hình vô cùng độc đáo nữa, đó là Ngọc khí hình người rồng hợp thể. Sự tạo hình của Ngọc khí này gợi cho con người có những liên tưởng vô hạn, thể hiện mối quan hệ mật thiết giữa rồng và người đời Chu. Con người thời tiền sử tin rằng vạn vật đều có linh hồn, do đó có sự sùng bái tự nhiên nguyên thủy, đồng thời sáng tạo ra hình tượng rồng.

Cùng với sự tiến bộ của thời đại, địa vị của con người được xác định rõ ràng hơn, ý thức về quyền lực được củng cố, do đó họ thêm những yếu tố của con người vào con vật (rồng) mà họ sùng bái, đồng thời nhân hóa hình ảnh của nó. Tại mộ Tấn Hầu khai quật được món Ngọc khí người và rồng hợp thể, khi khai quật mộ, vật này được đặt ở phần bụng của chủ nhân ngôi mộ. Món Ngọc khí này màu nâu đất, cao 2.9cm, dài 4.5cm. Nó được tạo hình bởi hợp thể của Người Vũ và rồng, Người Vũ ở phía trước rồng, khuôn mặt rõ nét, ngẩng đầu hướng về phía trước, phần dưới thân nối liền với rồng. Rồng ở trạng thái ngoảnh đầu, đuôi hơi cong lên. Món Ngọc khí này có tạo hình độc đáo, ngụ ý thần bí. Có thể nói, nghệ thuật tạo hình đặc

sắc của nó chính là bức chân dung chân thật nhất về nhu cầu nhân hóa lực lượng thiên nhiên của con người thời Chu. Tóm lại, trên các Ngọc khí thời Tây Chu đã không còn tìm thấy dấu vết của tôn giáo nguyên thủy mà thay vào đó là sự bày tỏ, miêu tả tình cảm của con người, hình thành vẻ đẹp từ hình thức đến thần thái của Ngọc khí.

Ngọc khí thời Tây Chu kế thừa đời trước và khơi gợi cảm hứng sáng tạo cho đời sau. Trên phương diện chủng loại, tạo hình, hoa văn v.v.. của Ngọc khí đều có sự sáng tạo mới, gợi mở cảnh tượng mới cho Văn hóa Ngọc Trung Quốc.

Cống hiến quan trọng nhất của nó là mở ra khuynh hướng nhân tính hóa Ngọc khí, làm cơ sở vững chắc cho nghệ thuật nhân cách hóa, quan niệm hóa của Ngọc khí thời Xuân Thu Chiến Quốc.

NGỌC KHÍ THỜI XUÂN THU

Thời Đông Chu được chia thành hai giai đoạn: Xuân Thu (770 – 476 TCN); Chiến Quốc (475 – 221 TCN), là thời đại biến động lớn cho cục diện lịch sử, xã hội Trung Quốc cổ đại. Xã hội khi ấy đang trong quá trình phân tách, rối ren loạn lạc, các Chu hầu xưng bá, tranh hùng. Tuy nhiên, việc phân cắt về mặt chính trị không ảnh hưởng quá nhiều đến sự phát triển kinh tế, trái lại còn thúc đẩy việc giao lưu kinh tế văn hóa. Văn hóa Ngọc thời kỳ này cũng phát triển mạnh mẽ như các nền văn hóa khác.

Vào thời Xuân Thu, cùng với sự tan rã của chế độ cấp bậc Tây Chu, nhận thức tư tưởng và quan niệm thẩm mĩ của con người bắt đầu phát sinh những sự thay đổi lớn. Đồng thời, sự phát triển của xã hội, sự tiến bộ của khoa học, làm thức tinh thần và vượt qua sự sùng bái đối với quỷ thần của con người. Bởi vậy, Ngọc khí thời ấy từ mang sắc thái tôn kính sơ khai quỷ thần,



Bích Ngọc thời Xuân Thu

Món Ngọc khí này có màu xanh đen và màu xanh nhạt, ở viền có nhiều đốm trắng. Độ tròn đều đặn, hai mặt tổng cộng có 124 hoa văn rồng, những đường khắc chìm ở viền ngoài rất tinh tế đường nét hài hòa thông suốt.





bước sang giai đoạn tự giác bộc lộ nhân tính. Trọng tâm của nhận thức thẩm mĩ cũng chuyển đổi từ làm vui lòng thần linh sang gop vui cho con người. Đặc biệt là lúc ấy tầng lớp quý tộc và phú hào mới đã trở thành giai cấp chủ lực của xã hội. Nhằm đáp ứng nhu cầu thẩm mĩ và vị thế chính trị của giai cấp quý tộc nên đã dùng Ngọc khí để biểu thị các trào lưu, tư tưởng của giai cấp mình. Điều này làm cho tư tưởng “tỉ đức vu Ngọc” (so sánh các phẩm đức như Ngọc) của Ngọc khí thời Tây Chu phát triển mạnh mẽ, cuối cùng hình thành thể hệ lý luận “Quân tử tỉ đức vu Ngọc” cho Văn hóa Ngọc Trung Quốc.

Khổng Tử, người sáng lập ra phái Nho học, ông tiến hành diễn giải một cách toàn diện về tư tưởng “Quân tử tỉ đức vu Ngọc”.

Khổng Tử cho rằng: “Ngọc ôn hòa thanh khiết, có thể cho nó là “Nhân”; không dễ gãy vỡ, thậm chí có vỡ ra cũng không làm tổn thương da của con người, có thể cho nó là “Nghĩa”; được đeo bên người, nó gọn gàng trật tự, đó là biểu tượng của “Lễ”; âm thanh của Ngọc phát ra thanh thoát, đó là “Nhạc”; Ngọc đẹp không che giấu khuyết điểm, đó là biểu hiện của “Trung”; mọi người đều yêu thích nó, có thể gọi là “Đạo”. “Lễ Ký” mượn lời của Khổng Tử, kết hợp chặt chẽ giữa tư tưởng đạo đức của Nho gia với những thuộc tính tự nhiên của Ngọc, tổng kết ra mười một tiêu chuẩn đạo đức: Nhân, Trí, Nghĩa, Lễ, Nhạc, Trung, Tín, Thiên, Địa, Đức, Đạo. Chúng là cơ sở cho quan niệm “Nhân” của lê giáo Nho gia và lý luận của việc sử dụng Ngọc. Ngoài ra, chúng trở thành quy phạm đạo đức của tầng lớp trí thức thể hiện cách đối nhân xử thế, tiêu chuẩn răn mình của quân tử, tôn sùng để cao phẩm chất của Ngọc khí lên mức cao nhất, đây cũng là bước đánh dấu cho sự xác lập của việc nhân cách hóa Ngọc khí.

Cái gọi là nhân cách hóa Ngọc khí, chính là nhấn mạnh bản chất của Ngọc chủ yếu không phải là vẻ đẹp bên ngoài, mà là vẻ đẹp biểu hiện được



Tượng Khổng Tử người sáng lập ra Nho gia.

thế giới tinh thần của con người. Cùng với sự phát triển của xã hội và sự thức tỉnh văn minh của nhân loại, con người phủ lên Ngọc khí những công dụng thực tế và ý nghĩa xã hội. Nhưng không phải thành viên nào trong xã hội cũng được hưởng sự đai ngộ này, chỉ có vương tôn quý tộc mới được đeo Ngọc, thêm quy định: "Cổ chi quân tử, tất bội Ngọc" (người quân tử phải đeo Ngọc). Nếu đeo Tổ Ngọc Bội, thì nó có hai tác dụng: một là, người quân tử đi đứng phải nhã nhặn, điều khiển bước chân chậm rãi có nhịp điệu, mới không khiến Tổ Ngọc Bội phát ra những âm thanh lộn xộn, chói tai. Dần dần, người quân tử bị Ngọc bội bó buộc, hình thành một quy định riêng cho họ khi đi đứng. Hai là quân tử đi đứng quang minh chính đại nên khi đi Ngọc phát ra những âm thanh vui tai thông báo cho mọi người biết người quân tử sắp đến. Do đó, trong xã hội lễ giáo nghiêm ngặt, xuất hiện quy định "Quân tử vô cổ, Ngọc bất khứ thân" (quân tử còn sống thì thân không rời Ngọc).

Người quân tử đeo Ngọc không chỉ là để thỏa mãn nhu cầu tu thân dưỡng tính, mà còn có tác dụng phục vụ cho đẳng cấp, ngay như ở hoàn cảnh "lễ băng lạc hoại" (lễ nhạc bại hoại) trong thời Xuân Thu thì cũng vẫn như vậy. Sách "Tả truyện" có ghi chép một việc dùng Ngọc vượt cấp ở nước Lỗ: Vào năm Lỗ Định Công thứ năm (505 TCN), Lý Bình Tử sau khi nắm giữ đại chính của nước Lỗ hơn ba mươi năm thì qua đời, gia thần Dương Hổ của ông ta muốn dùng "Dư Phan" một loại Ngọc mà chỉ vua mới được sử



Ngọc bội hình Hổ thời Xuân Thu

Ngọc màu xanh xám, dạng dẹp, đầu Hổ, cuối đuôi cong, giống đang co mình để chuẩn bị phóng đi, thể hiện sức mạnh nội tại.





Kiếm Ngọc thời Xuân Thu

Quý tộc thời Xuân Thu không chỉ đeo Ngọc bên người mà còn dùng Ngọc để trang trí kiếm. Món kiếm Ngọc này được chế tác từ Thanh Ngọc, bán trong suốt, sáng bóng, chất Ngọc cực kỳ tốt, là tinh phẩm thời Xuân Thu.

dụng, để chôn cùng ông, nhưng một gia thần khác của ông là Trọng Lương Hoài không đồng ý, và yêu cầu “cải bộ cải Ngọc”. Ở đây ý nói, Lỗ Triệu Công lưu lạc nhiều năm, Lý Bình Tử tuy thay thế vua quản lý triều chính, dùng “Dư Phan” tế tự, nhưng nay Lỗ Định Công đã kế vị, Lý Bình Tử trở về vị trí một tông thần, thay đổi chế độ sử dụng Ngọc là không hợp lý. Lý Bình Tử là nhân vật quyền thế ở nước Lỗ, thậm chí đến Lỗ Chiêu Công cũng bị ông ta đuổi đi nước khác lưu lạc.

Tuy nhiên, dù ông ta có quyền lực đến mấy, nhưng đứng trước chế độ dùng Ngọc nghiêm ngặt cũng đành phải phục tùng, thế mới hiểu chế độ giai cấp của xã hội lúc ấy có trật tự như thế nào.

Việc đeo Ngọc được liên hệ đến thế giới của tinh thần, hành vi, việc tu dưỡng đạo đức, người ta lấy nó để nói về khí, từ đó thể hiện phong độ, khí chất, tình cảm, phẩm cách của Ngọc. Ngọc khí thời kỳ này bị ràng buộc bởi

một quy phạm đạo đức và lý luận lễ nghĩa mới. Chúng thường dựa vào tạo hình, thể trạng, kích cỡ, màu sắc hoặc hoa văn để ám chỉ những quan niệm giai cấp xã hội và các luân lý đạo đức. Do đó, trên mỗi món Ngọc khí đều bao hàm những ý nghĩa chính trị, luân lý và tôn giáo.

Vào thời Xuân Thu, Ngọc được dùng để chỉ đạo đức của quân tử, có ảnh hưởng sâu sắc đến thẩm mĩ của con người.

Người ta vẫn thường dùng Ngọc đẹp để ví với phẩm chất nhân văn của chính con người. Sách "Luận Ngữ" có ghi chép lại một câu chuyện: Tử Cống hỏi Khổng Tử: "Thưa thầy, thầy thấy em là người thế nào?", Khổng Tử nói: "Hổ Liễn chi khí". "Hổ Liễn" là vật đựng những món lễ vật dùng trong nghi lễ tế tự, nó được khảm rất nhiều Ngọc quý, là vật vô cùng đẹp đẽ và quý giá. Con người thường dùng Hổ Liễn để ví với những người có tài quản lý triều chính. Trong mắt Khổng Tử, Tử Cống là một người như vậy.

Lý luận đạo đức sâu sắc của Ngọc khí thời Xuân Thu có giá trị hơn giá trị nghệ thuật và giá trị thẩm mĩ của nó. Việc quân tử đeo Ngọc, ngoài việc dùng nó làm vật trang sức, quan trọng hơn nữa là để thể hiện phẩm chất đạo đức cao đẹp của mình. Đồng thời, món Ngọc khí tinh xảo cũng tăng sức thể hiện sự giàu có của tầng lớp công tôn quý tộc, hai điểm ấy hòa quyện với nhau và cùng thể hiện ra ngoài.



Người gỗ màu sắc đẹp đẽ của thời Chiến Quốc

Được khai quật ở Võ Xương Nghĩa, thành phố Giang Lăng, tỉnh Hồ Bắc. Trước ngực người gỗ, hai bên trái phải được đeo hai sợi Ngọc bội, cho nên mới nói: "Quân tử vô cổ, ngọc bất khứ thân" (Quân tử chưa chết, không được rời Ngọc).

NGỌC KHÍ THỜI CHIẾN QUỐC

Chiến Quốc là thời kỳ làm kinh động lòng người trong lịch sử Trung Quốc. Các nước Chư hầu không ngừng chiến tranh, nhưng trong cuộc cạnh tranh đó, ở một mức độ nhất định lại thúc đẩy sự phát triển văn hóa, có ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển của Ngọc khí thời Chiến Quốc.

Vào thời kỳ này, con người đã có những tiến bộ mới trong kiến thức nhận biết nguyên liệu Ngọc, sự phán đoán về chất liệu Ngọc chính xác hơn rất nhiều. Từ câu chuyện "Bích Hòa Thị" (Ngọc họ Hòa) được lưu truyền trong lịch sử, ta có thể hiểu thêm về phương diện này. Câu chuyện "Bích Hòa Thị" kể về một người nước Sở hiến Ngọc. Biện Hòa là một thợ làm Ngọc của nước Sở, anh ta tìm được một viên Ngọc quý ở núi Kinh. Bên ngoài viên Ngọc trông như đá, Biện Hòa dựa vào



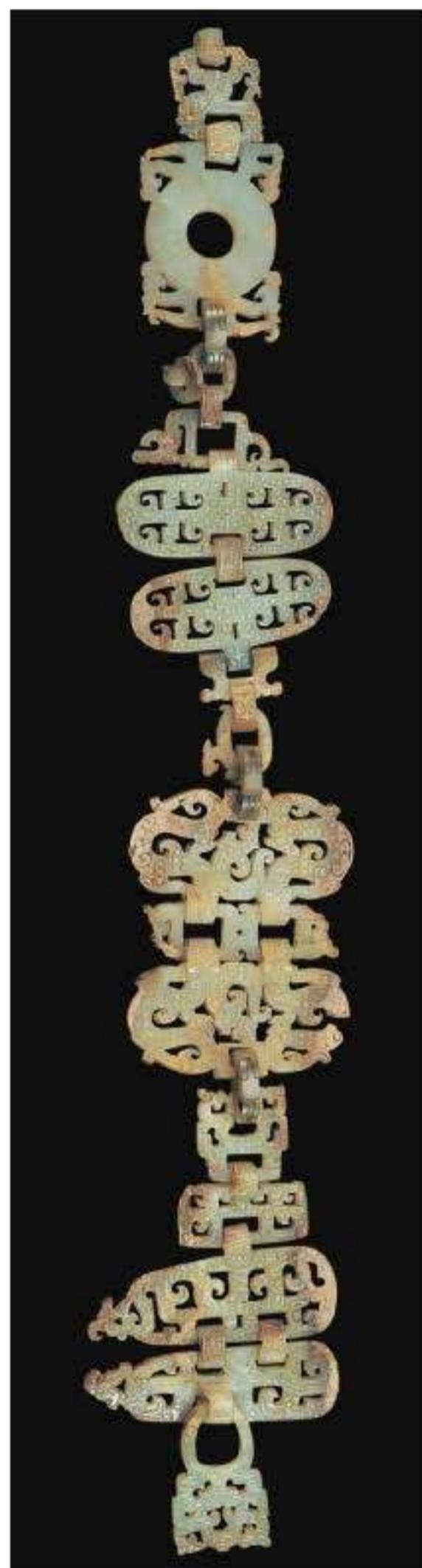


kinh nghiệm của mình khẳng định đó là viên Ngọc quý, anh quyết định hiến tặng cho Sở Lệ Vương. Sở Lệ Vương không cho đó là Ngọc, cho rằng Biện Hòa lừa gạt mình, bèn ra lệnh chặt chân phải của Biện Hòa. Sau khi Lệ Vương qua đời, Biện Hòa lại đem viên Ngọc này tặng cho Sở Võ Vương. Võ Vương cũng cho rằng đó không phải là Ngọc, ông ra lệnh chặt chân trái còn lại của Biện Hòa. Cho đến khi Sở Văn Vương kế vị, Biện Hòa lại một lần nữa đem viên Ngọc này tặng cho Văn Vương.

Lúc này, Văn Vương mới phát hiện ra đó là một viên Ngọc vô cùng quý giá, và đặt tên cho nó là "Bích Hòa Thị". Câu chuyện này nói lên, những người thợ làm Ngọc thời Chiến Quốc đã có thể nhìn được chất lượng bên trong của Ngọc thông qua bề mặt, đồng thời phản ánh mức độ yêu quý Ngọc của con người thời ấy.

Vào thời Chiến Quốc, số lượng Ngọc khí chế tác từ Ngọc Hòa Điển tăng nhanh, kỹ thuật mài Ngọc và trình độ trang trí cũng có tiến bộ hơn nhiều so với các đời trước. Đáng nói nhất là người thợ làm Ngọc đã có thể sử dụng hết chất liệu Ngọc ban đầu để điêu khắc những tác phẩm tinh xảo. Năm 1978, tại mộ Tăng Hầu Ất, tỉnh Hồ Bắc, đã khai quật được một món Ngọc khí trang sức có mười sáu đoạn long phụng, dài 48cm, rộng 8.3cm, được chế tác từ Ngọc Hòa Điển, màu trắng. Món này do năm khối Ngọc chia ra làm mười sáu đoạn, các đoạn được thấu điêu hình rồng phụng, thêm ba vòng tròn và được nối thành sợi bằng đinh ghim. Mười sáu đoạn này nối dài với nhau, kết cấu hình rồng, các đoạn có thể uốn gập tùy ý. Món Ngọc khí này thiết kế tinh tế làm ta phải thán phục. Thợ làm Ngọc sử dụng phương pháp "lấy ít làm nhiều", mài năm khối Ngọc riêng biệt, dùng các mảnh xích ngọc nối lại với nhau. Phương pháp này vừa tiết kiệm được Ngọc, vừa đẹp mắt. Món Ngọc khí nhiều đoạn này đẹp đẽ, màu sắc hài hòa, khi mở được khai quật, nó nằm ở vị trí từ hàm dưới của Tăng Hầu Ất, cho thấy đây là Ngọc khí mà ông yêu quý khi còn sống.

Các chủng loại Ngọc khí thời Chiến Quốc phong phú đa dạng hơn các thời trước rất nhiều. Để thỏa mãn



Ngọc mười sáu đoạn hình long phụng thời Chiến Quốc

Do năm khối Ngọc chia thành mười sáu đoạn, các đoạn có thấu điêu hình rồng, phụng và ba Ngọc khí dạng tròn, dùng đinh ghim để nối thành một sợi, mỗi đoạn có thể uốn gập tự nhiên.

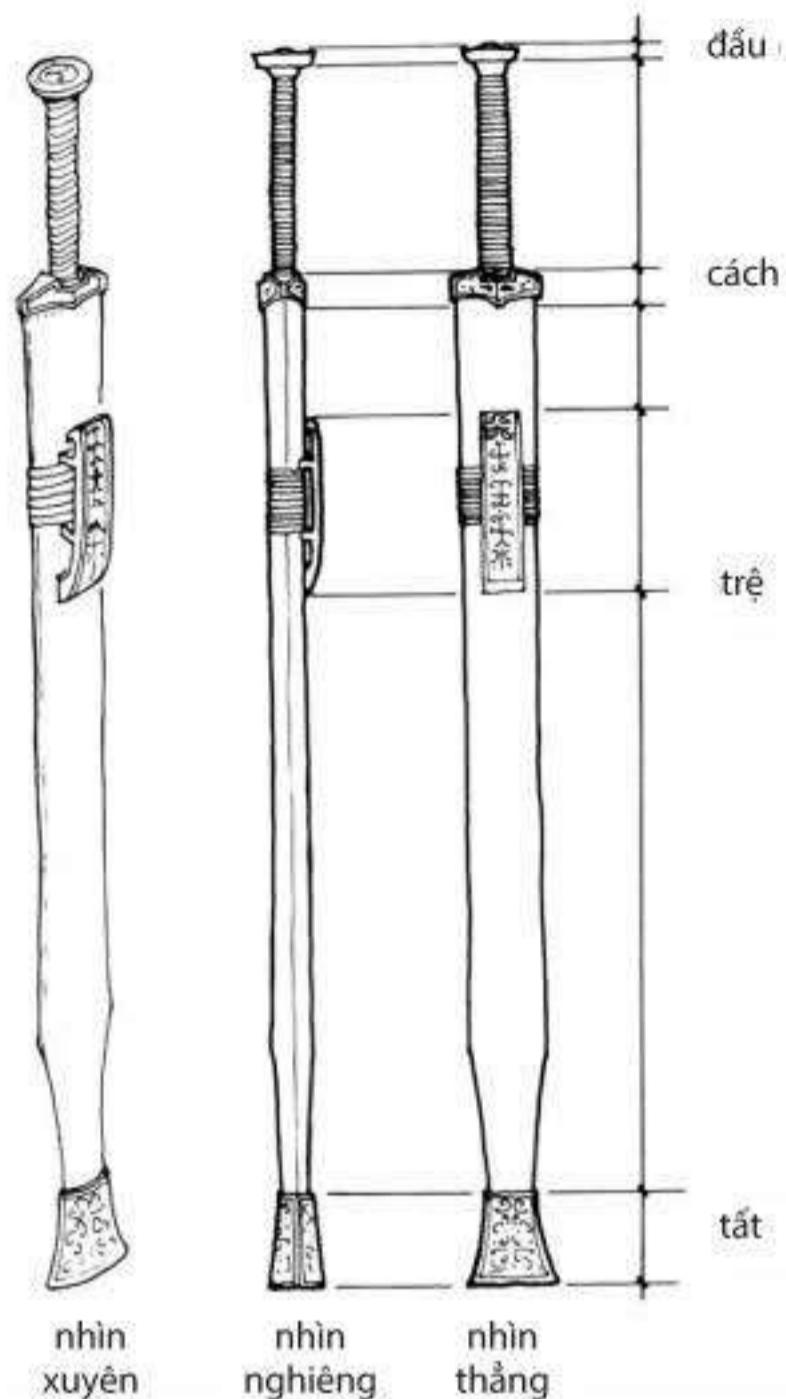


Ngọc trang trí kiếm thời Chiến Quốc

Ngọc trang trí cho kiếm thịnh hành vào thời Xuân Thu, Lưỡng Hán. Bộ Ngọc trang trí này có màu trắng xương gà.

nhu cầu trang trí của tầng lớp quý tộc, Hoàng Ngọc, Tổ Ngọc Bội, Ngọc Bội Long Phụng, Ngọc bội hoa văn Li, Ngọc Bội Nhân Vũ được chế tác với số lượng lớn. Ngoài ra, những Ngọc khí thường dùng trong cuộc sống như Ngọc bội trang sức cho kiếm, cho thắt lưng v.v.. cũng được lưu hành rộng, trở thành vật trang trí không thể thiếu trên thắt lưng và kiếm của tầng lớp quý tộc.

Ngọc khí dạng hình rồng thời kỳ Chiến Quốc muôn vàn hình thái. Những hình rồng ấy có ánh mắt nhanh nhẹ, hàm răng sắc nhọn, biểu hiện rõ những đặc trưng mạnh mẽ trong tính cách của nó; tư thế ưỡn ngực cong đuôi thể hiện thần thái ngang nhiên, hiếu thắng của rồng. Những



Sơ đồ kiếm Ngọc





Ngọc bội hình rồng thời Chiến Quốc

Khai quật tại lăng mộ Tăng Hầu Ất, thành phố Tùy Châu, tỉnh Hồ Bắc, có một đôi, màu xanh có vân màu đất. Thân tương đối thanh, uốn khúc. Hoa văn hình mây, có kèm theo hoa văn cốc.

Ngọc bội hình rồng uốn cong hình chữ **S** này, thiên biến vạn hóa, phong cách đặc biệt, đầy sức sống. Đôi Ngọc bội hình rồng này được khai quật từ mộ của Tăng Hầu Ất đã hoàn toàn bộc lộ được thần thái và khí chất anh hùng. Đôi Long Ngọc này được chế tác từ chất liệu Ngọc xanh, dài khoảng 11.5cm, rộng khoảng 8cm, dày 0.6cm; hình thể tương đối gầy, thân dài, phần cổ và đuôi gấp khúc, cong hình chữ **S**, toàn thân được khắc hoa văn mây và ngũ cốc.

Nhìn tổng thể, tạo hình của nó làm cho ta có cảm giác nó đang chuyển động, đồng thời cũng cho thấy vẻ hoa lệ của món trang sức. Tất cả điều này chính là sự giải thích chính xác nhất cục diện quần hùng tranh bá thời Chiến Quốc đã đem lại cho Văn hóa Ngọc khí đương thời những thành tựu nhất định. Đồng thời nó cũng góp phần viết lên một trang sách mới đầy hoa lệ cho Văn hóa Ngọc Trung Quốc.

Trong thời Chiến Quốc, Ngọc khí được xem là tượng trưng cho của cải, vua và tầng lớp quý tộc ai cũng cho rằng Ngọc là vô cùng quý giá. Ngọc khí không chỉ là tài sản của cá nhân một ai, mà còn là bộ phận quan trọng trong tài sản của cả quốc gia. Cùng với việc chiến tranh không ngừng giữa



Hoàn Bích Quy Triệu

các nước Chư hầu, việc giao lưu của họ vẫn diễn ra thường xuyên, sự yêu thích Ngọc khí cũng như tranh giành chúng giữa các nước xảy ra đến mức cao nhất. Để tranh đoạt Bích Ngọc, nước Tân và nước Triệu khi đó đã xảy ra cuộc chiến “Hoàn Bích Quy Triệu” (hoàn trả Bích cho nước Triệu) đặc biệt trong lịch sử Trung Quốc.

Câu chuyện “Hoàn Bích Quy Triệu” xảy ra vào thời kỳ Chiến Quốc. Triệu Huệ Vương giành được “Bích Hòa Thị” của nước Sở. Tân Chiêu Vương nghe được tin này, lập tức phái người đưa thư cho Triệu Vương, tình nguyện dùng mười lăm thành trì để đổi lấy Bích, Triệu Vương bèn phái Lạn Tương Như làm sứ giả đem Bích sang nước Tân.

Sau khi đến nước Tân, Lạn Tương Như giao Bích cho Tân Vương. Tân Vương nhìn thấy Bích, liền vui mừng, còn đưa Bích cho những người bên cạnh cùng ngắm nhìn, không hề nhắc đến việc đổi thành trì. Lạn Tương Như phát hiện ra Tân Vương vốn không có ý định đổi thành trì, bèn nghĩ mưu tìm kế, ung dung bước đến trước mặt Tân Vương nói: “Trên Bích Hòa Thị có vài vết xước, xin hãy cho phép thần chỉ ra cho ngài thấy”. Tân Vương không biết mưu kế của Tương Như, nên đưa Bích cho Lạn Tương Như. Ông ta cầm lấy Bích, đột nhiên lùi về phía cột phái và mặt mày tức tối nói: “Triệu vương phải ăn chay năm ngày để tiễn Bích, sau đó phái thần đến đây, đây là việc vô cùng





hệ trọng. Giờ đây, ngài có được Bích lại tùy tiện đưa cho người khác, không hề trân trọng nó, thần nhận thấy ngài không có ý đổi mười lăm thành trì cho Triệu Vương. Giờ Bích trong tay thần, nếu đại vương cưỡng ép, thì đầu thần và Bích này sẽ đâm vào cột". Nói xong, ông nâng Bích lên cao, hướng về phía cột, Tần Vương rất yêu quý Ngọc, nên đã nói lời xin lỗi. Lạn Tương Như xin Tần Vương giữ lời, chọn ngày lành sẽ giao Ngọc. Về sau, Lạn Tương Như phái người bí mật đem viên Ngọc Hòa Thị về lại nước Triệu, Tần vương thấy vậy cũng không còn cách nào, cuối cùng đành để Lạn Tương Như quay về nước Triệu.

Ngọc quý vô giá, con người vì vẻ đẹp của nó mà không tiếc thân. Câu chuyện thần thoại "Hoàn Bích Quy Triệu" một khối Ngọc giá đáng mười lăm thành trì đã tô đậm câu nói của Trung Quốc "hoàng kim hữu giá, Ngọc vô giá" (Vàng còn được định giá trị chứ Ngọc thì không định được giá trị), cũng là thêm vào một nét bút đẹp nữa cho Văn hóa Ngọc Trung Quốc.

"Bích Hòa Thị" cuối cùng vẫn thuộc về nước Tần. Sau này Tần Thủy Hoàng dùng nó làm Ngọc tỉ khắc lên hàng chữ "Thụ mệnh vu thiên, ký thọ vĩnh xương" (nhận lệnh từ trời, nhất định sẽ hưng thịnh vĩnh viễn) do thừa tướng Lý Tư viết. Từ đó, Ngọc tỉ đầu tiên đại diện cho quyền lực cao nhất của hoàng đế ra đời, đồng thời quy định, phàm là hoàng gia dùng ấn, ấn nhất định phải được chế tác từ Ngọc, gọi nó là "tỉ", những người khác dùng ấn, bất luận là được làm từ chất liệu gì, đều gọi là "ấn" hoặc "chương". Sau đời Tần, các triều đại tuy đều chế tác Ngọc tỉ cho mình, nhưng họ đều mong muốn có được Ngọc tỉ của Tần Thủy Hoàng, họ cho rằng chỉ có Ngọc tỉ ấy mới có thể làm cho mọi người tin rằng mình là "chân long thiên tử" của "thiên chi sở mệnh". Sau đó, Ngọc tỉ này bị chìm trong sự tranh giành đẫm máu mấy trăm năm, truyền đến vị vua cuối cùng thời Hậu Đường, Lý Tòng Kha nắm giữ, sau đó đã bị mất tích.

NGỌC KHÍ ĐỜI HÁN

Đời Hán (206 – 220 TCN) có ba giai đoạn phát triển: Tây Hán, Tân Māng, Đông Hán. Sự thành lập và phát triển một quốc gia phong kiến đa dân tộc thống nhất vào đời Tây Hán, giúp Trung Quốc cổ đại bước vào thời kỳ hoàng kim, trải qua hơn bốn trăm năm phát triển của Lưỡng Hán, bộ mặt văn hóa của Trung Quốc cổ đại dần dần lộ diện. Ngọc khí đời Hán kế thừa truyền thống đặc sắc của Ngọc khí thời Chiến Quốc, nhưng về mặt phong cách nghệ thuật, họ lại tiếp thu những nét thoát tục, tự do, lâng mạn độc đáo của những đời trước, hòa quyện thành phong cách nghệ thuật hào



Vũ công Ngọc, thời Tây Hán

Hai món này có hình tượng người Ngọc, trang phục, động tác múa giống nhau. Mắt dài, mày mỏng, mũi cao, khuôn mặt bầu dục, ở tư thế đang múa điệu múa thịnh hành thời Tần Hán, "Sí tu chiết yêu".

phóng, mạnh mẽ của Ngọc khí đời Hán, đẩy Ngọc khí cổ đại Trung Quốc lên đỉnh cao.

Trong lịch sử Ngọc khí Trung Quốc, đời Hán là thời đại đỉnh cao trong việc sử dụng Bạch Ngọc, đặc biệt là Ngọc Hòa Điển, Tân Cương, thậm chí Bạch Ngọc mờ dẽ, không những có số lượng nhiều mà chất lượng cũng tăng cao. Nguyên nhân chủ yếu là nhà Hán mở thông con đường đến Tây Vực, giúp giao thông giữa hai khu vực Đông Tây thuận tiện hơn, nguồn nguyên liệu Ngọc Hòa Điển, Tân Cương không ngừng được vận chuyển vào Trung Nguyên. Ngoài ra, đời Hán thịnh hành học thuyết âm dương ngũ hành, con người phủ lên màu trắng những khái niệm cát tường, kết hợp quan niệm "thượng bạch" (chuộng màu trắng) và học thuyết "Nhân" của Nho gia, làm tăng thêm vị trí của văn hóa cảm thụ màu sắc thẩm mĩ, đồng thời phủ lên nó những thuộc tính của đạo đức con người.

Ngọc khí nhà Hán sử dụng phương pháp sáng tạo tả thực, kết hợp với khuếch trương, mô tả cuộc sống thần tiên đầy lâng mạn trên trời với thế giới hiện thực đầy sức sống. Thời kỳ này, ngoài những vật thần linh như





Người tiên phi ngựa, Ngọc thời Tây Hán

Tạo hình tổng thể là người tiên cưỡi thiên mã. Thiên mã đang ở tư thế phóng lên phía trước, chân trước đạp lên một vật hình cầu. Một người vũ cưỡi trên lưng ngựa, một tay nắm vào bờm ngựa, một tay cầm linh chi. Bàn đặt chân được khắc hình mày, ngụ ý thiên mã đang bay trên không trung.

Hán bát đao: là nghệ thuật điêu khắc độc đáo của thời Hán, ý chỉ cần "bát đao" (tám nhát dao) là Ngọc khí đã thành hình, phản ánh sự nhanh nhẹn khéo léo của kỹ năng điêu khắc Ngọc khí thời kỳ đời Hán. Cái gọi là "Hán bát đao", không phải khi nào cũng chỉ cần tám nhát dao là hoàn thành, mà ý nói sử dụng dao pháp tinh luyện để điêu khắc ra hình dạng, thần thái của Ngọc. Món Ngọc khí đại diện cho kỹ thuật Hán bát đao là Trư Ngọc.

rồng phượng, một số quái thú ngũ ý tránh tà trừ ma, đem lại điều tốt lành trong truyền thuyết cũng trở thành những hình tượng sáng tạo mới như: Li hổ, thiên mã v.v.., chúng có thể ngao du cửu thiên, kết hợp với thần linh và đưa người lên tiên cảnh. Ngọc khí đời Hán cũng từ đó mà có nét phóng khoáng và mang đậm chủ nghĩa lãng mạn. Món Ngọc khí "Người tiên phi ngựa" thời Tây Hán được khai quật ở Thiểm Tây, bốn chân khuếch trương, ngẩng đầu ưỡn ngực, thân như đang bay, chân đạp mây, tư thế như thiên mã đang bay trên không; cưỡi trên lưng ngựa là một người tiên trang nghiêm uy vũ. Món Ngọc khí này tràn ngập cảm giác phóng khoáng, sinh động, tổng thể tạo hình có sức bật cao, thể hiện mơ ước được đến tiên cảnh và tinh thần cao quý của thời đại.

Đối với hoa văn Li, hổ được phù điêu trên trang sức kiếm, càng thiên biến vạn hóa. Chúng không uốn người ngẩng đầu, bay trong mây gió, thì cũng thành đoàn kết đôi, vui vẻ trong không trung. Dáng vẻ tràn đầy sức lực, khí chất ngang nhiên hào phóng, phong thái tự nhiên hài hòa của chúng phá vỡ nét trầm buồn đơn điệu của Ngọc khí thời kỳ đầu, trở thành quy phạm nghệ thuật rực rỡ của Ngọc khí đời Hán.

Nghệ thuật điêu khắc của đời Hán đã cố gắng bỏ đi kiểu tạo hình dạng bằng phẳng, các tác phẩm phù điêu, viên điêu ngày càng nhiều. Những món Ngọc khí

thường gặp trong kho tàng Ngọc khí Trung Quốc như Thiền Ngọc (con ve sầu bằng Ngọc), Trư Ngọc (con heo Ngọc), tạo hình sinh động, đường nét giản đơn, thần thái hài hòa, được gọi là

"Hán bát đao", là phương pháp vô cùng đặc sắc trong nghệ thuật điêu khắc cổ đại Trung Quốc. Về phương diện tạo hình, những người thợ làm Ngọc sử dụng phương pháp khắc khai quát, bỏ đi các chi tiết nhỏ, chú trọng hiệu quả

toàn diện và những biểu hiện thần thái của



Ngọc tì của
hoàng hậu thời Tây Hán.





đối tượng sáng tác, qua đó phản ánh diện mạo của cuộc sống hiện thực và nguyện vọng tốt đẹp của con người.

Trong những loại Ngọc dùng trong nghi lễ, có một món Ngọc tỉ không thể không nhắc đến. Năm 1968 tại vùng phụ cận Trường Linh đời Hán, vịnh Hán Gia, thành phố Hàm Dương, tỉnh Thiểm Tây, một em học sinh tiểu học nhặt được món Ngọc tỉ ở bên cạnh bờ ruộng và giao cho quốc gia. Thông qua sự kiểm định của bộ ngành quản lý văn vật, họ cho rằng đó là Ngọc tỉ của hoàng hậu đời Hán, nó lập tức được mọi người quan tâm. Ngọc tỉ này cao 2cm, viền dài 2.8cm nặng 33g, được chế tác từ Ngọc Hòa Điền, Tân Cương, hình vuông bên trên có hình Li hổ. Phần đáy được khắc bốn chữ "Hoàng Hậu chi tỉ".

Trung Quốc bắt đầu dùng Ngọc làm ấn từ thời Tam Quốc, đối với Ngọc tỉ thời Tần Hán, lúc trước mọi người đều cho rằng, nó đã không còn tồn tại, do đó "Hoàng Hậu chi tỉ" khi xuất hiện, nó đã trở thành báu vật hiếm có trên đời. Việc phát hiện ra Ngọc tỉ này, giúp chúng ta lĩnh hội được phong thái Ấm tỉ của vua chúa hai ngàn năm trước.

Việc an táng cùng Ngọc vào đời Hán vô cùng thịnh hành. Trung Quốc là đất nước trọng lễ nghĩa, họ rất quan tâm đến việc chôn cất tổ tiên, đồng thời cho rằng nghi thức chôn cất là một bộ phận quan trọng trong lễ nghĩa. Phong trào hậu táng đời Hán thịnh hành giúp lễ nghĩa phát triển thêm một bước. Qua đó, một bộ quần áo Ngọc dùng để bảo hộ thi thể đã ra đời, có tính đại diện nhất là "Y Ngọc". Y Ngọc chỉ một bộ quần áo dùng để bao bọc từ đầu đến chân của người chết, hình dạng như người, chia ra các bộ phận như chụp đầu, áo, tay áo, bao tay, ống quần và giày. Các bộ phận đó được



Y Ngoc viền vàng, thời Tây Hán

Khai quật ở ngôi mộ thời Hán tại Hỉ Sơn, thị trấn Mang Sơn, thành phố Vĩnh Thành, tỉnh Hà Nam, nay được lưu giữ ở viện bảo tàng Hà Nam. Cả bộ có 2008 mảnh Thanh Ngọc hợp thành, dùng sợi vàng để nối chúng lại với nhau.



Vò rượu Ngọc hoa văn thần thú đời Hán

Chất Ngọc màu trắng bột. Dạng ống thẳng, trên thân phù điêu hình Li hổ, rồng, gấu và Người tiên đằng mây, bên dưới có ba chân hình gấu, phản ánh tư tưởng về thần thánh của đời Hán.

thường không được toại nguyện, chính sự chôn cất cùng với nhiều Ngọc khí và vàng bạc châu báu đã dẫn đến tình trạng bị đào mộ trộm nhiều lần.

Ngụy Văn Đế Tào Phi (187 - 226) thấy được tình trạng đó, bèn ra lệnh cấm hậu táng, kết thúc lịch sử sử dụng Y Ngọc, cũng đánh dấu kết thúc lịch sử phong trào hậu táng.

Đời nhà Hán, tầng lớp vương công quý tộc cầu khẩn được trường sinh bất lão, mơ ước được hóa tiên. Con người cũng tôn sùng tiên cảnh, thoát khỏi hồng trần. Dưới sự ảnh hưởng của tư tưởng này, Ngọc khí từ quy phạm lễ nghi, tôn thờ tổ tiên và ngũ ý giáo dục đạo đức từ thời Thương, Chu, biến thành cầu nối vượt qua chết chóc kết nối với thần linh của con người, trở thành chỗ dựa cho mơ ước trường sinh bất lão, ngàn năm bất hủ của họ. Tư tưởng tự do tự tại, thần tiên bất tử đời Hán, được thể hiện rõ nét qua câu chuyện thần thoại trên một "Tọa Bình" thời Đông Hán. "Tọa Bình" do bốn tấm Ngọc thau điêu tổ hợp thành, giá đỡ hai bên và hai tầng trên dưới, mỗi tầng một tấm, phần mộng của hai tấm phong

dùng những mảnh Ngọc hình vuông có chất liệu khác nhau và dệt cùng với các sợi vàng, bạc, đồng kết nối mà thành. Chất liệu khác nhau biểu hiện thân phận khác nhau của người chết. Căn cứ vào sự ghi chép trong sách Hậu Hán Thư, phần Dư Phục Chí, hoàng đế sử dụng vàng; các chư hầu, liệt hầu, sứ phong quý nhân, công chúa dùng bạc; đại quý nhân, trưởng công chúa dùng đồng. Vào đời nhà Hán, đặc biệt là vào thời Đông Hán, họ có những quy định vô cùng nghiêm khắc về việc sử dụng y Ngọc, không được vượt cấp. Giai cấp thống trị không hề tiếc khi dùng Ngọc may áo như vậy, họ muốn dùng thần khí của Ngọc bảo vệ cho thi thể không bị phân hủy, nhằm đạt được mục đích linh hồn được thăng thiên. Tuy nhiên, họ





Ngọc phân biệt cắm vào hai lỗ của giá đỡ. Đông Vương Công, Tây Vương Mẫu là hai vị thần cai quản phía đông và tây trong thần thoại. Chính giữa của tấm Ngọc Bình tầng trên được thau điêu hình ảnh Đông Vương Công trong truyền thuyết, ông ngồi trên tòa cao, xung quanh có các tiên nữ, chim phụng đứng hầu. Chính giữa của tấm Ngọc phong, tầng dưới thau điêu hình tượng Tây Vương Mẫu, bà ngồi ngay ngắn, hai bên có tiên nữ, thần thú đứng hầu. Tấm Tọa Bình này được kết hợp giữa nghệ thuật thau khắc và sợi khắc, không có một vết chắp vá, trông như một bức tranh thủy mặc đẹp đẽ.

Về mặt hoa văn, nó được kết hợp nhân vật, phong cảnh, động vật với nhau. Loại tác phẩm này từ trước đến nay chỉ mới tìm được một món, thông qua đó ta thấy được nhận thức tư tưởng về cuộc sống hạnh phúc may mắn của người thời ấy.

Ngọc khí đời Hán hùng hồn hào phóng, thanh hiên thoát tục, khiến con người ngạc nhiên. Những tác phẩm của kỹ thuật viên điêu, cao phù điêu, thau điêu trở thành nghệ thuật chủ đạo đời Hán. Ngọc khí đời Hán đã thoát khỏi sự ràng buộc của những quan niệm lễ nghĩa, tôn giáo, theo đuổi những giá trị nghệ thuật cao hơn. Khuynh hướng này trở thành xu hướng chủ đạo cho việc phát triển Ngọc khí cổ đại Trung Quốc hai ngàn năm sau.



Quái thú chế tác từ hổ phách của Nam Bắc triều

Màu nâu, viên điêu, kiểu ngồi ôm hai chi trước vào ngực, sau lưng hoa văn hình con ve.

NGỌC KHÍ THỜI NGỤY TẤN, NAM BẮC TRIỀU

Thời kỳ Ngụy Tấn, Nam Bắc triều gồm các thời kỳ, Tam Quốc (220 - 420), Tây Tấn (265 - 317), Đông Tấn (317 - 420), Nam Bắc triều (420 - 589). Bối cảnh chính trị xã hội thời kỳ này khá đặc biệt, làm hạn chế sự phát triển của Ngọc khí. Do đó, Ngọc khí thời kỳ này chỉ là sự tiếp nối của đời Hán, số lượng không những giảm mạnh mà sức sáng tạo cũng không tăng nhiều, đồng thời những tác phẩm chế tác từ Ngọc Hoà Điển giảm đáng kể, chứng tỏ



Ngọc hình dê nằm, thời Ngụy Tấn

Thanh bạch Ngọc, có vài vết màu vàng. Đầu dê hơi ngẩng, hai mắt tròn, hai sừng cong quặp vào sau tai.

vào thời kỳ này, Ngọc khí rơi vào tình trạng sa sút, đánh dấu thời đại vương Ngọc Trung Quốc đã đi đến tận cùng.

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến cục diện này là do: thứ nhất, từ cuối thời Tam Quốc, triều đình ra lệnh cấm hậu tang, đây là nguyên nhân chủ yếu làm Ngọc khí dùng trong an táng giảm nhanh; thứ hai, chiến tranh triền miên, nguồn tài nguyên Ngọc cũng giảm, làm lung lay cơ sở chế tác Ngọc khí; thứ ba thời kỳ Ngụy Tấn thịnh hành phong trào huyền học, quý tộc, tầng lớp trí thức chạy theo tư tưởng phóng đại nhân sinh, phá vỡ rào cản của lỗ giáo truyền thống, dẫn đến tình trạng Ngọc khí dùng trong nghi lễ giảm; thứ tư, văn hóa cùng với những tác phẩm nghệ thuật của Phật giáo đột ngột phát triển, số lượng lớn những tác phẩm tượng Phật đá ở những nơi như động đá Vân Cương, Long Môn v.v.. ra đời, thu hút rất nhiều sự chú ý của những nhân tài chế tác Ngọc khí, làm ảnh hưởng việc sáng tác Ngọc khí; thứ năm, đồ gốm và đồ vàng bạc tăng đột ngột cũng có ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển của Ngọc khí; cuối cùng, số lượng Ngọc khí giảm sút có liên quan đến phong trào ăn Ngọc.

Thời gian này mê tín tục ăn Ngọc có thể thành tiên, nó phát triển sự đam mê Ngọc từ đời Hán trở lại đã lên đến mức cao nhất. Dưới sự ảnh





hưởng của những tư tưởng thần thánh này, rất nhiều Ngọc khí của các triều đại trước bị phá hoại.

Tuy nhiên, Ngọc khí thời kỳ này cũng có những cá tính riêng. Chúng phản nhiều khắc họa những hình ảnh quỷ thần, quái thú trong thần thoại. Hình tượng quái vật thường biểu hiện bởi hình dạng cong vẹo, nửa người nửa vật, có cánh dài v.v.. Những nét tạo hình của quái thú bộc lộ tâm trạng buồn rầu của con người trong xã hội rối ren ấy.

So với sự huy hoàng của Ngọc khí thời Hán Đường, Ngọc khí thời Ngụy Tấn Nam Bắc triều là một bức thoái trào trong lịch sử phát triển của Ngọc khí. Đồng thời nó lại rơi vào hoàn cảnh Ngọc dùng trong nghi lễ và an táng đã xuống đài, Ngọc trang sức và Ngọc dùng để thưởng thức đang trong thời kỳ quá độ, những đặc điểm này có ảnh hưởng nhất định đến lịch sử Ngọc khí Trung Quốc.

Sau đó, Ngọc khí Trung Quốc nhờ sự chính trị hóa, tăng lớp hóa mà chuyển sang thể tục hóa. Ngọc khí bước vào thời đại dân Ngọc.

HOT DAI





Từ thời Tùy Đường đến đời Thanh, cùng với sự biến đổi của thời đại, Ngọc khí dần rời khỏi tầng lớp công tôn quý tộc, đi về phía quần chúng. Ngọc khí Trung Quốc nghênh đón thời đại mới, thời đại Ngọc đi vào đời sống dân gian. Tuy nhiên, quần chúng ở đây không phải chỉ tầng lớp nhân dân lao động phổ thông mà chỉ tầng lớp giàu có trong xã hội đương thời, là quần thể tiêu thụ Ngọc khí lớn nhất, ý nghĩa văn hóa và chế độ dùng Ngọc thời này cũng có nhiều thay đổi. Cùng với sự mở màn của giai đoạn Ngọc đi vào dân gian, để tài trang trí Ngọc khí càng phong phú và đa dạng hơn, đồng thời phần nhiều dùng thủ pháp tả thực để thể hiện. Những hình ảnh với ngũ ý may mắn mang đậm bản sắc dân tộc rất thịnh hành, không những có nội dung đa dạng, ngũ ý phong phú, mà kết cấu cũng khéo léo. Bất kể là hoa cỏ, chim chóc hay thú vật đều căn cứ vào bản tính tự nhiên của chúng mà được phủ lên những ý nghĩa tượng trưng khác nhau, để nói lên việc tốt lành trong cuộc sống và những sở thích tao



Đai thắt lưng Ngọc hình bướm hào hoa mĩ lệ, gia công khéo léo của đời Đường.

nhã, đại bộ phận các tác phẩm đều là “đồ tắt hữu ý, ý tắt cát tường” (hình ảnh tắt có ý nghĩa, ý nghĩa này chắc chắn biểu thị sự cát tường), phản ánh nhận thức thẩm mĩ của đại chúng, biểu đạt mong muốn của con người về một cuộc sống tốt đẹp. Đồng thời cũng nói lên Ngọc khí Trung Quốc đã thoát ra ngoài phạm vi sử dụng của tầng lớp công tôn quý tộc và dần đi vào đời sống của dân chúng.

Nghệ thuật Ngọc khí đời Tuỳ Đường đến đời Thanh, cho dù về mặt hình thức đã trở thành những vật dụng, được đời sống hóa, trang sức hóa, nhưng trên thực tế thì nó vẫn là载体 biểu hiện tinh thần của con người. Bất luận là tạo hình hay hoa văn đều thể hiện dào dạt tinh thần nhân văn mãnh liệt gửi gắm vào trong đó. Văn hóa Ngọc Trung Quốc giai đoạn lịch sử này thể hiện một gương mặt hoàn toàn mới, dùng dáng vẻ hoạt bát thân thiện để mê đắm lòng người, đến nay nó vẫn phát ra những màu sắc diệu kỳ.

NGỌC KHÍ ĐỜI ĐƯỜNG

Năm 618 Công nguyên, Đường Cao Tổ Lý Uyên (618 - 628 tại vị) lập nên triều Đường (618 - 907). Thời gian thống trị gần 300 năm của đời Đường là thời kỳ hưng thịnh của xã hội phong kiến Trung Quốc. Lúc đó, cục diện chính trị ổn định, kinh tế phát triển, ngoại giao rộng rãi của thời kỳ này đã tạo ra nền văn hóa đời Đường huy hoàng rực rỡ. Ngọc khí đời Đường trong bối cảnh xã hội ấy, có số lượng tuy không nhiều nhưng về mặt chất lượng, chủng loại, phong cách đều có sự sáng tạo rõ nét. Công nghệ điêu khắc tinh tế, tạo hình độc đáo của nó đánh dấu Ngọc khí cổ đại Trung Quốc thoát khỏi hoàn cảnh khó khăn từ thời Ngụy Tấn về sau, mở ra một cao trào mới, có tác dụng kế thừa những đời trước và gợi mở cho các triều đại sau, đồng thời có vị trí quan trọng trong lịch sử Ngọc khí Trung Quốc cổ đại.

Văn hóa, kinh tế đời Đường phát đạt, sản xuất thủ công nghiệp hưng thịnh. Trong văn hóa vật chất, Ngọc khí, Gốm sứ, Gương đồng, Đồ vàng bạc có tính tiêu biểu nhất; trong đó, Ngọc khí chiếm một vị trí vô cùng quan trọng. Vua chúa và tầng lớp quý tộc khi còn sống hay lúc chết đều xem Ngọc khí là vật xa xỉ, nhưng nó không đơn thuần là vật chuyên dụng của vương tôn quý tộc, mà Ngọc khí thời này đã đi vào đời sống dân gian.

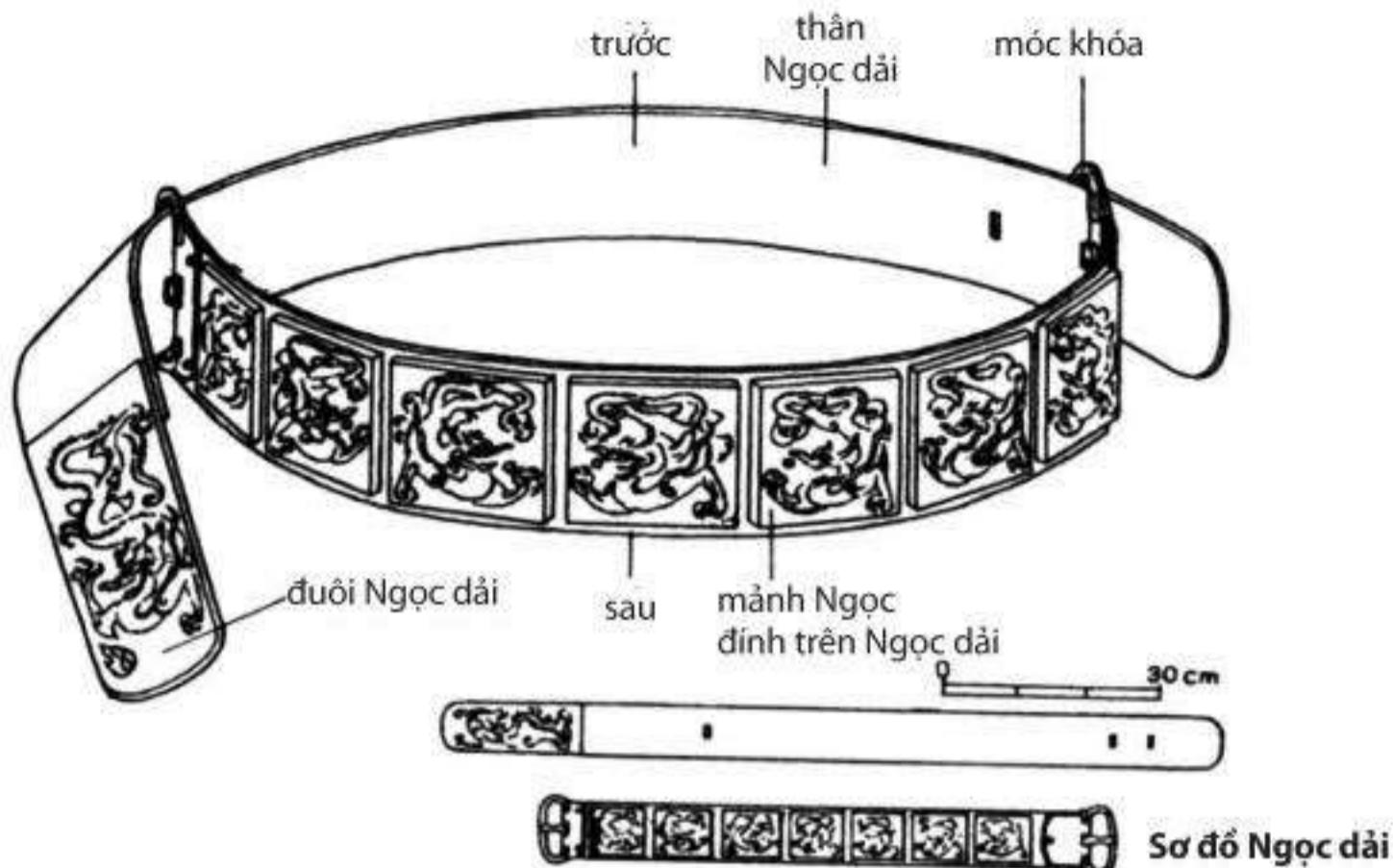
Những thành tựu huy hoàng của Ngọc khí đời Đường không thể tách rời sự cống hiến của trung tâm chế tác Ngọc Dương

Đại Vận hà (Sông vận chuyển): phía bắc bắt đầu từ Bắc Kinh, phía nam đến Hàng Châu, Chiết Giang, chảy qua Hà Bắc, Thiên Tân, Sơn Đông, Giang Tô, Chiết Giang; bắc qua năm hệ thống sông ngòi lớn như Hải Hà, Hoàng Hà, Hoài Hà, Trường Giang, Tiền Đường Giang; tổng chiều dài 1.700 km. Đây là con đường thủy thông suốt từ Bắc đến Nam trong lịch sử Trung Quốc.





Ngọc Khí Trung Quốc



Châu. Sau khi Tùy Dượng Đế (604 - 618 tại vị) mở sông vận chuyển nhân tạo, thì Dương Châu trở thành thị trường quan trọng thúc đẩy kinh tế giao lưu văn hóa trong và ngoài nước.

Dương Châu lúc ấy vô cùng phồn hoa, có các nghề thủ công như đúc kim loại, kiến trúc, tạo thuyền, đúc vàng bạc, đúc sơn mài, đúc gỗ, gương đồng v.v.. Trong đó, công việc chế tác Ngọc khí ngày càng phát triển. Vị trí của trung tâm chế tác Ngọc Dương Châu sớm được xác định từ đời Đường, là cơ sở vững chắc cho sự nghiệp chế tạo Ngọc hai đời Minh Thanh về sau.

Việc dùng Ngọc đời Đường được chia làm năm loại: Ngọc dùng trong nghi lễ, Ngọc trang sức, Ngọc trang trí, Ngọc sử dụng trong đời sống và Ngọc khí của Phật giáo. Trong đó, Ngọc dùng trong nghi lễ bao gồm Ngọc dài khóa, còn gọi đai bản, là những mảnh Ngọc trang trí khảm trên thắt lưng da của quan viên. Đời Đường có chế độ dùng dài khóa vô cùng nghiêm ngặt. Ngọc khóa là thứ đại diện cao quý nhất, chỉ có hoàng đế, thân vương và quan viên tam phẩm trở lên mới có quyền dùng. Ngọc dùng trong nghi lễ bao gồm Tổ Ngọc Bội đeo ở thắt lưng, Bích và Khuê dùng trong việc tế



Ngọc dài khóa của
Đường Cao Tông Lý Tri.

tự; Ngọc trang sức chủ yếu có Trâm hoa Ngọc, Ngọc bộ dao, Lược Ngọc và Ngọc chim phụng; Ngọc trang trí đa số là các Ngọc khí hình động vật; Ngọc dùng trong đời sống gồm Ly Ngọc, Hộp Ngọc v.v.; Ngọc khí Phật giáo chủ yếu có hai loại Ngọc Phật và Ngọc Phi thiên.

Kỹ thuật chế tác Ngọc khí đời Đường rất tiên tiến, lối tư duy mới mẻ, tạo hình đa dạng, công nghệ tinh xảo, nội dung phong phú, phong cách độc đáo. Nội dung văn hóa các loại Ngọc khí mới thịnh hành này vô cùng phong phú, ví dụ: Ngọc dải khóa đại diện cho quan vị và quyền lực, Lược Ngọc chuyên dùng cho phụ nữ trong cung, Ngọc Phi thiên đa sắc mang đậm văn hóa khu vực, Ngọc khí có hoa văn chim chóc, hoa lá phản ánh thiên nhiên lâng mạn v.v.. tạo cho chúng ta nhiều cảm xúc mới lạ. Những hoa văn và Ngọc khí mới lạ này, mở ra bước tiên phong cho sự phát triển của Ngọc khí những đời sau.

Thời đại Vương Ngọc tuy đã đi qua, nhưng quan niệm Ngọc khí là tượng trưng cho đẳng cấp vẫn có ảnh hưởng nhất định tới thời Đường. Ví dụ điển hình nhất là dải khóa. Về số lượng khóa trên dải được chia làm các loại như “dải khóa mười ba”, “dải khóa chín” v.v.. số lượng khóa trên áo quan viên nói lên cấp bậc cao hay thấp của người đeo. Ngọc dải khóa thường có hình dạng vuông hoặc hình chữ nhật, hoặc gần giống mặt trăng tròn, có khi được mạ vàng ở viền xung quanh. Dải khóa đời Đường thường khắc hình người, động vật, hình chim chóc hoa lá. Hình người thường thấy là người Hồ (người nước ngoài), hay thể hiện rõ là người Tây Vực. Ngọc có hoa văn vũ công nhảy điệu Hồ Đằng (điệu nhảy dân gian du nhập từ Tây Vực) được khai quật ở lăng Đường Chiêu, huyện Lễ Tuyền, tỉnh Thiểm Tây, được dùng làm trang trí trên Ngọc dải khóa, bên trên khắc hình người đàn ông nước ngoài đang nhảy múa. Người múa tóc dài và xoăn, mũi cao mắt sâu, cười mỉm, dáng vẻ đẹp đẽ mang đậm bản sắc



Ngọc có hoa văn vũ công nhảy điệu Hồ Đằng đời Đường.

Bạch Ngọc, đầu tròn đuôi vuông, mặt chính khắc hình người đàn ông đang nhảy điệu múa Hồ Đằng, tóc dài và xoăn, mũi cao mắt sâu, cười mỉm, dáng vẻ đẹp đẽ, mang đậm bản sắc Tây Vực.





Tây Vực. Dùng Ngọc làm vật biểu tượng cho thân phận của quan viên nội bộ triều đình, kéo dài đến đời Thanh.

Nếu nói Ngọc dải khóa là Ngọc khí chuyên dùng để thể hiện sự giàu có của nam giới đời Đường, thì những Ngọc khí dạng trang sức như Lược Ngọc chính là thứ chuyên dùng cho phụ nữ trong cung, thường được trang trí bằng những hoa văn hình hoa rực rỡ và chim chóc tung cánh bay lượn, thể hiện nét đẹp cao quý và sinh động. Phụ nữ quý tộc đời Đường rất yêu thích việc gắn một chiếc lược nhỏ trên tóc, lộ ra thân lược hình bán nguyệt, rất gợi cảm. Tại mộ Thủy Khâu Thị cuối đời Đường, huyện Lâm An, thành phố Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang đã khai quật được một chiếc Lược Ngọc rất đẹp, dài 14.5cm, rộng 5.7cm, hai mặt có khắc hoa văn hình hoa nở và chim chóc, đường nét rất tinh xảo. Chiếc Lược Ngọc ẩn chứa sự sống tràn đầy, có thể nói đây là vật đại diện xuất sắc cho Lược Ngọc cuối đời Đường.

Tại đời Đường, lần đầu tiên xuất hiện Ngọc khí có liên quan đến đế tài Phật giáo, Ngọc Phi Thiên là vật có hình thức biểu hiện quan trọng nhất. Phi Thiên, trong tiếng Phạn gọi là Gandharva, tiếng Hán gọi là Hương Âm Thần, trong Phật giáo được miêu tả là vị thần giỏi đàn hát, chuyên thu thập tinh hương bách hoa; họ rắc hương hoa ấy vào dương gian, tạo phúc cho



Phụ nữ đánh cờ vây trong cung nhà Đường.

Phụ nữ trong cung đời nhà Đường trên đầu gắn một chiếc Lược Ngọc nhỏ xinh đẹp uyển chuyển, vô cùng gợi cảm.



**Phi Thiên Thanh Ngọc,
đời Đường.**

Phi Thiên với khuôn mặt hiền từ, mặc vảy dài, vai khoác dài lụa, đang bay giữa trời mây.

Con Nghê

Âm suān ní, truyền thuyết kể rằng đây là một trong chín con của rồng, đứng hàng thứ 5, là một loài vật hung dữ. Nó giống sư tử, thích ngồi, do đó thường được khắc trên các lò hương.

nhân loại. Sau khi Phật giáo truyền vào Trung Quốc, nó đã nhanh chóng kết hợp với văn hóa truyền thống Trung Quốc phát triển thành Phật giáo mang đậm chất Trung Quốc.

Ngọc Phi Thiên được chế tác từ đời Đường, thân trên khỏa thân, thân dưới mặc váy dài hoặc quần rộng, hai tay vươn cao, cầm cành hoa, hai chân uốn lượn, tràn ngập sắc thái của chủ nghĩa lãng mạn.

Đời Đường là thời kỳ huy hoàng của lịch sử văn minh Trung Quốc, là trung tâm giao lưu văn hóa và thương mại quốc tế. Nhà Đường truyền bá rộng rãi văn hóa Trung Quốc ra các nước xung quanh, đồng thời hấp thụ những thành tựu văn hóa nghệ thuật từ họ, chủ yếu là Trung Á và Tây Á. Ngọc khí

đời Đường vừa kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, vừa kết hợp với những ưu điểm của văn hóa ngoại lai. Trong những Ngọc khí đời Đường, chúng ta có thể nhìn thấy các hình tượng nghệ thuật mang đặc điểm văn hóa Tây Vực như: Sư Tử, con Nghê, hình người nước ngoài, âm nhạc nước ngoài, nhạc cụ nước ngoài v.v.; hình hoa văn khắc chìm trên Ngọc có phong cách trang trí và tạo hình mô phỏng khu vực Tây Vực.

Năm 1970, tại hang mít thất đời Đường, thôn Hà Gia, thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây khai quật được ly mã não hình đầu Linh Dương, ly được chế tác từ mã não quý hiếm, màu đỏ pha trắng phân tầng rõ rệt, vô cùng đẹp đẽ. Tạo hình của đầu Linh Dương rất sinh động, cặp sừng với dáng vẻ đầy sức sống thu hút mọi sự quan tâm của người xem, phần mũi và miệng còn bịt thêm một mũ vàng giống hình miệng rồng. Ly này mô phỏng tạo hình của ly Kim Ngân Lai nước Ba Tư (tên cũ của nước Cộng hòa Hồi giáo Iran). Ly có hình đầu thú đầu tiên xuất hiện tại Hy Lạp gọi nó là "Lai Thông", vì trông nó giống một chiếc phễu, dùng để chứa rượu thánh. Do đó, người thời ấy cho rằng ly "Lai Thông" là vật kỳ quái. Sau đó, nó được truyền đến khu vực Trung Á, Tây Á và du nhập vào Trung Quốc. Ly đầu Linh Dương có mũ vàng, vừa phù hợp với yêu cầu thiết kế của ly Lai Thông, vừa phù hợp với thói quen uống rượu của người Trung Quốc thời bấy giờ.





Ly mǎ não hình đầu Linh Dương, đời Đường.

Ly này được xem là vật độc đáo nhất trong và ngoài nước, là tác phẩm tuyệt mĩ trong thế giới Ngọc khí đời Đường, cũng là cổ vật quan trọng được sản sinh trong sự tương tác giữa hai nền văn minh Đông Tây.

Đời Đường cùng lúc với việc ảnh hưởng trực tiếp của văn hóa Tây Vực, cũng đem văn hóa truyền thống Trung Quốc ra nước ngoài, làm cho nó có thể đơm hoa kết trái trên những vùng đất mới, nó dần trở thành một bộ phận quan trọng trong văn hóa nước ấy, tạo cơ sở vững chắc cho việc nghiên cứu Văn hóa Ngọc khí.

NGỌC KHÍ ĐỜI TỔNG

Trong lịch sử văn minh Trung Quốc, đời Tống (960 - 1279) là một thời kỳ đặc biệt. Do đời này thực hiện chính sách "Trọng văn khinh võ", bỏ võ tập văn trở thành thời thượng trong xã hội, thành tựu nghệ thuật văn hóa của thời này nổi bật, thậm chí ngay cả hoàng đế Tống Huy Tông (1100 - 1125 tại vị) cũng là một người thư họa toàn năng, ông có sức cảm thụ nghệ thuật rất cao. Những điều này có ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển Ngọc khí đời Tống.

Những loại Ngọc khí chủ yếu đời Tống gồm có: Ngọc dùng trong triều đình như Ngọc dài, mũ Ngọc, Ngọc giả cổ như ly bích, lò Ngọc v.v.; Ngọc trang sức như trâm, lược, dây chuyền, nhẫn, v.v.. và những ngọc trang trí như Ngọc hoa điểu; Ngọc chạm rồng, đồng tử, động vật, thú linh v.v.. Ngọc thư phòng như nghiên mực, ống bút, kệ bút, hộp đựng giấy, con dấu v.v..; đối với các tác phẩm nghệ thuật được khắc hình động vật như dê nầm, quái thú, song hoan v.v.. vừa có thể làm đồ trang trí, vừa có công dụng như vật chặn giấy. Những Ngọc khí này rất đẹp, đường nét tinh xảo. Đề tài trang sức của thời kỳ này rất rộng, chủ yếu là chủ đề về hoa lá chim muông, đại bộ phận là kết cấu có đôi có cặp, đạt hiệu quả cân bằng trong nghệ thuật. Qua đó chúng thể hiện tinh thần cải cách trong Văn hóa Ngọc khí đời Tống, chuẩn bị đầy đủ cho sự phát triển đồ trang sức Ngọc khí thời Nguyên, Minh, Thanh.

Người đời Tống theo đuổi nét thẩm mĩ tự nhiên, không thông qua mài giũa, từ đó dẫn đến thủ pháp nghệ thuật của Ngọc khí đời Tống giản lược, không quá chăm chút đến phần khắc họa đường nét tỉ mỉ mà chú ý sự thống nhất toàn thể. Họ thường dùng những đường nét đậm có lực để thể hiện phong cách mạnh mẽ, hài hòa.

Sự vận dụng đao pháp thô của đời Tống làm cho rất nhiều Ngọc khí tuy nhỏ nhưng vẫn ẩn chứa một năng lượng tinh thần nhất định nào đó. Tạo hình đơn giản khiến cho những vật trong thì giản đơn, nhưng bao hàm





Lò Ngọc hai tay cầm đầu thú, hoa văn rồng và mây của đời Tống.

ý nghĩa sâu sắc, như tạo hình hợp thể hoa lá, chim muông, thanh tịnh, tự nhiên bao hàm một sự sống vô hạn, biểu hiện tình yêu và xúc cảm của con người đối với cuộc sống.

Thời Bắc Tống xuất hiện phong trào sưu tầm đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc. Do Tống Huy Tông yêu thích cổ vật, đặc biệt là Ngọc, tạo nên làn sóng phong trào sưu tập Ngọc cổ của quan viên và dân chúng. Điều này làm cho công nghệ giả cổ Ngọc khí của đời Tống tăng nhanh, từ đó mở ra cho Ngọc khí đời Tống và sau này những nội dung mới. Giả cổ Ngọc đời Tống chủ yếu có Bích, Hoàn (vòng, khuyên), Lô v.v.. Tại Viện Bảo tàng Cố Cung có sưu tập được một Ngọc khí nổi tiếng đời Tống, đó là lò Ngọc có hai tay cầm hình đầu thú, có hoa văn rồng và mây, chất liệu Ngọc màu xanh xám, hình tròn, phần trên có miệng rộng, phần dưới có chân tròn, bên trong có thể chứa đồ đạc. Mỗi bên lò có hai tay cầm hình đầu thú, mặt ngoài có hoa văn rồng mây. Đây là loại cổ vật duy nhất tạo hình, là bản gốc, đồng thời là chủ đề hoa văn thịnh hành của Ngọc giả cổ thời ấy.

Ngọc giả cổ đời Tống không phải đơn giản là mô phỏng theo kiểu cổ, mà là sự hội nhập của phong cách thời đại. Nó vừa thể hiện tình cảm hoài cổ của người đời Tống, vừa làm tăng thêm nhiều nội dung mới cho Văn hóa Ngọc Trung Quốc.

So với đời Đường, Ngọc khí đời Tống càng nghiêng về hướng thế tục hóa và có hơi thở của cuộc sống sâu hơn. Sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế thành thị, sự khuếch đại của tầng lớp thị dân đã khiến Ngọc phục vụ cho đời sống nhân dân trở thành phong trào của thời đại. Chiều hướng này đã được mở đầu từ đời Đường, đời Tống Nguyên trở về sau đã trở thành xu hướng chủ yếu cho sự phát triển Ngọc khí. Ngọc khí trước thời Ngụy Tần, ngoài tác dụng làm đồ trang sức ra, không phục vụ cho tôn giáo nguyên thủy, và cũng tượng trưng cho cấp bậc hoặc tuyên truyền luân lý đạo đức. Với những hoa văn rồng phụng kỳ dị, những hình mây hình sấm bí hiểm đã tạo nên những cảnh giới vượt xa hiện thực. Loại Ngọc khí huyền bí, hàm chứa những ý nghĩa đặc biệt này, luôn bị giai cấp thống trị lấy làm độc quyền, không thể nhận được sự tiếp nhận và thấu hiểu của quần chúng. Do đó, để thích ứng với nhu cầu trong thời đại mới, Ngọc khí chắc chắn phải bước sang con đường thế tục hóa. Trong bối cảnh này Ngọc khí đời Tống tạo ra những không khí mới. Nó bỏ đi những cảnh tượng không có cơ sở của Ngọc khí đời trước,

chuyển sang để tài thường thấy trong cuộc sống đời thường, qua đó tiến hành sáng tác theo chủ nghĩa hiện thực. Cùng với sự phát triển kinh tế hàng hóa, nghề chế tác Ngọc thịnh hành trong dân gian. Đối tượng tiêu dùng chủ yếu của nó đã không hoàn toàn là những người trí thức hay tầng lớp quý tộc, mà còn là những người thuộc tầng lớp giàu có, tuy học thức không cao nhưng lại đam mê Ngọc. Thời kỳ này, xã hội đời Tống xuất hiện một số lượng lớn Ngọc khí theo xu hướng thế tục hóa có thể đáp ứng nhu cầu của quần chúng, như các chủ đề Ngọc khí "Tử tôn xương thịnh" (con cái đầy đà), "Liên niên hữu dư" (năm nào cũng dư giả) và "Trì hà đồng tử" (đồng tử cầm sen) v.v...

"Trì hà đồng tử" là một đề tài thịnh hành thời ấy, có liên quan đến câu chuyện "Lộc Mẫu Liên Hoa Sinh Tử" trong truyền thuyết của Phật giáo. Đại ý là: ngày xưa, trên núi tiên của nước Ba La Nại (nay là Varanasi), Tây Vực, có một người tên là Phạm Chí Thường tiểu tiện trên đá núi, một con hươu cái liếm nước tiểu của ông ta mà có mang, sinh ra một bé gái, Phạm Chí đem bé gái đó về nuôi.



Ngọc đồng tử cầm hoa sen, đời Tống

Ngọc trắng, bên trong có đốm vàng. Đồng tử mặc áo ngắn, quần rộng, đì chéo chân, tay trái cầm hoa sen, tay phải cầm túc cầu, thể hiện sự khao khát một cuộc sống hạnh phúc của con người.





Cô gái sau khi lớn lên, được quốc vương lấy làm vợ thứ hai. Sau đó, cô ấy có mang và sinh ra một đóa hoa sen ngàn cánh, trên mỗi cánh của hoa sen có một đồng tử. Những đồng tử này được nuôi nấng thành người, người nào cũng có sức mạnh phi thường và trở thành nhân tài có ích. Do đó, dân gian có quan niệm rằng, trẻ con đeo "Trì hà đồng tử" sẽ trở nên khỏe mạnh, tài năng; người lớn đeo "Trì hà đồng tử" sẽ sinh được quý tử. Chủ đề Ngọc khí này thể hiện khao khát một cuộc sống hạnh phúc của con người.

Cùng lúc với Ngọc khí đời Tống đang đi theo chiều hướng thế tục hóa, xu thế phát triển về phía nghệ thuật hóa cũng vô cùng rõ nét. Đây vừa là điều tất yếu của việc phát triển nghệ thuật văn hóa đời Tống, vừa là những nội hàm mới mà tầng lớp trí thức thời này phủ lên Văn hóa Ngọc. Ngọc khí có hoa văn hoa nở đã xuất hiện từ đời Đường và được phát huy vào đời Tống. Người Tống thường dùng thiên nhiên làm đối tượng để bày tỏ và bộc lộ lý tưởng nhân sinh cũng như quan niệm giá trị dân tộc của con người. Do đó, thế giới tự nhiên trở thành đối tượng thổ lộ tâm tư của con người. Những cảnh đẹp thiên nhiên cũng trở thành vẻ ngoại quan của tinh thần và tình cảm của con người, dần hình thành mối quan hệ cố định như: mai tượng trưng cho sự cao đạo, trúc tượng trưng cho khí tiết, hoa sen tượng trưng cho thoát tục v.v..



Người Vật Sơn Tử, Thanh Ngọc đời Tống.

Ý thức quan niệm và môi trường văn hóa thời kỳ này làm cho Ngọc khí đời Tống không giống Ngọc khí đời Đường, chỉ thông qua nét tạo hình phóng khoáng và sắc thái tình cảm mạnh mẽ đối với hiện thực để ca tụng, mà tạo nên những đường nét đẹp đẽ lạ mắt mang theo những sắc thái tình cảm phong hoa tuyết nguyệt để miêu tả vẻ đẹp của cuộc sống. Phong cách nhân văn tỉ mỉ chân thật, thanh nhã phủ lên một vẻ đẹp tươi mới, tự nhiên, đầy hàm ẩn cho Ngọc khí đời Tống.

Người Vật Sơn Tử chế tác từ Thanh Ngọc được lưu giữ tại bảo tàng Cố Cung chính là bức họa điêu khắc Ngọc lập thể đẹp đẽ. Món Ngọc Sơn Tử chế tác từ Ngọc thanh thạch, có hình bầu dục không theo quy tắc, dùng kỹ thuật viên điêu, lũ điêu, thấu điêu thể hiện người già và hai người hầu, tô điểm thêm cho không gian ấy, là những vật như: núi non, nước chảy, cây tùng, hoa mẫu đơn, rùa, hạc, hươu, lò hương v.v... Các tác phẩm có hoa văn sinh động, ngũ ý cát tường, là một cổ vật tinh xảo nhất trong những đồ thủ công mĩ nghệ cùng loại vào đời Tống.

Ngọc khí đời Tống trên cơ sở kế thừa các thành tựu Ngọc khí đời Đường, lại tiếp thu thêm ưu điểm Ngọc khí của đời Kim và đời Liêu cùng thời, nên đã đạt đến sự thống nhất cao độ giữa nghệ thuật và cuộc sống. Kỹ thuật trạm trổ lũ điêu xuất thần nhập hóa, hình thù hoa cỏ chim muông sinh động và những Ngọc khí giả cổ mới của đời Tống có ảnh hưởng sâu rộng đến việc chế tác Ngọc khí sau này.

NGỌC KHÍ ĐỜI LIÊU

Đời Liêu (907 - 1125), là chính quyền địa phương do tộc Khiết Đan ở lưu vực đông bắc sông Liêu, Trung Quốc thiết lập. Chủng loại Ngọc khí đời Liêu không nhiều, không ngoài những loại như Ngọc dải, Ngọc bội, Ngọc khí, v.v., ngoài ra còn có Ngọc khí của Phật giáo. Bề mặt của chúng bằng phẳng không có gì đặc biệt, nhưng kì thực rất có ý nghĩa. Đời Liêu yêu thích Ngọc Hòa Điển, đồng thời thường sử dụng Ngọc cùng với vàng bạc đá quý. Tạo hình của chúng không rập khuôn, Ngọc khí loại tiêu sinh (những Ngọc khí lấy động vật làm chủ đề) thần thái tự nhiên, không dùng hình thái quái dị để khuếch trương, Ngọc khí dùng trong đời thường không cần dùng những hoa văn phức tạp để tô điểm thêm. Đề tài sáng tác của nó thường chọn lựa những sự vật đem lại niềm vui trong cuộc sống hằng ngày. Phong cách nhã nhặn chân thực này hình thành đặc điểm độc đáo của Ngọc khí đời Liêu.

Nếu như nói thời Lưỡng Hán là cao trào đầu tiên của Ngọc Hòa Điển, thì đời Liêu là cao trào thứ hai của việc sử dụng loại Ngọc khí này.





Tổ Ngọc Bội dài 14.8cm khai quật ở mộ công chúa nước Trần, đời Liêu, tại khu tự trị Nội Mông Cổ.

Đồ trang sức đời Liêu đa số dùng Ngọc Hòa Điển Dương Chi, chất liệu Ngọc được chọn lựa đều thuần khiết vô khuyết, trắng như tuyết, mịn như mờ đặc. Năm 1986, tại mộ công chúa nước Trần đời nhà Liêu, ở khu tự trị Nội Mông Cổ, đã khai quật được mảnh bộ trang sức hình động vật và công cụ bằng bạch Ngọc, có thể xem là những tác phẩm tiêu biểu cho phong cách Ngọc khí đời Liêu. Trong đó, có một bộ Ngọc Bội Long Phụng Ngư, được chế tác từ Ngọc Hòa Điển, do sáu Ngọc khí tinh xảo hình rồng, phượng, cá và sợi vàng tổ hợp thành. Khi được khai quật, nó nằm ở trước ngực của di cốt công chúa. Ngoài ra còn một bộ Ngọc Bội có hình dạng khá độc đáo, các món dài khoảng 5.8cm, rộng 8.2cm. Chúng cũng được chế tác từ bạch Ngọc Hòa Điển, bao gồm các công cụ Ngọc trơn không hoa văn như: dao Ngọc, mũi khoan Ngọc, giũa Ngọc, muỗng Ngọc, kéo Ngọc v.v., bên trên là một miếng Ngọc hình hoa sen nối liền với các công cụ Ngọc bằng những sợi xích vàng. Khi khai quật, nó nằm ở vị trí khóa kim dải (thắt lưng vàng) của di cốt công chúa, mọi người cho rằng đó là vật tùy thân đeo trên người của công chúa khi còn sống.



Ngọc bội công cụ được khai quật ở mộ công chúa nước Trần đời Liêu, tại khu tự trị Nội Mông Cổ.

Chủ đề nghệ thuật Phật giáo của Ngọc khí đài Liêu, chủ yếu có ba loại: Phi Thiên, Ma kết (Makara, là con vật của thủy thần trong truyền thuyết Ấn Độ), Thần điểu Ca Lâu La (Garuda).

Ngoài loại Phi Thiên kế thừa Ngọc khí đài Đường ra, hai loại sau là sự sáng tạo của thời Liêu. Ma kết là động vật thần có đầu rồng, thân cá và hai cánh dài, còn gọi là Ngư Long, nó là một hình tượng mới, được sản sinh cùng sự du nhập của Phật giáo vào Trung Quốc. Trong thần thoại Ấn Độ, Ma Kết là loại động vật mũi dài răng sắc, thân cá đuôi cá, nó được xem là thần nước và là gốc của sinh mệnh; thường xuất hiện trong hội họa, điêu khắc của Ấn Độ cổ đại. Cùng với sự thay đổi của thời gian, hoa văn Ma Kết hòa hợp với những câu chuyện thần thoại Trung Quốc, hình thành hoa văn Ngư Long, trở thành một loại hoa văn trang sức thịnh hành sau đài Đường. Loại thần điểu Câu Lâu La (Garuda) cũng theo Phật giáo truyền vào Trung Quốc, tạo hình của nó đa số ở dạng phù điêu hình tròn; mặt chính diện chủ yếu nổi lên phần cánh tay và phần đầu; hai bên hông là hai cánh dang rộng và phẳng; sau lưng có hình đuôi xòe đẹp đẽ. Trong thần thoại

Ấn Độ, thần điểu Câu Lâu La (Garuda) là một loại chim thần quái, sau khi truyền vào Trung Quốc được gọi là Kim Sí Điểu. Loại chim này ăn rồng, uy lực vô biên, là thần hộ pháp, có thể đem lại hạnh phúc và may mắn cho con người, là vật thu hút được nhiều sự ái mộ của các tín đồ Phật giáo.



Ngọc bội Ma Kết thanh Ngọc, đời Liêu

Chế tác từ Ngọc thanh bạch, miếng Ma Kết ngậm một trái cầu ngọc có hình dạng cánh bay.



Thần điểu Ca Lâu La (Garuda) bằng thanh Ngọc, đời Liêu.





NGỌC KHÍ ĐỜI KIM

Đời Kim (1115 - 1234) là triều đại phong kiến của tộc người Nữ Chân ở khu vực Đông Bắc đời Tống lập ra. Ngọc bội trang sức của tộc người Nữ Chân có hoa văn hoa lá chim chóc rất đặc biệt, nghệ thuật chế tác của nó trên cơ sở bảo tồn bản sắc dân tộc, thừa kế truyền thống của Ngọc khí đời Liêu, họ cũng tiếp nhận sự ảnh hưởng của kỹ thuật điêu khắc đời Tống, nên phong cách nghệ thuật vô cùng độc đáo. Nội dung Ngọc khí đời Kim phong phú, phân tầng rõ rệt. So với Ngọc khí đời Tống, chúng cũng không hề thua kém, để tài chế tác trừ loại Ngọc nhà Tống ra thì hình hoa lá chim



Tranh vẽ cảnh chuẩn bị đi săn

Năm người đàn ông trong hình, phân biệt nhau ở vật cầm trên tay mỗi người cầm một vật khác nhau; là hình hải đông thanh (một loài chim), bưng ngoa (ủng), ôm đàn, cầm cung v.v... Tranh mô tả cảnh người tộc Nữ Chân chuẩn bị cho đợt săn bắt mùa xuân.



Ngọc bội Ưng bắt thiên nga thanh Ngọc (Ngọc xuân thủy) đời Kim

Tổng thể điêu khắc một con thiên nga trong lá hoa sen, một con Hải Đông Thanh (một loại chim Ưng giỏi săn bắt) bổ nhào xuống, đang trong tư thế truy đuổi.



muông là thường nhất, lại thêm vào những hình ảnh như chim Ưng bắt thiên nga, Hổ Lộc sơn lâm v.v.. mang bản sắc truyền thống của dân tộc.

Những hình ảnh này có tỉ lệ hợp lý, hình thức trạng thái sinh động, giá trị nghệ thuật cao.

Nét đặc sắc nhất của Ngọc khí đời Kim phải nhắc đến Ngọc khí "Xuân Thủy" và Ngọc khí "Thu Sơn". Hai loại Ngọc khí này có nguồn gốc từ Xuân Thu "nại bát" ("nại bát": âm dịch từ tiếng Khiết Đan, ý chỉ bản doanh của vua chúa Liêu) của tộc Khiết Đan, theo ghi chép trên sách vở thì xuất phát từ đời Kim.

"Xuân Thủy" là loại Ngọc khí thể hiện cuộc sống săn bắt, đánh cá của dân tộc Nữ Chân, Khiết Đan. Khiết Đan là dân tộc du mục ở phía bắc, họ thường gọi hoạt động săn bắt vào mùa xuân là "Xuân nại bát". Sau khi tộc Nữ Chân thành lập, cái tên "Xuân nại bát" được chuyển thành "Xuân Thủy". Hải Đông Thanh là một loài chim, chủ yếu tham gia hoạt động săn bắt này và được các dân tộc thiểu số phía bắc xem là loài chim thần. Nội dung chủ yếu của Ngọc Xuân Thủy là thể hiện cảnh Hải Đông Thanh bắt Thiên Nga. Cảnh này được sách vở miêu tả khá chi tiết: "Mỗi năm vào đầu



Ngọc bội hình Song Lộc (hai con hươu) đời Kim (Ngọc Thu Sơn).

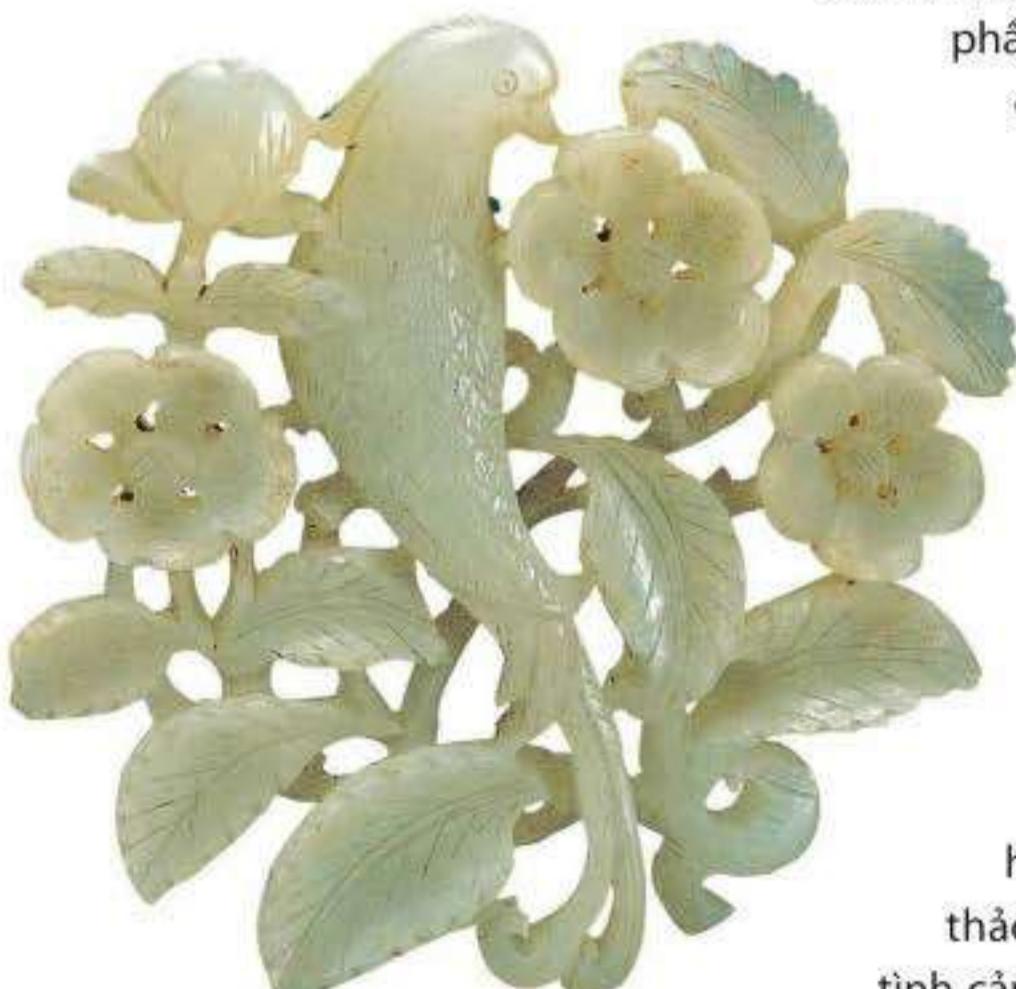
Cả miếng Ngọc hình ba cạnh, trọng tâm là hai chú hươu nhỏ, dường như là một đực một cái, con phía trước đang ngoái đầu về sau, con phía sau nhướn ra phía trước. Trên cặp hươu này có một con chim Ưng.

tháng giêng, hoàng đế đem theo đội quân săn bắt xuất phát, qua mươi mấy ngày, đến bờ sông Áp Tử, Trường Xuân, tỉnh Đông Bắc. Sau khi dựng lều trại xong, đi săn từ sớm đến chiều tối mới về". Hoàng đế đứng từ xa quan sát, một khi phát hiện ra Thiên Nga, lập tức giơ cờ ra hiệu, nổi trống làm kinh động chúng, đợi con mồi bay lên, hoàng đế cho thả Hải Đông Thanh để bắt chúng. Sau khi Hải Đông Thanh phát hiện ra con mồi, lập tức nhào đến cắn vào đầu con mồi, thị vệ sẽ dùng dùi đâm chết con vật đó, lấy não của nó làm thức ăn cho Hải Đông Thanh. Hoàng đế hạ được con mồi đầu tiên sẽ mở tiệc chiêu đãi quần thần. Hoạt động này thường kéo dài từ mùa xuân đến mùa hạ mới kết thúc. Ngọc khí Xuân Thủy lấy cảnh này làm đề tài, miêu tả cảnh tượng kinh thiên động địa khi Hải Đông Thanh bắt mồi. Những cánh sen rung rinh trong gió và vẻ hoảng hốt trốn chạy của con Thiên Nga, cùng với sự dũng mãnh của con Hải Đông Thanh bé nhỏ nhanh nhẹn được khắc họa tinh tế và vô cùng sinh động. Cảnh tượng này là hình ảnh thu nhỏ của cuộc sống săn bắt và hình thái văn hóa của dân tộc phía bắc.

Dân tộc Nữ Chân sau khi tiến hành xong hoạt động săn bắt của mùa xuân, sẽ tiến hành hoạt động săn bắt quanh núi vào mùa thu. Thu Sơn là loại Ngọc khí miêu tả cảnh dân tộc Nữ Chân săn bắt vào mùa thu. Mỗi khi đến giữa mùa thu, hoàng đế đều đem quân tiến hành hoạt động thả hổ bắt hươu. Chủ đề của Ngọc khí Thu Sơn đa

phần là có liên quan đến hổ và hươu cùng tồn tại xung quanh có cây, có núi, cái thì có cặp hươu đang vui vẻ, lại có cái miêu tả cảnh hổ ẩn nấp trong rừng sâu; nhiều nhất là hình ảnh quần thể hươu ở núi rừng. Cảnh săn bắt của Ngọc khí Thu Sơn không kịch liệt và tàn ác như Ngọc khí Xuân Thủy, nó đa phần miêu tả cảnh rừng núi, nơi trú ẩn của động vật và những cảnh bình yên, thuộc trường phái thể hiện vẻ đẹp thoát tục của quốc gia thảo nguyên phương bắc, phản ánh tình cảm hướng về hòa bình của dân tộc

Nữ Chân đời Kim.



Ngọc bội hình chim Giẻ Cùi và hoa lá, đời Kim.





Ngọc trang trí của tộc Nữ Chân đời Kim tương đối phát triển, đa phần là hoa văn chim chóc và hoa lá, thường thấy là các chủ đề chim Thụ Dải (chim Giẻ Cùi), ồ rùa, lá sen, v.v...

Những loại Ngọc khí này đã được tìm thấy khi khai quật một ngôi mộ đời Kim ở Vương Tá, khu Phong Đài, thành phố Bắc Kinh, trong đó, Ngọc bội hình chim Giẻ Cùi, hoa lá, đường kính 6cm được tạo thành từ bạch Ngọc; hiện lên một chú chim Giẻ Cùi đứng chờ trong lùm hoa, tạo hình đẹp đẽ, ngụ ý mới mẻ. Giẻ Cùi là loại động vật biết bay, vì "Thụ" cùng âm đọc với chữ Thụ. Vì thế chim Giẻ Cùi được cho là tượng trưng cho phúc thọ, nó trú ngụ ở cây cối ẩn ý "Xuân Quang Trường Thọ" (mùa xuân miên viễn). Ngoài ra Ngọc bội hình ồ rùa và lá sen, dài 10cm, rộng 7cm, chế tác từ Thanh Ngọc, có hình hai chú rùa dừng lại ở lá hoa sen. Thời cổ đại gọi hoa văn này là "Quy Du" (rùa đi chơi), ngụ ý cát tường trường thọ.

NGỌC KHÍ ĐỜI NGUYÊN

Đời Nguyên (1206 - 1368) là quốc gia do dân tộc Mông Cổ dựng nên năm 1206. Năm 1271, Hốt Tất Liệt (1260 - 1294 tại vị), lấy quốc hiệu là Nguyên. Năm 1279 diệt nhà Tống, dựng nên một đất nước đa dân tộc thống nhất. Đời Nguyên cho lập các nơi chế tác Ngọc khí triều đình tại các thành phố như Đại Đô, Hàng Châu v.v.. những nơi này chuyên chế tác Ngọc khí dùng trong cung đình. Đồng thời, những nơi chế tác Ngọc dân dã cũng phát triển không kém. Ngọc khí đời Nguyên đã kế thừa và phát triển kỹ thuật Lù điêu (trạm trổ) của đời Tống và đời Kim, đồng thời phương pháp Phù điêu cũng được vận dụng rất thành thạo và tự nhiên, các hoa văn trang trí chủ yếu có hoa cỏ chim muông, sông núi, thủy quái v.v... Một vài Ngọc khí có nét đặc sắc là không để ý những chi tiết nhỏ, thể hiện sự mài giũa tỉ mỉ ở mặt chính diện của Ngọc khí, nhưng hai bên của nó bể mặt phía trong hoặc đáy thường không mài giũa kỹ, để lộ ra những đường nét thô.

Ngọc khí đời Nguyên chia làm hai phần: làm thô và mài kỹ. Trong đó, vật được làm thô thường là to và thô, dao pháp sâu và dày, mang đầy nét cổ kính, là những nét bút tả thực tính cách hào phóng của dân tộc phía bắc. Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt sau khi lập đô ở Bắc Kinh, để thỏa mãn nhu cầu ăn uống nghe nhạc kịch, ông làm mọi cách để dùng một khối Ngọc nặng ngàn cân chế tác thành bình chứa rượu cực lớn chuyên dùng trong các yến tiệc, đó là "Độc Sơn Đại Ngọc Hải". Nó cao 70cm, đường kính miệng từ 135cm đến 182cm, đường kính xung quanh lớn nhất lên đến 493cm, bên trong sâu 55cm, nặng 3.500 kg, có thể đựng hơn 30 thạch (khoảng 1.800 kg) rượu. Chất Ngọc xanh trắng có những đốm đen, quanh thân được phù điêu



Độc Sơn Đại Ngọc Hải, đời Nguyên.

hình sóng biển lớn cuốn cuộn và những con vật như cá, ốc, hải mã, v.v.. chìm nổi trên mặt nước, chúng có những hình dạng đặc biệt, vô cùng sống động.

Mấy trăm năm sau, bên trong lòng “Độc Sơn Đại Ngọc Hải” được khắc lời tựa và ba trăm bài thơ của hoàng đế Càn Long (1735 - 1795 tại vị), lời tựa khái quát quá trình lịch sử và hình trạng của “Đại Ngọc Hải”.

Ngọc khí này vốn được đặt ở điện Quảng Hàn tại đỉnh núi Vạn Hải, khu vực Bắc Hải, Bắc Kinh. Sau khi điện Quảng Hàn, bị phá hủy, nó được dời đến nhiều nơi như miếu Chân Võ, chùa Thạch Bát. Đầu tiên, nó là công cụ đựng rượu trong yến tiệc của Hốt Tất Liệt, cuối đời Minh nó trở thành vật dụng của các nhà sư Phật giáo, sau đó trở thành lu đựng rau của các đạo sĩ. Vua Càn Long năm thứ mười bốn (1749), ông dùng ngàn vàng mua lại nó, đặt tại “Ngọc Ông Đinh” trong điện Thừa Quang, Bắc Hải cho đến ngày nay vẫn ở đó. “Đại Ngọc Hải” là Ngọc khí điêu khắc lớn nhất được biết đến sớm nhất hiện nay, đã có hơn 600 năm lịch sử. Nó là điển hình cho công nghệ mài Ngọc “chọn lựa chất liệu đúng đắn” và “tùy chất liệu mà tạo” của Trung Quốc; đồng thời, về phương diện “tiêu sắc” (làm màu sắc) cũng được xử lý vô cùng hiệu quả. Hình thể của nó cổ kính, hoa văn phóng khoáng, mài giũa tinh xảo, mang đậm nét thần bí và sắc thái lăng mạn, là một tác phẩm nghệ thuật tiêu biểu, đánh dấu cho một thời kỳ chế tác Ngọc.

Về hình dáng thì Ngọc khí đời Nguyên cũng có rất nhiều tiến bộ, “Đỉnh Lò Ngọc” là một rong những Ngọc khí có hình dáng như thế.





Đỉnh Lò Ngọc, đời Nguyên

Được khai quật ở khu di tích Nguyên Đại Đô, khu Tây Thành, Thành phố Bắc Kinh.

Cỗ vật Đỉnh Lò Ngọc được khai quật tại khu di tích Nguyên Đại Đô, thành phố Bắc Kinh, chế tác từ Thanh Ngọc, cao 3.5cm, rộng 3.7cm, có mẩy tầng thấu điêu hoàn chỉnh, tạo hình bởi chim uyên ương ngậm hoa sen, có ngũ ý cát tường trường thọ. Ngọc khí này, bể ngoài được mài giũa tỉ mỉ, bên trong lại thô sơ, phản ánh đặc điểm chế tác Ngọc khí đời Nguyên.

NGỌC KHÍ ĐỜI MINH

Đời Minh (1368 - 1644), phong trào thưởng thức Ngọc của người dân trở nên thịnh hành, Ngọc khí phát triển rất nhanh, độ mài Ngọc cũng ngày càng hoàn thiện, nhiều loại Ngọc khí kết hợp với đồ trang sức, dùng để chiêm ngưỡng và sử dụng. Ngọc khí dùng trong nghi thức giảm rõ rệt, Ngọc dùng trong đời thường ngày càng nhiều, đồng thời không ngừng mở rộng trên mọi phương diện của cuộc sống.



Ngọc dải của Minh Thần Tông Chu Dực quân.

Trong loại Ngọc dùng trong nghi thức, chủ yếu có loại bích cát tường mang hoa văn hột nỗi, Ngọc dải khóa cũng như Tổ Ngọc Bội hoa văn đẹp tuyệt mĩ. Trong loại Ngọc trang sức, trừ dải móc và đỗ trang sức ra, đại bộ phận là Ngọc bội và thê bài Ngọc. Đeo Ngọc bội vào thời đó cũng trở thành một tập tục phổ biến trong tầng lớp thị dân, không những đeo bên người, mà còn có thể đính vào quần áo. Các công cụ Ngọc được trưng bày thể hiện sự cao quý cát tường cũng rất nhiều. Ngoài ra, thời nay còn xuất hiện nhiều loại mới đầy sáng tạo, trong đó có lò hương, ấm tách trà v.v., hình dáng bên ngoài kế thừa truyền thống đời Tống, thể hiện ở các hình như hoa quả, côn trùng, muông thú; tuy nhiên, chế tác có phần sinh động, tinh xảo hơn.

Kinh tế thị trường của đời Minh phát đạt, các tầng lớp thị dân trong xã hội cũng được mở rộng, làm cho nhu cầu đối với Ngọc khí trong xã hội ngày càng tăng nhanh, từ đó



Ngọc trang trí ve vàng trên lá

Do con ve vàng và lá Ngọc tổ hợp mà thành. Trên một chiếc lá Ngọc mỏng và trong suốt, một con ve vàng óng á, thần thái sinh động đang dừng lại nghỉ chân.





Ly hợp cẩn anh hùng Thanh Ngọc, đời Minh

Hình dạng gồm hai ống nối nhau, chân tròn. Bên trên có các hoa văn ngũ cốc và mây v.v... Chim Ưng và gấu kẹp giữa hai ống. "Ly hợp cẩn" là loại ly dùng trong hôn lễ, là ly uống rượu đồng tâm của cô dâu chú rể.

kéo theo sự phát triển chóng mặt của nghề khắc Ngọc. Khi đó, bất luận là xưởng của nhà nước hay xưởng của tư nhân đều có kỹ thuật cao và rất sang trọng, nhằm đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Hòa Điển bạch Ngọc chất lượng tốt, kỹ thuật mài giữa điêu luyện, tạo hình và hoa văn muôn màu muôn vẻ, tạo ra vô số tác phẩm Ngọc khí giá trị. Đồng thời, kỹ thuật khảm nạm vàng bạc châu báu vào Ngọc khí cũng hưng thịnh một thời.

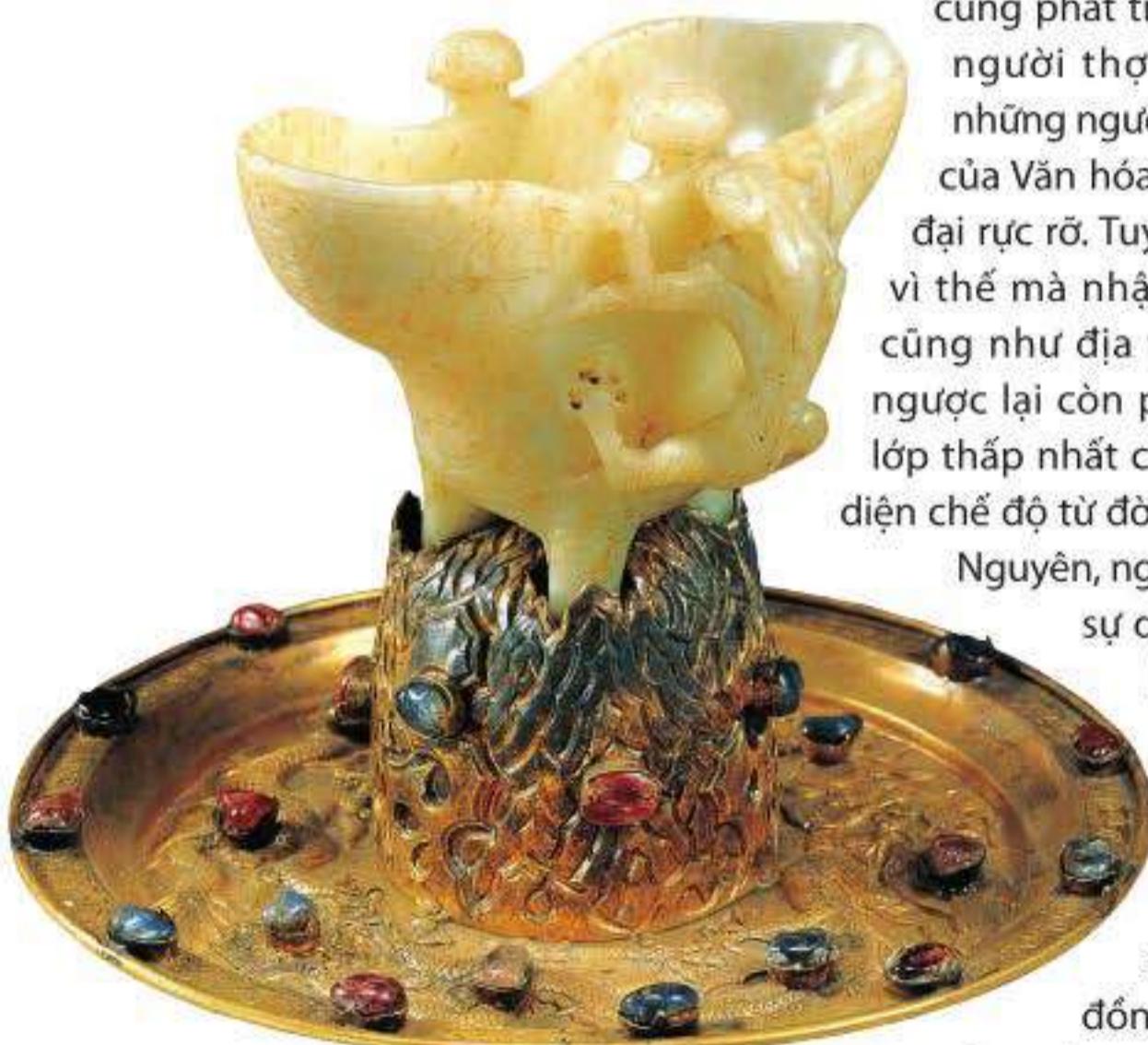
Hoàng thân quốc thích và quan lại dường như đã không còn thỏa mãn với màu sắc đơn điệu của Ngọc khí, họ thường kết hợp Ngọc khí với vàng bạc châu báu, khi thì trên vàng bạc có khảm ngọc, lúc thì lưu lại những món ngọc khí với đầy châu báu được đính kèm có tính tiêu biểu nhất là ly Ngọc Tước khay vàng được khai quật ở Định Lăng đời Minh, và một số trâm Ngọc nạm vàng v.v... Tuy ngọn nguồn của các vật khảm nạm vàng Ngọc có từ rất lâu, nhưng hợp thể giữa Ngọc và đá quý, vàng bạc mãi đến đời Minh mới được phát hiện.

Đầu đời Minh, Trịnh Hòa (1371 - 1435) đi Tây Dương, buôn bán trên biển rất phát triển. Trung Quốc cùng lúc với việc xuất khẩu số lượng lớn đồ gốm và tơ lụa, cũng trao đổi được rất nhiều bảo vật quý hiếm.

Trong lăng tẩm các vua chúa nhà Minh và mộ của các vương công quý tộc khai quật được rất nhiều các loại đá quý, có saphia đỏ, saphia xanh, Tố Mẫu Lục (Emerald), đá mắt mèo, v.v., những đá quý đắt giá này đại bộ phận từ Sri Lanka truyền vào Trung Quốc. Trong các Ngoc khí khai quật ở cung điện dưới đất của Định Lăng, Thập Tam Lăng, khu Xương Bình, thành phố Bắc Kinh, đa số đều có khâm nạm vàng và châu báu, đẹp nhất là ly Ngọc Tước khay vàng và trâm vàng đá quý. Ly Ngọc Tước khay vàng, cao 11.5cm, chế tác từ Ngọc xanh trắng, ly hình Nguyên Bảo (hình đinh vàng) đặt trên khay vàng khâm đá quý đỏ và xanh da trời, nó biểu đạt ý nghĩa "Thọ Sơn Phúc Hải", "Vạn Thọ Vô Cương"; trâm vàng khâm đá quý, dài khoảng 13.5cm, chọn bạch Ngọc không tì vết làm chất liệu trang trí chủ thể, miếng Ngọc khắc hình chữ "Thọ", xung quanh khâm đá quý, đá mắt mèo, trân châu tổ hợp thành đinh trâm hình chữ "Thọ". Toàn thể trâm Ngọc được chế tác với công nghệ tinh xảo, ánh sáng của đá quý phát ra lấp lánh, sang trọng vô cùng.

Vào đời Minh, địa vị của người thợ chế tác được nâng cao, Ngọc khí

cũng phát triển mạnh mẽ. Những người thợ có tay nghề cao là những người sáng tạo quan trọng của Văn hóa Ngọc Trung Quốc cổ đại rực rỡ. Tuy nhiên họ vẫn không vì thế mà nhận được sự tôn trọng cũng như địa vị xã hội tương ứng, ngược lại còn phải sống trong tầng lớp thấp nhất của xã hội. Về phương diện chế độ từ đời Thương Chu đến đời Nguyên, người thợ luôn phải chịu sự quản lý của quan phủ, lao động cho giai cấp thống trị từ năm này qua năm khác. Họ phải dùng thù lao ít ỏi của mình để nuôi sống gia đình, đồng thời tiếp tục truyền dạy cho con cháu, không được bỏ nghề. Tầng lớp xã hội vô cùng thấp ấy



Ly Ngọc Tước khay vàng, đời Minh.

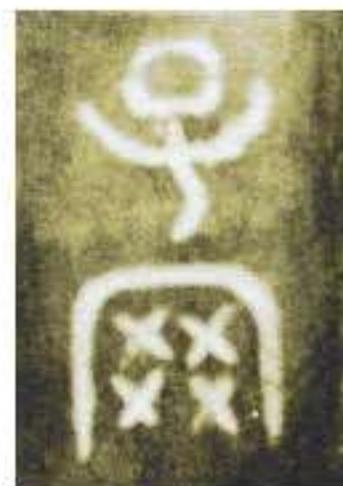




Trâm vàng khảm đá quý, đời Minh.

đã làm hạn chế nhiệt huyết với nghề của những người thợ này. Đến đời Minh, cùng với sự ràng buộc của xã hội phong kiến ngày càng suy yếu, thân phận và địa vị của người thợ chế tác Ngọc cũng được đề cao hơn.

Đời nhà Minh có mấy nơi chế tác Ngọc lớn như Bắc Kinh, Nam Kinh, Hàng Châu, Tô Châu v.v.. trong đó, Tô Châu là nơi nổi tiếng nhất. Những người thợ chế tác Ngọc ở đây có tay nghề cao và rất nổi tiếng, Lục Tử Cương là người tiêu biểu nhất trong số những thợ chế tác Ngọc kiệt xuất này. Ông là thợ nổi tiếng ở Tô Châu qua các thời kỳ như Gia Tĩnh, Vạn Lịch, khi đó ông có danh tiếng khắp triều đình, các tác phẩm của ông đẹp đẽ sắc xảo, điêu khắc tinh tế khéo léo, ông là người đầu tiên được lưu danh trên tác phẩm của mình trong lịch sử Ngọc khí Trung Quốc. Các tác phẩm của ông thường được khắc ba chữ "Lục Tử Cương" dưới đáy hoặc bên hông Ngọc khí, cũng có cái khắc hai chữ "Tử Cương", khắc bằng chữ Triện hoặc chữ Khải. Chúng vừa nhận được sự ảnh hưởng từ thư họa của các văn nhân đời Minh, vừa là nét đặc trưng cho sự phồn vinh hưng thịnh của Ngọc khí thời này; vì những tác phẩm có tính thương hiệu này, chính là cái mốc đánh dấu cho chất lượng cao của Ngọc khí. Về việc Lục Tử Cương được lưu danh trên Ngọc khí, dân gian còn truyền miệng, Hoàng đế muốn Lục Tử Cương chế tác riêng cho mình một ấm trà Ngọc mà không được khắc tên trên đó, Lục Tử Cương thường là không lưu danh thì không làm, nhưng kháng chỉ sẽ bị chém đầu, ông đành phải tiếp thánh chỉ. Ông suy nghĩ rất lâu, sau đó quyết định điêu khắc một chú ngựa. Sau khi làm xong, trình lên hoàng đế. Hoàng đế xem qua một lượt, không thấy có khắc tên, chế tác tỉ mỉ, làm ông



Ấm Ngọc xanh “Anh Hí Đồ” (hình miêu tả động tác vui chơi của trẻ con), đời Minh.

Hai bên phần bụng của ấm có hình Anh Hí (trẻ con chơi) trang trí. Trên miệng ấm có nắp, trên nắp có khắc sư tử lập thể. Dưới chú sư tử này có khắc hai chữ “Tử Cương”. Việc đẽ tên trên Ngọc khí được xử lý rất khéo léo và kín đáo, nếu sư tử không phải do lâu ngày mà rời ra thì không thể phát hiện được.

rất vừa ý. Tiếc là về sau, một vị đại thần đã tìm được manh mối, thì ra Lục Tử Cương khắc hai chữ “Tử Cương” trên tai ngựa. Mặc dù khi ấy hoàng đế không trị tội Lục Tử Cương, tuy nhiên ông vẫn bị cho là đã phạm thiên uy.

Do văn hóa thế tục ăn sâu vào tâm trí người dân, thêm vào việc gia tăng nhu cầu dùng Ngọc trong dân gian. Từ đời Tống (960 - 1279) trở lại đã xuất hiện một số lượng lớn Ngọc khí với chủ đề phản ánh phong tục tập quán và tư tưởng của quần chúng, bao gồm tập tục, truyền thuyết, tôn giáo tín ngưỡng, những quan niệm về cát tường may mắn v.v... Những tập tục văn hóa này ăn vào gốc rễ của dân gian, có cơ sở dân tộc sâu sắc. Vào đời Minh, văn hóa của tầng lớp công tôn quý tộc và trí thức dần được xem trọng, đa phần xuất hiện trên hoa văn của Ngọc khí, ngay cả những Ngọc khí cung đình cũng thường có những hình ảnh cát tường dân gian như: “Tam Tinh Phúc Lộc Thọ”, “Bát Tiên Nhân Vật”, “Cá Chép Vượt Long Môn”, các món tạp kỹ. Các tác phẩm Ngọc khí đời Minh, bất luận là Ngọc dùng trong cung đình hay trong dân gian, đều mang hơi thở của một cuộc sống mộc mạc.

Trong hai cổ vật Ngọc khắc từ Viện Bảo tàng Cố Cung có thể lĩnh hội được hơi thở cuộc sống tràn ngập trong Ngọc khí đời Minh: cổ vật thứ nhất





Ngọc trang trí "Hi Chi Ái Nga Đổ" đời Minh.

là Ngọc trang sức "Hi Chi Ái Nga Đổ" (Vương Hi Chi thích ngỗng) đời Minh. Ngọc này dài 10cm, hình chữ nhật dạng dẹp, chế tác từ Ngọc màu xanh. Vương Hi Chi (321- 379) là nhà thư pháp kiệt xuất thời Đông Tấn. Tương truyền, ông quan sát ngỗng bơi trong nước mà ngộ ra phương pháp dùng bút cho riêng mình, từ đó yêu ngỗng tha thiết. Trong một lần ông nghe nói trên núi có một vị đạo sĩ nuôi một đàn ngỗng tốt, liền đến thăm, đồng thời muốn mua chúng với giá rất cao; khéo thay, vị đạo sĩ ấy rất thích thư pháp, bèn yêu cầu Vương Hi Chi viết bộ "đạo đức kinh" để đổi lấy đàn ngỗng, Hi Chi vui vẻ nhận lời. Ngọc khắc này lấy câu chuyện ấy làm chủ để chế tác, mặt chính được phù điêu hình hai người, một già một trẻ, trong đó người đứng tuổi là Vương Hi chi, ông đang chăm chú ngắm nhìn con ngỗng ngẩng đầu về phía Thư Đồng. Kết thúc bức họa thông suốt, đường nét rành mạch, rõ ràng.

Một Ngọc khí khác là "Phiên Nhân Tiến Bảo Thuyền" đời Minh, cao 11.5cm, dài 29.5cm, rộng 8cm, chế tác từ Ngọc màu xanh. Thân thuyền trông như khúc cây dạng lõm, bên trên có chín người; trừ người chèo thuyền ra, những người khác mỗi người cầm một vật khác nhau, như: sừng tê giác, gậy như ý, tú cầu, linh chi v.v.. Những người này có y phục mới lạ, giống người Phiên. Đầu thuyền có động vật là sư tử và voi, giữa thuyền đặt một cặp bình dẹp tai hình con Ly (tương truyền là con của rồng, loài rồng không sừng), đuôi thuyền cầm lên một cây tung thiên cổ và bên trên nó có hai con hạc tiên. Những người Phiên này và các vật họ cầm trên tay đều

mang ẩn ý nhất định. Ví dụ, sừng tê giác và tú cầu đều thuộc dạng bảo vật, ngụ ý phú quý; linh chi, tùng, hạc, ngụ ý trường thọ; "bình" cùng âm đọc với chữ bình của hòa bình, bình an, thể hiện sự an lành.

Tác phẩm này hàm chứa những từ ngữ cát tường, như "Phiên Nhân Tiến Bảo", "Quần Tiên Chúc Thọ", "Thái Bình Hữu Tượng", "Sự Sự Như Ý", "Trường Mệnh Phú Quý" v.v.. phương pháp vay mượn những ngôn từ may mắn để nói lên tình cảm này đã bắt đầu có từ thời Tống và thịnh hành vào đời Minh. Ngọc khí này là biểu hiện rõ nét nhất cho hình thức dân gian "Đồ Tất Hữu Ý, Ý Tất Cát Tường" (có hình là có ý, có ý thì luôn thể hiện sự cát tường).

Phong trào sưu tập Ngọc cổ đời Minh phát triển hơn đời Tống, đặc biệt là cuối đời Minh, cùng với sự mạnh nha của chủ nghĩa tư bản, kinh tế công thương nghiệp phát triển như vũ bão. Từ đó tầng lớp thị dân phát triển mạnh, một số người giàu có với mục đích thể hiện học thức và những thú vui tao nhã, đã tranh nhau mua thư họa, các vật chơi thể hiện trí thức, Ngọc cổ cũng là một trong những nội dung quan trọng ấy. Trong tình hình nhu cầu thị trường gia tăng như thế, người thợ làm Ngọc cũng vì lấy lòng tầng lớp này mà mưu cầu chụp lợi, chế tác số lượng lớn Ngọc giả cổ để thỏa mãn nhu cầu của thị trường.

NGỌC KHÍ ĐỜI THANH

Xưởng chế tác

Được lập nên từ đời Khang Hy, do Phủ Nội vụ quản lý, chịu trách nhiệm về các việc thủ công, là xưởng chế tác chuyên dụng của hoàng gia. Thời hưng thịnh của "xưởng chế tác" có đến 42 phân xưởng, mỗi phân xưởng đều quy tụ rất nhiều thợ giỏi trên toàn quốc. Công việc của họ bao quát mọi phương diện trong cuộc sống hàng ngày của triều đình, từ ăn uống, may mặc, vật dụng, đến những thứ dùng để thư giãn, cái gì cũng đầy đủ. Thời ấy, dân gian gọi Xưởng chế tác này là "Bách Công Phường" (xưởng có trăm nghề).

Nhà Thanh (1616 - 1911) là vương triều phong kiến cuối cùng của Trung Quốc, do tộc người Mãn Thanh dựng nên. Trong xã hội cổ đại Trung Quốc, sự yêu thích hoặc đề cao một thứ gì đó của hoàng đế thường sẽ hình thành một trào lưu trong xã hội. Vào đời Thanh, Ngọc khí được hoàng đế Càn Long tôn sùng. Khi vương triều nhà Thanh được dựng lên thì không lâu sau cung đình đã lập nên các xưởng chế tác và bộ phận chuyên chế tác Ngọc cho hoàng đế. Hoàng đế Càn Long yêu thích Ngọc, trong việc chế tác Ngọc, ông đầu tư về mặt tiền bạc, vật chất và nhân lực vượt qua tất cả các vị hoàng đế khác trong lịch sử Trung Quốc. Đồng thời, ông say mê việc sưu tầm Ngọc cổ, vì thế các quan thần cũng tiến hành sưu tầm và liên tục dâng tặng cho ông, tạo nên làn sóng sôi nổi trong việc sưu tập Ngọc cổ trong xã hội. Hiện nay, tại viện Bảo tàng Cố Cung Bắc Kinh đã sưu tầm được trên mười ngàn Ngọc khí cổ còn được lưu lại của cung đình nhà Thanh, đa số là những Ngọc khí được hoàng đế Càn Long sưu tập. Vua Càn Long không những





Hoàng đế Càn Long vô cùng yêu thích Ngọc khí, trong các bài thơ ông sáng tác có gần 800 bài ca ngợi Ngọc khí.

tự mình sưu tầm mà còn đích thân tham gia các hoạt động giám định và phân cấp Ngọc khí. Mỗi lần có được món Ngọc khí quý hiếm nào ông cũng làm thơ ca ngợi chúng. Theo thống kê, trong tất cả các bài thơ do vua Càn Long sáng tác thì có gần 800 bài thơ ca tụng vẻ đẹp của Ngọc khí.

Hoàng đế Càn Long một khi phát hiện ra những Ngọc khí cổ đại chế tác còn thô sơ, sẽ ra lệnh gia công thêm cho chúng. Ông đặc biệt chú trọng việc chế tác Ngọc khí trong cung đình, thường đích thăm dò hỏi tình hình phân phối công việc ở xưởng chế tác Ngọc. Dưới sự ảnh hưởng của ông, rất nhiều họa gia cung đình cũng tham gia thiết kế Ngọc khí và dùng chúng để vẽ lên bức tranh tuyệt mĩ, điều này làm tăng nhanh trình độ nghệ thuật của Ngọc khí. Từng món Ngọc khí cung đình diễm lệ đời Thanh, đều chịu sự ảnh hưởng không nhỏ của hoàng đế Càn Long.



Ngọc ti "Hoàng Đế Phung Thiên
Chi Bảo" Bích Ngọc, đời Thanh.



Văn phòng Tứ Bảo (bút, nghiên, mực, giấy thuyên) được chuẩn bị trên bàn làm việc của hoàng đế, chuyên dùng để duyệt tấu sớ. Trong hình có cán bút Ngọc, ống bút Ngọc, ống mực Ngọc, chặn giấy Ngọc và hộp đựng giấy Ngọc.





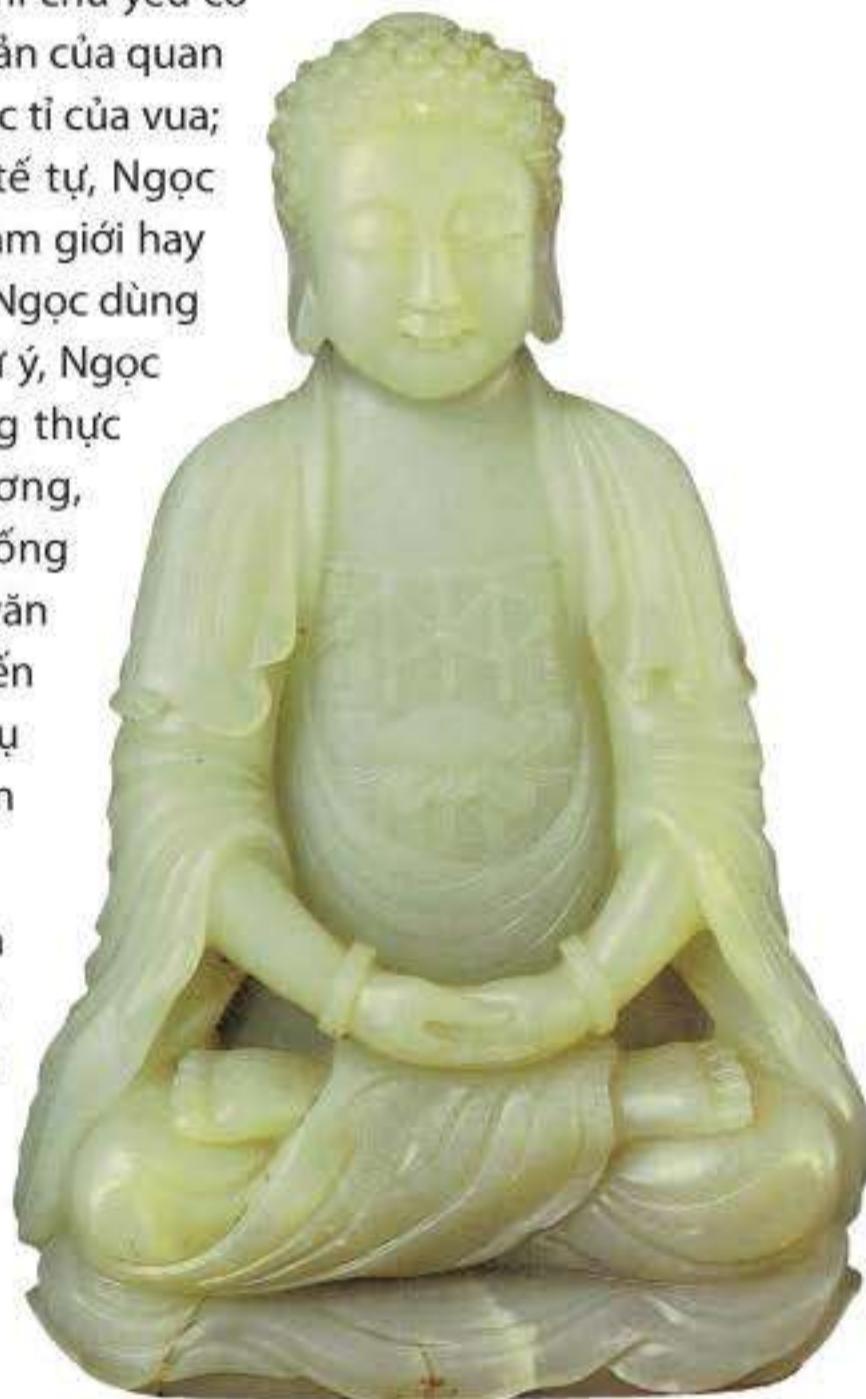
Trang sức của phụ nữ đời Thanh

Chất Ngọc trắng muốt, bề mặt sáng bóng không hoa văn, hai bên khàm hoa cỏ đối xứng, được tạo nên bởi màu sắc tươi mới của đá quý.

Ngọc khí đời Thanh được chia làm các giai đoạn sau: sơ kỳ, trung kỳ, vân kỳ. Ngọc khí thời sơ kỳ có số lượng rất ít, tạo hình vẫn còn lưu lại những phong cách cũ của đời Minh; vào thời trung kỳ bao gồm các đời vua: Khang Hy, Ung Chính, Càn Long, Gia Khánh v.v.., Ngọc khí phát triển rất nhanh. Các loại Ngọc khí chủ yếu có Ngọc dùng trong nghi thức như: Linh Quán của quan viên đời Thanh, Đỉnh nón, Chuỗi hạt, Ngọc tỉ của vua; Khanh, Bích, Khuê dùng trong nghi lễ tế tự, Ngọc làm trang sức như: Móc dải, Móc khóa nam giới hay dùng, Ngọc bội và Trâm của phụ nữ v.v..; Ngọc dùng để bày biện như: Ngọc tiên tử, Ngọc như ý, Ngọc giả cổ, Ngọc hình người hoặc hình động thực vật v.v.., các công cụ Ngọc như: lò hương, bình hoa, các loại vật dùng trong ăn uống v.v.. ngoài ra còn có các vật dụng trong văn phòng và Ngọc khí của Phật giáo v.v.. Đến cuối đời Thanh, Ngọc khí chủ yếu phục vụ cho thị trường của người dân, dùng làm thứ giải trí đeo bến mình.

Sau khi vua Càn Long dẹp yên bọn phản loạn phía Tây, chất liệu Ngọc ở Tân Cương với số lượng lớn chưa từng có đã truyền vào vùng Trung Nguyên. Sau năm Càn Long thứ 25 (năm 1760), mỗi năm cung đình đều thu 2.000kg Ngọc Hòa Điển do nơi khác cống nộp, nếu có nhu cầu đặc biệt sẽ khai thác thêm.

Ngoài ra trong dân gian cũng khai thác một số lượng lớn chất liệu Ngọc Hòa Điển, điều này tạo sự bảo đảm cho việc phát triển mạnh mẽ của Ngọc khí đời Thanh.



Tượng Phật Ngọc chất liệu thanh Ngọc Hòa Điển
Pháp tượng (thuật ngữ Phật giáo, chỉ thần thái hay nét biểu hiện bên ngoài) gương mặt từ bi trang nghiêm, cân đối, được thợ chế tác giỏi nhất vào giữa đời Thanh thực hiện.



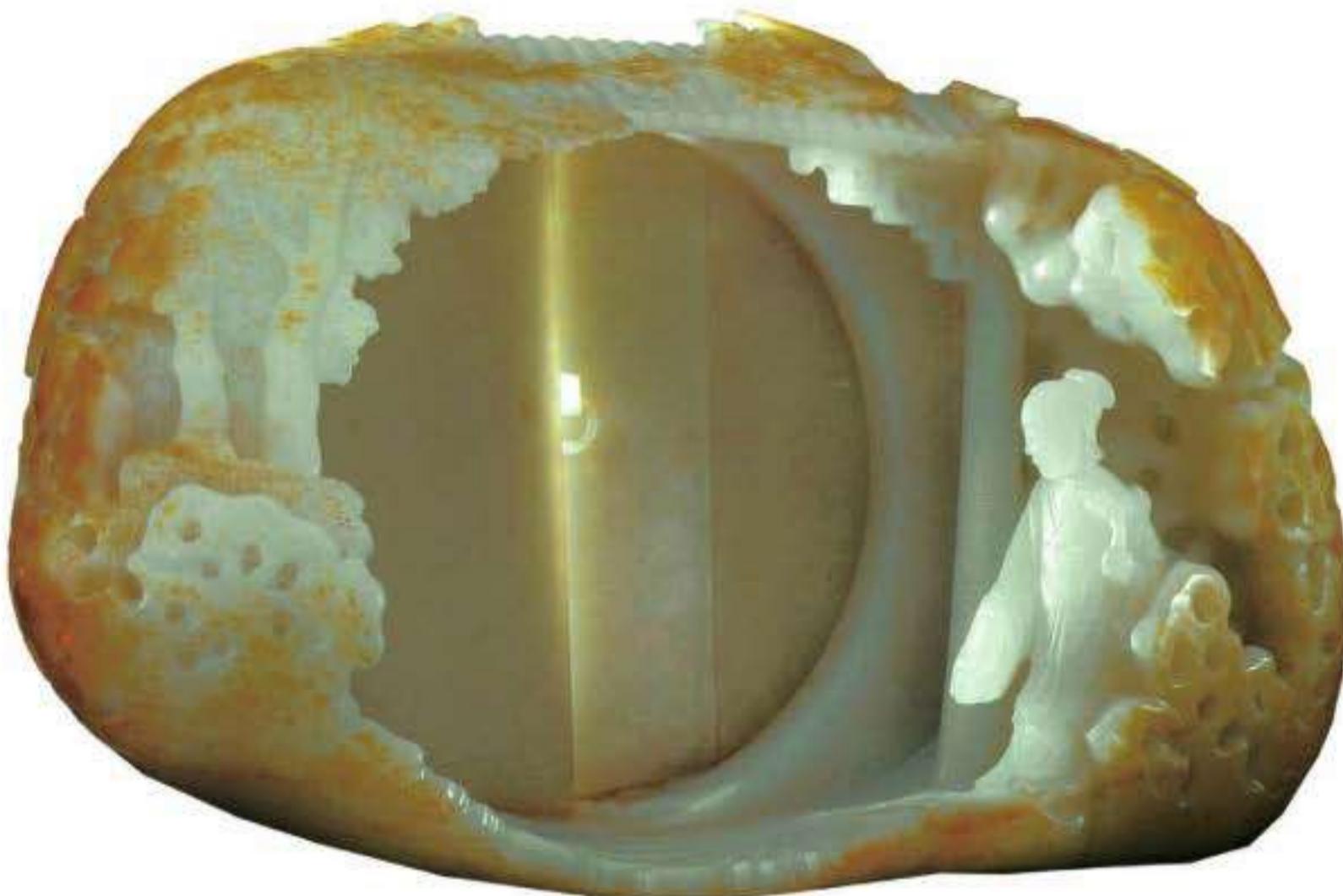
Đồ chặn giấy Song Giải (một cặp cua) chế tác từ Bạch Ngọc Hòa Điển của đời Thanh.

Ngọc khí đời Thanh, bất luận là Ngọc khí cung đình hay Ngọc khí trong dân gian, tạo hình và hoa văn của chúng đều thể hiện các mặt của cuộc sống xã hội thời ấy. Về phương diện tạo hình, thường gặp nhất là hình hổ lô, hoa, bắp cải, cá, lê, cua v.v.. có liên quan đến cuộc sống của quần chúng. Về mặt hoa văn, thường thấy nhất là hoa văn chim muông hoa lá, sông núi, con người, trò chơi của trẻ con, trúc mai, mười hai con giáp, bướm bướm, chim uyên ương v.v.. những nội dung này gần gũi với thiên nhiên, sống động mà mộc mạc.

Vào đời Thanh, kinh tế thành thị của Trung Quốc phát triển mạnh mẽ, tầng lớp thị dân khuyếch đại nhanh, phạm vi phục vụ của Ngọc khí cũng từng bước được mở rộng. Lúc này, nơi sản xuất chất liệu Ngọc cũng ngày càng nhiều, số lượng ngày càng tăng, kỹ thuật chế tác Ngọc cũng đạt được nhiều đột phá quan trọng. Đây đều là những cơ sở xã hội và vật chất cho sự phát triển của Ngọc khí.

Ngọc khí đời Thanh đã hấp thu được truyền thống tốt đẹp của Ngọc khí đời trước, đồng thời vay mượn những thủ pháp như hội họa, điêu khắc, gia công vàng bạc cùng thời; kết hợp thông suốt với các kỹ thuật khắc chìm, khắc sợi, viên điêu, phù điêu, khoan lỗ v.v.. đạt đến trình độ nghệ thuật xuất thần nhập hóa. Chúng có số lượng nhiều, sử dụng rộng rãi, được tạo hình khéo léo, mài giữa tỉ mỉ, hoa văn đẹp đẽ chưa bao giờ có, khiến mọi người phải kinh ngạc. Trong đó Ngọc





Ngọc trang sức "Nữ Quan dưới bóng Ngô Đổng" đời Thanh.

khí thời kỳ Càn Long được cho là huy hoàng nhất. Kế sau đời Hán, đời Thanh là một cao trào mới của sự phát triển Ngọc khí, cũng là thời kỳ hưng thịnh của Ngọc khí qua các đời, nó có vị trí quan trọng trong lịch sử Ngọc khí cổ đại Trung Quốc.

Nói trình độ kỹ thuật của người thợ chế tác Ngọc đời Thanh rất cao, làm kinh động quỷ thần quả là không sai. Vì họ không những sáng tác nên những Ngọc khí lớn được xem là kỳ tích trong dân gian như "Đại Vũ Trị Thủy Đồ"; mà họ còn biết chọn lựa chất liệu và cách chế tác độc đáo. Thậm chí họ còn có thể biến những phần Ngọc dư thừa hoặc bỏ đi thành các tác phẩm đẹp, trong đó Ngọc trang trí tiêu biểu nhất là "Nữ Quan dưới bóng Ngô Đổng".

Ngọc trang trí "Nữ Quan dưới bóng Ngô Đổng" hiện nay còn được lưu giữ tại Viện Bảo tàng Cố Cung Bắc Kinh, cao 15.5cm, rộng 25cm, độ sâu 10.8cm, chất liệu Ngọc Hòa Điền, Tân Cương, bối cục bên ngoài có vỏ màu cam vàng. Giữa nó là một cánh cửa ánh trăng, bên trên đó khâm hai cánh cửa bán nguyệt đang hé mở, bên trong cánh cửa ấy có thiếu nữ áo dài, tay cầm hoa tươi, tay kia thì bưng hộp, đang trong tư thế nhìn qua khe cửa hé mở ấy. Chất Ngọc trắng với màu vỏ cam vàng, được mài giữa khéo léo thành tàng cây Ngô



Một bộ phận Ngọc sơn “Đại Vũ Trị Thủy Đồ”, đời Thanh.

Đồng rậm rạp, hòn non bộ và bàn ghế đá, hiện ra phong cảnh đẹp đẽ của khu vườn Giang Nam. Ngọc khí này có đáy bằng và nhẵn nhụi, bên trên có thơ văn do Càn Long đích thân viết (Ngự đế) và có sự chứng nhận của hoàng đế (Ngự nhận). Căn cứ vào lời văn ấy cho biết, Ngọc khí này được chế tác từ bàn tay của những người thợ giỏi ở Tô Châu vào thời Càn Long năm thứ 18 (1773). Chất liệu Ngọc của nó vốn là phần dư thừa sau khi làm chén bát, được sử dụng lại nhờ vào sự tận dụng và gia công tài tình của người làm Ngọc. Họ đã dựa vào màu vỏ và hình dạng của chất liệu Ngọc dư thừa, mài giũa khéo léo thành một bảo vật có giá trị nghệ thuật phi phàm. Thảo nào mà vua Càn Long khi gặp được Ngọc khí này, hết lời khen ngợi những người thợ chế tác Ngọc Tô Châu có công lớn như người đã dâng lên “Bích Hòa Thị”, thậm chí công lao ấy còn nhiều hơn thế mấy phần. Ngọc khí





Ngọc sơn hình “Đại Vũ Trị Thủy Đồ” đời Thanh.

này có thể gọi là vật tiêu biểu cho kỹ thuật chế tác tài tình trong lịch sử Ngọc khí Trung Quốc.

Những Ngọc sơn còn được lưu giữ tại cung đình nhà Thanh như: "Đại Vũ Trị Thủy Đồ", "Đan Đài Xuân Hiếu Đồ", "Hội Xương Cửu Lão Đồ" và "Quan Sơn Hành Lữ Đồ", v.v.. món nào nhẹ cũng đã mấy trăm gam, nặng thì phải đến mấy tấn. Những Ngọc khí quy mô lớn bất hủ này, từ chọn lựa chất liệu, thiết kế, họa tiết đến mài giũa thành hình, không có món nào không phải là một công trình vĩ đại. Người thợ làm Ngọc đời Thanh đã chế tác chúng thành công, thể hiện hoàn mĩ gương mặt của quốc gia, viết lên những trang sử tráng lệ cho lịch sử chế tác Ngọc Trung Quốc. Ngọc khí có kích thước lớn nhất thế giới, Ngọc sơn "Đại Vũ Trị Thủy Đồ" chính là sự thể hiện hạn độ lớn nhất của những thành tựu huy hoàng này.

Ngọc sơn "Đại Vũ Trị Thủy Đồ", cao 224cm, chỗ rộng nhất khoảng 96cm, nặng đến hơn 5.000kg, chất Ngọc màu xanh, toàn thân lập thể được viên điêu. Ngọc khí được mài giũa với hình dáng núi non trùng điệp, suối chảy, cổ thụ, trên sườn dốc chênh vênh nguy hiểm, có một nhóm người đang khai hoang. Họ có đục đá, có cuốc xẻng, nhiều người trên vách đá khiêng cọc, một cảnh tượng lao động bận rộn, vất vả.

Chính diện trong phần sơn thạch, có khắc mười chữ triện vuông "Ngũ Phúc Ngũ Đại Đường Cổ Hi Thiên Tử bảo", phần sau lưng khắc sáu chữ triện "Bát Chinh Mạo Niệm Chi Bảo", bên trên khắc bài thơ thất ngôn "Mật Lạc Tháp Sơn Bảo Đại Vũ Trị Thủy Đồ" bằng chữ khải của Càn Long, cùng với lời tựa và bài minh hơn ngàn chữ. Qua bài khắc văn ta biết được, nguyên liệu của Ngọc sơn này lấy từ núi Mật Lạc Tháp vùng Hòa Điền, Tân Cương, bản vẽ lấy từ bức họa đời Tống được cất giữ ở cung đình nhà Thanh cũ. Mục đích chế tác Ngọc này của vua Càn Long là ca tụng công đức chống lũ lụt của Hạ Vũ, đồng thời cũng thể hiện thành tựu của mình. Ngọc Sơn này do các bậc thợ điêu khắc Ngọc Dương Châu, Giang Tô mất 10 năm mới tạo thành, cho đến năm Càn Long thứ 53 (1788) mới hoàn thành, đặt ở Lạc Thọ Đường trong Tử Cấm Thành cho đến ngày nay. Căn cứ vào tư liệu ghi chép, Ngọc sơn dùng hơn cả trăm ngàn lượt người, tiêu phí mấy trăm ngàn ngân lượng. Nó là kết tinh của sức lực và trí tuệ của nhân dân các dân tộc Trung Quốc, là một tác phẩm nghệ thuật quý giá không gì sánh được. Khi chúng ta nhìn ngắm Ngọc sơn lừng danh này đều phải kinh ngạc thốt lên: một khối Ngọc to lớn thế này làm sao có thể khai thác và vận chuyển từ núi Mật Lạc Tháp, Tân Cương về đến Bắc Kinh?





Bát Bạch Ngọc Hòa Điển khảm vàng và đá quý, đời Thanh

Chất Ngọc trắng muốt không tì vết, đáy có hoa văn hình hoa. Bên ngoài phần bụng dưới có khảm lá cây bằng vàng, đồng thời khảm đá quý ở nhụy hoa, chân được trang trí bằng cách khảm hoa văn nở bằng vàng. Bát này là tác phẩm nổi tiếng mô phỏng Ngọc khí Hindustan, trong đại lễ, vua Càn Long dùng để ban phát trà.

Thông qua tìm hiểu, khối chất liệu Ngọc này vốn nằm trên đỉnh núi Mật Lạc Tháp; khi khai thác, đầu tiên đục ra lớp Ngọc, sau khi lấy được Ngọc thô, người thợ làm Ngọc dùng dây thừng cột chặt nó và thả từ từ xuống núi. Để việc vận chuyển nó tốt hơn, họ chế tạo một loại xe bản lớn đặc biệt, phía trước có m้าย chục con ngựa kéo, phía sau có m้าย trăm người đẩy, gấp núi mở núi, gấp sông thì bắc cầu; mùa đông thì hắt nước để đường đóng băng để đi. Mỗi ngày đi một đoạn đường khoảng năm, sáu dặm (1 dặm là 500m), mất ba năm mới đem được về đến Bắc Kinh. Sau khi đến Kinh Thành, dùng thuyền chở trên con sông vận chuyển ra Kinh Hàng đến Hàng Châu để chế tác. Về tình hình cụ thể của việc chế tác đến nay vẫn chưa có sự giải thích xác đáng. Chúng ta chỉ biết đầu tiên họ làm một mô hình bằng gỗ, đến khi mài giũa Ngọc, tạo một khung linh hoạt quanh khối chất liệu Ngọc, m้าย chục người ngày đêm thay phiên nhau chế tác, dựa vào mô hình dần dần tạo nên nó. Sự thành công của Ngọc sơn này có thể nói là một kỳ tích trong lịch sử chế tác Ngọc Trung Quốc.

Vào thời kỳ Càn Long, Ngọc cổ Trung Quốc được nâng lên đỉnh điểm của nghệ thuật. Lúc ấy, một loại Ngọc ngoại lai đột nhiên du nhập vào cung đình triều Thanh, đồng thời có sức ảnh hưởng lớn đối với Ngọc khí cung đình và Ngọc khí dân gian, đó chính là Ngọc khí Hindustan (âm Hán Việt là Ngǎn Đô Tư Thần) được vua Càn Long hết lời khen ngợi và tôn sùng, thường gọi là Ngǎn Ngọc. Ngọc khí mang phong cách nghệ thuật của Hindustan, đặc điểm nổi trội nhất là Ngọc

rất mỏng, độ trong suốt cao. Tạo nên Ngọc Hindustan thường bao gồm Ngọc Thanh Bạch, Hòa Điển, Tân Cương, sản phẩm tạo thành đa phần nghiêng về Ngọc khí sử dụng, chủ yếu có mâm, ly, chén, ấm v.v.. Tạo hình bền ngoài của chúng đa số là mô phỏng các loại thực vật như hoa, quả, lá; cũng có một số ít mô phỏng cách tạo hình của động vật. Ngǎn Ngọc đại bộ phận thường được phù điêu dạng nồng trên bề mặt bằng phẳng, mài giữa kẽ lưỡng, không một vết trầy xước, đồng thời trên bề mặt Ngọc khảm thêm những thứ trang trí như sợi vàng bạc, pha lê, đá quý nhầm bộc lộ sự cao quý sang trọng của Ngọc khí. Dưới sự chỉ đạo của vua Càn Long, xưởng chế tác của Phủ Nội vụ đặc biệt lập ra một bộ phận chuyên chế tác Ngọc khí Ngǎn Ngọc.

Thời hưng thịnh Khang Hi, Càn Long (gọi tắt là Khang Càn Hưng Thế), một lần nữa làm nổi lên làn sóng sưu tầm Ngọc giả cổ từ đời Tống đến thời này, nó đã lên đến đỉnh điểm. Sự thịnh hành Ngọc giả cổ đời Thanh do rất nhiều yếu tố tạo nên, một mặt được bắt nguồn từ sự yêu thích của hoàng đế, mặt khác là do sự thịnh hành của tư tưởng phục cổ từ thời Minh Thanh trở lại, hoài cổ trở thành phong cách của thời đại và các vật dụng giả cổ trở thành thời thượng trong xã hội đương thời. Người thời Thanh thích phong cách cổ, thích lưu giữ màu sắc của lớp vỏ bao bọc vốn có của chất liệu Ngọc, nếu bên ngoài chất liệu Ngọc không có màu của lớp vỏ, có khi họ còn cố tình tạo thêm một lớp vàng trông như lớp vỏ bên ngoài. Điều này thể hiện cảm hứng đặc biệt của người đời Thanh trong việc "Tiêu sắc" (tạo màu) cho Ngọc cổ. Phong cách giữ lại lớp vỏ này, ảnh hưởng đến ngày nay, mà có thể còn ngày càng phát triển hơn.

Sự xuất hiện của Ngọc khí Phi Thúy là một sự kiện quan trọng đối với Ngọc khí đời Thanh. Do Trung Quốc không phải là nơi có thể sản xuất Phi Thúy, cho nên các đồ vật làm bằng Phi Thúy rất



Bắp Cải trắng Phi Thúy, đời Thanh

Người thợ làm Ngọc đã vận dụng tài tình màu xanh lá cây và màu trắng của chất liệu Ngọc để chế tác thành một cây Bắp Cải. Vật này được xem là món Ngọc khí tiêu biểu trong các tác phẩm Phi Thúy đời Thanh.





quý hiếm. Thế kỷ XVIII, Phi Thúy từ Myanmar truyền vào Trung Quốc, độ dẻo dai tinh khiết lại chứa đựng nhiều hàm súc và tính thần bí của nó được xem là vô cùng quý hiếm, trở thành vật xa xỉ được yêu thích nhất từ trong cung đình đến những người dân thường.

Phương diện sử dụng của Phi Thúy rất nhiều, có trang sức, thư phòng, vật dụng v.v., là một bông hoa rực rỡ trong khu vườn tröm hoa của Ngọc khí giai đoạn cuối đời Thanh. Từ Hi Thái Hậu (1835 – 1908) vô cùng yêu thích Phi Thúy, tại Trường Xuân Cung, nơi ở của bà đâu đâu cũng có thể nhìn thấy các vật dụng bằng Phi Thúy. Bà uống trà bằng bát Phi Thúy, ăn cơm bằng đũa Phi Thúy, trâm cài đầu bằng Phi Thúy, tay đeo nhẫn Phi Thúy; thậm chí thứ đồ chơi bà hay cầm trên tay cũng là Ngọc khí hình bắp cải được chế tác từ Phi Thúy. Bà gọi Phi Thúy là "Ngọc hoàng gia". Tương truyền, Từ Hi Thái Hậu lập một phòng chứa châu báu tại Di Hòa Viên, bốn bề có các tủ gỗ vuông, đựng các loại hộp cẩm, hộp pha lê to nhỏ khác nhau, chúng được dùng vải lụa đẹp bao bọc, bên trong chứa đầy các loại châu báu. Trong vô số bảo vật này, bà thích nhất là cặp Dưa Hấu Phi Thúy. Cặp Dưa Hấu Phi Thúy này dùng các loại Phi Thúy màu xanh lá cây, màu đỏ và màu đen. Nghe nói, phần vỏ của dưa hấu Phi Thúy này có các vân màu xanh đen, bên trong có hột đen và phần ruột dưa đỏ hồng phân biệt rõ ràng, có thể thấy đây là sự kết hợp giữa lưỡi cắt thần kỳ của thiên nhiên và khả năng vận dụng tài tình của người thợ làm Ngọc. Từ Hi Thái Hậu không những sưu tầm vô số Phi Thúy khi còn sống, mà số lượng Phi Thúy được chôn cất với bà cũng khiến ta phải kinh ngạc. Căn cứ vào công bố của hoàng thất nhà Thanh, trong mộ của Từ Hi thái hậu, người ta tìm được hai quả Dưa Hấu Phi Thúy khắc ở phần trên đặt bên dưới chân bà, vỏ xanh ruột đỏ rất đáng yêu; bốn quả Dưa Ngọt Phi Thúy, hai trong bốn quả ấy có vỏ trắng hột vàng ruột hồng, hai quả kia có vỏ xanh hạt trắng ruột vàng, trên đầu có lá Phi Thúy trông như thật. Ngoài ra còn có 27 tượng Phật Phi Thúy; 10 trái Đào Phi Thúy; hai Bắp Cải trắng Phi Thúy lá xanh bẹ trắng, trên lá còn khắc một con châu chấu màu xanh. Từ Hi là người khởi nguồn cho phong trào yêu thích Phi Thúy Trung Quốc, và có ảnh hưởng đến ngày nay.

Ngọc khí đời Thanh là một dấu chấm rực rỡ cho Ngọc khí cổ đại Trung Quốc. Những Ngọc khí cổ đại Trung Quốc xuất hiện từ sự ảnh hưởng của vẻ mông lung huyền ảo thời nguyên thủy, phát triển qua tám ngàn năm, quá trình từ vật trang trí đơn giản đến những vật phục vụ cho tôn giáo, tầng lớp, các giai cấp trong xã hội đạo đức, cuối cùng trở thành những tác phẩm nghệ thuật cao cấp, đã phản ánh sâu sắc từng thời kỳ lịch sử phát triển khác nhau, trong những hình thái ý thức xã hội khác nhau sẽ có những hiện tượng văn hóa khác nhau.





Ngọc khí Trung Quốc phong phú đa dạng, là tinh hoa của công nghệ mĩ thuật, cũng là bằng chứng cho lịch sử Trung Quốc, ngoài ra nó còn là sự liên kết mối quan hệ tình cảm của con cháu với tổ tiên. Lịch sử quá trình phát triển của Ngọc khí đã chứng minh quá trình biến hóa thăng trầm của lịch sử, làm nổi bật những khát vọng của dân tộc Trung Hoa, và cũng bồi đắp tình cảm yêu Ngọc quý Ngoc của con cháu Hoa Hạ, truyền lại cho người thời nay tinh thần dân tộc và truyền thống văn hóa về những vật chất quý hiếm.

Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, cùng với sự mai một của lịch sử, nghệ thuật Ngọc khí cùng với các loại hình nghệ thuật văn hóa khác đã bị phá hủy một cách trầm trọng. Sau năm 1949, dựa vào sự hồi phục và phát triển thần tốc của kinh tế và khoa học văn hóa, Văn hóa Ngọc Trung Hoa một lần nữa lại phát triển một cách mạnh mẽ.

Bắt đầu những năm 50 của thế kỉ XX, Bắc Kinh, Dương Châu, Tô Châu, Thượng Hải, Quảng Châu, Thiên Tân, Nam Kinh, Cam Túc, Hà Nam, Liêu Ninh, Tân Cương v.v.. lần lượt đã thành lập các xưởng làm Ngọc, hàng trăm nghệ nhân điêu khắc Ngọc nổi tiếng đã được xã hội và quốc gia trân trọng, nghệ thuật làm Ngọc mấy ngàn năm của Trung Quốc đã đạt tới sự phát triển vượt bậc. Dựa vào những phong cách thiết kế và chế tác đa dạng, Ngọc khí Trung Quốc đã hình thành bốn trường phái lớn là "Bắc Phái", "Dương Phái", "Hải Phái", "Nam Phái". "Bắc Phái" chỉ phong cách của các nghệ nhân làm Ngọc ở Bắc Kinh, Liêu Ninh, đặc điểm là Ngọc dày, và trang trọng, cao quý, thanh lịch, tao nhã. Nhân vật đại biểu là Phan Bình Hành – một nghệ nhân mài Ngọc, tạo hình và chế tạo chén Ngọc; Lưu Đức Doanh – nghệ nhân chuyên mài giữa cái loại hoa cổ vòng tròn; Hà Vinh – nghệ nhân chuyên mài giữa hình Thần Phật. "Dương Phái" chỉ nghệ thuật khắc Ngọc ở Dương Châu, thể hiện nghệ thuật độc đáo, với nghệ thuật chế tác mài giữa tinh tế, tạo hình cổ quái kỳ lạ, phong cách mềm mại tuấn tú, nổi tiếng nhất với những hình ảnh to lớn hoặc núi non, có một số tác phẩm được xem là những bộ sưu tập quý báu vĩnh cửu của quốc gia. "Hải Phái" chỉ phong cách nghệ thuật của các nghệ nhân điêu khắc Ngọc ở Thượng Hải, với nghệ thuật mài giữa mâm Ngọc cổ và nhân vật, động vật sinh động truyền thần. "Nam Phái" chỉ phong cách điêu khắc Ngọc của Quảng Châu, nó thuộc dạng điêu khắc rỗng, nhiều tầng Ngọc, và loại phi thuy cao cấp đứng hàng đầu không có đối thủ.



Tác phẩm "Tiểu Sắc Ngũ Nga Đồ" của nghệ nhân kỳ cựu Vương Thủ Sâm – Bắc Kinh.

"Tiểu Sắc Ngũ Nga Đồ" là một tác phẩm Ngọc khí hiện đại tiêu biểu của đại sư Vương Thủ Sâm (1917 – 1989). Một khối Mã Nǎo bao gồm nhiều màu sắc, điêu khắc tinh xảo hình năm con thiên nga đang mổ thức ăn, năm con thiên nga vây quanh chén thức ăn, có con đứng, có con di chuyển, có con nằm ẩn mình, con đang ăn, có con đứng nhìn, con đang kêu, tư thế khác nhau, tạo hình ảnh sinh động, rất có thần. Đáng kinh ngạc nhất là màu sắc từ những bộ phận của các chú thiên nga và mâm đồ ăn..., tất cả đều sử dụng màu sắc từ nguyên liệu thiên nhiên, thể hiện được nét chân thực tự nhiên, lông thiên nga có màu đen trắng, miệng và mao màu hồng, mắt đen, chén thức ăn chỉ có màu nâu và trắng, ngoài ra giữa chén thức ăn có màu đen và vàng. Để điêu khắc được loại Ngọc khí có hình thái màu sắc phức tạp phong phú như vậy, độ khó rất cao, nghệ nhân Vương Thủ





Sâm đã dùng hơn bốn tấc Ngọc mài giua ra năm con trống mài, đủ lông đủ cánh, tư thái sinh động, vừa vặn khắp nơi. Cho nên tác phẩm này đã được các chuyên gia bình phẩm là một tuyệt phẩm dùng màu sắc tinh xảo hôi đủ sắc đẹp tự nhiên.

Dựa vào sự phát triển của khoa học công nghệ và sự biến hóa trong cảm hứng chế tác Ngọc của các nghệ nhân, những vật liệu mà Ngọc khí hiện đại đã sử dụng có những nét phát triển mới, thường thì các vật liệu được sử dụng có Ngọc Hòa Điển, Phi Thúy, Ngọc Tụ, Ngọc Độc Sơn, Ngọc Lam Điển, đá Kim Thanh, đá Lục Tùng, đá Khổng Tước, Mã Nǎo, Thủy Tinh, Lưu Ly, Hổ Phách, San Hô v.v.. Trong đó phổ biến nhất và được nhiều người thích nhất là Ngọc Hòa Điển và Phi Thúy.

Ngọc Hòa Điển là biểu tượng của Văn hóa Ngọc Trung Quốc, mấy năm gần đây, các tác phẩm Ngọc ưu tú không ngừng xuất hiện. Sự hưng vượng của nơi sản xuất Ngọc truyền thống, sự xuất hiện của thị trường mới, đã giúp Ngọc Hòa Điển có sự tiến bộ hoàn chỉnh. Những tác phẩm Ngọc Hòa Điển ở Thượng Hải điêu khắc đẹp đẽ, ý tưởng mới lạ và độc đáo thúc đẩy Văn hóa Ngọc Trung Quốc tiến lên một trình độ mới. Thượng Hải trở thành trung tâm giao dịch Ngọc Hòa Điển, trình độ điêu khắc và chất liệu Ngọc cao cấp nhất đều tập trung tại thành phố này.

Phi Thúy chủ yếu thể hiện ở các tác phẩm dùng để làm trang sức. Người Trung Quốc rất thích màu xanh của Phi Thúy, màu xanh thể hiện sự sống và một vùng đất rộng lớn. Màu xanh của Phi Thúy thể hiện sự tinh tế và sáng chói của địa chất, phối hợp rất tốt với các màu da của người Trung Quốc, thể hiện sự hài hòa tự nhiên, và còn có ảnh hưởng tới những vấn đề tâm linh của con người. Phi Thúy là sản phẩm nghệ thuật thích hợp dùng làm lề vật, không những có thể gia tăng vẻ đẹp của bối cảnh mà còn để cao vị trí văn hóa của sản phẩm, đồng thời còn thể hiện nguyện vọng cát tường như ý tốt đẹp.

Chủng loại và tạo hình của Ngọc khí truyền thống Trung Quốc vẫn được kế thừa và lưu giữ trong thời đại Ngọc khí hiện đại, nhưng chủng loại sử dụng lại hoàn toàn không giống nhau và còn thêm một số vật phẩm sáng tạo mới của thời đại mới, nên chủng loại Ngọc khí hiện đại rất đa dạng.

Một là loại Khí Mạnh, còn gọi là loại Lô Bình. Đó là những tạo hình họa tiết chủ đạo của truyền thống Trung Quốc, giống như tạo hình của Ngọc cổ, gốm cổ, thanh đồng cổ, trên nguyên tắc cơ bản lưu giữ nét đặc sắc của truyền thống và tiến hành sáng tạo nét mới, gọi là "sáng cổ". Những sản



Người mẫu trình bày tác phẩm Ngọc khí.





phẩm công cụ như lò lửa ba chân, Ngọc tháp nhiều tầng, bình hoa, bình đốt trầm hương, chén rượu cổ, bình trà cổ, Tước Bôi (chén rượu có miệng nhọn), đinh cổ và ly, chén, đĩa, hộp v.v.. tạo hình đơn giản mà trang trọng.

Hai là loại Nhân Vật, lấy nhân vật truyền thống làm chủ đạo, ví như hình tượng Thần, Phật, vật phẩm của người diễn kịch, điền cổ dân tộc v.v.. bao hàm nội dung như ý cát tường. Lấy nhân vật làm nguồn cảm hứng chính, các phần đơn giản và phần phụ thì lấy núi đá con thuyền mái chèo, vườn hoa, cây cảnh, chim muông để chế tác. Tạo hình theo đuổi hiệu quả nghệ thuật truyền thần, sống động như thật.

Ba là loại Chim muông và Hoa lá. Những loại hoa thường thấy là Mẫu Đơn, Nguyệt Quế, Ngọc Lan, Thủy Tiên, Cúc Hoa v.v... Chim muông thường là Phụng Hoàng, Khổng Tước, Hạc Tiên, Uyên Ương, Gà và Vịt. Tạo hình lung linh, thanh thoát mĩ lệ.

Bốn là các loài thú. Các loài thú rất đa dạng và truyền thống như Rồng, Ly, Kỳ Lân và các loại có trong cuộc sống hiện thực như Sư Tử, Hổ, Ngựa, Hươu v.v.. Tạo hình thực tế và dựa vào phong cách cổ mà biến hình, có phong thái uy nghi, thần bí.

Năm là các loại khác. Phạm vi khá rộng, có các loại Ngọc khí đặt trong văn phòng như giá treo bút, đồ chặn giấy, cái ống nhổ, nghiên mực bằng Ngọc; loại Ngọc trang sức như chuỗi hạt, vòng tay v.v.; loại Ngọc làm bình khí như dao, súng, kiếm, kích; loại Ngọc khí lỗ nghi cổ như Khuê, Chương, Bích, Tông, Hổ Phách, Hoàng; loại Ngọc làm dụng cụ hằng ngày như bát, ly, chậu, cái gối, v.v..; vật phẩm kỷ niệm như huân chương, vật phẩm dùng trong hội nghị v.v... Các loại này đa số có phong cách giản đơn, đẹp và mộc mạc.

Ngọc khí hiện đại được sử dụng rộng rãi, nó là một tác phẩm nghệ thuật thuộc hàng cao cấp, thỏa mãn được tính yêu thích nghệ thuật của dân chúng, thể hiện đời sống tâm linh, và là một loại hàng hóa để trao đổi, thỏa mãn nhu cầu bảo tồn giá trị cao; nó còn là vật đeo bên người, thể hiện sự giàu có, lại là vật trang sức có giá trị không nhỏ; nó là vật trung gian cho việc giao lưu văn hóa của quốc gia, cũng là lỗ vật quý báu dùng làm quà tặng lẫn nhau; nó còn là vật phẩm thể hiện tinh thần tài phú, tinh thần hướng về cái đẹp, thỏa mãn nhu cầu chúc phúc trong các lễ cưới, chúc thọ trong tiệc mừng thọ, thể hiện ý nguyện như ý cát tường.

Ngày nay, dựa vào sự phát triển của văn hóa, khoa học, việc chế tác Ngọc khí đã trở nên mới lạ theo năm tháng, các môn phái Ngọc khí khác



Hiện đại hóa việc chế tác Ngọc khí hiện đại.

nhau không ngừng lấy ưu bù khuyết, đồng thời cũng hấp thu những tinh hoa của nghệ thuật Ngọc khí cổ đại và nghệ thuật Ngọc khí phương Tây, khiến cho những thủ pháp mài giũa chế tác không ngừng được sáng tạo. Về phương diện kỹ thuật công nghệ, ngoài làm Ngọc tròn ra, còn khắc Ngọc nổi, và Ngọc nổi cao cấp v.v.. kết hợp từ thủ pháp và các loại kỹ thuật khác, đã phát triển nên kỹ thuật điêu khắc xuyên qua, điêu khắc rỗng, Tiêu điêu và khảm nạm. Kỹ thuật mới, công cụ mới xuất hiện không ít, từ những năm 60 của thế kỉ XX đã phát minh máy khắc Ngọc dùng nước truyền thống, đến những năm 70 cải tiến thành máy điêu khắc Ngọc cao tốc, rồi đến việc sử dụng trực quay công nghiệp để chế tạo mài giũa Ngọc khí có hình dạng lớn, kỹ thuật máy khoan la-ze và máy khoan bằng sóng siêu thanh, các loại máy chuyên dụng như máy thổi tạo hình Ngọc khí, công nghệ thổi cát tạo chữ, cùng với "máy làm bát", "máy đào lỗ" v.v.. đã khiến công nghệ chế tạo Ngọc khí hiện đại phát triển mạnh mẽ.

Tháng 8 năm 2008, Thế vận hội lần thứ 29 tổ chức ở Bắc Kinh, Ngọc đã trở thành vật phẩm quan trọng trong văn hóa ở thế vận hội, một lần nữa





Huy Bảo Ngọc của Thế vận hội năm 2008 được mài giũa từ Ngọc Hòa Điển.

Ngọc đã cho thế giới thấy về sự đặc sắc của văn hóa Trung Quốc. Hai khối Ngọc "Trung Quốc Án" ở Thế vận hội, là dùng Ngọc Hòa Điển Tân Cương chế tạo, một khối được đặt trong bảo tàng thế vận hội Lausanne – Thụy Sĩ, khối kia thì đặt trong Bảo tàng thủ đô Bắc Kinh. "Huy Bảo" (vật tượng trưng) của Thế vận hội là dùng Ngọc Hòa Điển mài giũa, tạo hình chủ thể là mô phỏng theo Ngọc tỉ đứng đầu trong hai mươi lăm cái "Ngọc tỉ Hoàng đế" được lưu giữ trong bảo tàng Cố Cung Bắc Kinh triều Thanh. Hài ý văn hóa của Ngọc thuộc rất nhiều phương diện: nhân tính ở Ngọc, cống hiến hết mình, đại diện cho tinh thần bao dung rộng lớn của thế vận hội; lấy trí tuệ ở Ngọc, tinh tế sắc bén, đại diện cho tinh thần sáng tạo tiến bộ của thế vận hội; lấy dũng khí ở Ngọc, không khuất phục không chùn bước, thể hiện tinh thần "càng nhanh, càng cao, càng mạnh" của Thế vận hội; lấy sự tinh khiết ở Ngọc, tinh khiết trong sạch không vẩn đục, thể hiện tinh thần cao thượng tinh khiết của Thế vận hội. Đồng thời, các tấm huy chương vàng,

bạc, đồng của Thế vận hội được đặt trong Ngọc trăng, Ngọc trăng xanh, Ngọc xanh, vừa có ý nghĩa đặc biệt, vừa quý giá vô cùng. Ngoài ra, âm nhạc trong khi trao giải là “Ngọc Chấn Kim Thanh”, là món quà tặng tuyệt đẹp dùng để cổ vũ tinh thần Thế vận hội, biểu thị cho món quà cao quý mà dân tộc Trung Hoa dành cho các anh hùng. Sự dung nhập văn hóa Trung Quốc, khiến cho Thế vận hội rất giàu phong thái đặc sắc Trung Quốc và phương Tây, thể hiện việc đổi mới thành ý hiếu khách của Trung Quốc, không những thể hiện sự hoan nghênh nồng nhiệt của Trung Quốc đối với bạn bè năm châu, mà còn thể hiện thiện ý chúc phúc của những cô gái Trung Hoa đối với cả thế giới.Thêm vào đó, Văn hóa Ngọc Trung Quốc cũng ghi nhận thêm một ý nghĩa mới, thể hiện sự trỗi dậy của tuổi thanh xuân.

Hành trình qua tám ngàn năm, trải qua sự mài giũa tinh xảo của người thợ Ngọc, qua việc sử dụng và trao đổi của những người thống trị, qua sự giải thích và làm đẹp của những người có học, và trải qua sự nghiên cứu và nâng niu của các nhà am hiểu về Ngọc, Ngọc khí Trung Quốc đã trở thành một bí mật của lực lượng siêu nhiên, từ một viên đá đẹp bình thường mà trở thành một công cụ quý, trở thành dấu ấn cho tôn giáo, chính trị, đạo đức, giá trị xã hội, trở thành tinh thần bất diệt của dân tộc Trung Hoa. Ngọc khí Trung Quốc, ngày càng khắc sâu vào truyền thống văn hóa Trung Hoa, cũng như trở thành một loại hình nghệ thuật tuyệt vời của thế giới.

PHỤ LỤC
BẢNG TÓM TẮT NIÊN ĐẠI LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Thời đại đồ đá cũ	Khoảng 170 vạn năm – 1 vạn năm trước
Thời đại đồ đá mới	Khoảng 1 vạn năm – 4000 năm trước
Ha	Năm 2070 – năm 1600 TCN
Thương	Năm 1600 – năm 1046 TCN
Tây Chu	Năm 1046 – năm 771 TCN
Xuân Thu	Năm 770 – năm 476 TCN
Chiến Quốc	Năm 475 – năm 221 TCN
Tần	Năm 221 – năm 206 TCN
Tây Hán	Năm 206 TCN – năm 25 SCN
Đông Hán	Năm 25 – năm 220
Tam Quốc	Năm 220 – năm 280
Tây Tần	Năm 265 – năm 317
Đông Tần	Năm 317 – năm 420
Nam Bắc triều	Năm 420 – năm 589
Tùy	Năm 581 – năm 618
Đường	Năm 618 – năm 907
Ngũ đại	Năm 907 – năm 960
Bắc Tống	Năm 960 – năm 1127
Nam Tống	Năm 1127 – năm 1279
Nguyễn	Năm 1206 – năm 1368
Minh	Năm 1368 – năm 1644
Thanh	Năm 1616 – năm 1911
Trung Hoa Dân Quốc	Năm 1912 – năm 1949
Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa	Thành lập năm 1949

NGỌC KHÍ Trung Quốc

Tác giả:
VU MINH

Người dịch:
TS. PHẠM TRUNG HIẾU
(Khoa Địa Chất, Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQG TP.HCM)

ThS. TRƯƠNG PHAN CHÂU TÂM
(Khoa Ngữ văn Trung Quốc - ĐHKHXH&NV - ĐHQG TP.HCM)

Người giới thiệu và hiệu đính:
PGS. TS. LÊ TIẾN DŨNG
(Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Hà Nội)

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Biên tập: TRẦN BAN - KIẾN NAM

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, Thành Phố Hồ Chí Minh
ĐT: 38256713 - 38247225 - 38296764 - 38223637 - Fax: 84.8.38222726

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2

86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Q.4, Thành Phố Hồ Chí Minh
ĐT: 38256713 - 38247225 - 38296764 - 38223637 - Fax: 84.8.38222726

Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Website: www.nxbhcm.com.vn / www.sachweb.vn

GPXB số: 300-13/CXB/74-30/THTPHCM cấp ngày 13/3/2013.
ISBN 978-604-58-0481-0

中国玉器

NGỌC KHÍ

Trung Quốc

Trung Quốc là nơi có lịch sử văn hóa lâu đời trên thế giới, là “Ngọc khí chi bang” của một dân tộc đa sắc tộc. Dân tộc Trung Hoa là dân tộc tôn sùng Ngọc, yêu Ngọc, họ có lịch sử văn hóa Ngọc tám ngàn năm mà các dân tộc khác trên thế giới khó có thể so sánh được. Trong những năm tháng xa xưa ấy, con người phủ lên Ngọc khí một sắc thái thần bí, biến nó trở thành chỗ dựa tinh thần của mình. Từ đó, văn hóa Ngọc khí ăn sâu vào gốc rễ văn hóa truyền thống Trung Quốc, đồng thời có tác dụng đặc biệt trên nhiều phương diện của cuộc sống mà các tác phẩm nghệ thuật khác không thể thay thế được.



中国图书对外推广计划
CHINA BOOK INTERNATIONAL

ISBN 978-6-04-580481-0



9 786045 804810

Giá: 62.000 đ

